

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 195 – Chúa nhật 21.04.2013

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

Mầu Nhiệm Giáo Hội	Vatican 2
Linh mục đồng hành với Dân Chúa	Gm. Giuse Võ Đức Minh
NẾU TÔI KHÔNG THẤY TÔI KHÔNG TIN	Lm Lê Văn Quảng Psy.D.
BÁM RẼ TRONG LỜI	Chuyển ngữ: Thérèse Trần Thiết + Fr. Marie Bảo Tịnh O.Cist
BẾP HỒNG	Lm. Vĩnh Sang, dcct
DÒNG CHẢY NGẦM CỦA SỨC MẠNH	Lm. Giuse Tuấn Việt, O.Carm.
ĐỐI THOẠI NĂM ĐỨC TIN - KHOA HỌC VÀ ĐỨC TIN (VẤN ĐỀ 05)	Lm. Đan Vinh
TÓM LƯỢC HIẾN CHẾ MỤC VỤ VỀ HỘI THÁNH GAUDIUM ET SPES (TÌM HIỂU CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II - BÀI 5)	Phaolô Phạm Xuân Khôi
Tưởng thưởng cho sự khổ chế	Lm. Minh Anh chuyển ngữ
CÁC MỐI TƯỞNG QUAN MỤC VỤ (tiếp theo)	Lm. Micae Phaolo Trần Minh Huy, pss.
CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG ĐỊA TRUNG HẢI.	Bác sĩ Nguyễn Ý Đức, MD.
BẢO VỆ HÔN NHÂN	Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD.

Mầu Nhiệm Giáo Hội

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II
Khóa V Ngày 21 tháng 11 Năm 1964
Phaolô Giám Mục
Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa
Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng
Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Hiến Chế Tín Lý Về Giáo Hội : Lumen Gentium

Chương I

Màu Nhiệm Giáo Hội 1*

1. Giáo Hội, bí tích trong Đức Kitô. Ánh sáng muôn dân chính là Chúa Kitô, nên Thánh Công Đồng đang nhóm họp trong Chúa Thánh Thần hết lòng mong ước soi dẫn mọi người bằng ánh sáng của Chúa phản chiếu trên dung nhan Giáo Hội, bằng việc rao truyền Phúc Âm cho mọi tạo vật (x. Mc 16,15). Vì Giáo Hội ở trong Chúa Kitô như bí tích hoặc dấu chỉ và khí cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại, nên, dựa trên giáo huấn của các Công Đồng trước, Giáo Hội muốn làm sáng tỏ bản tính và sứ mệnh phổ quát của mình cho tín hữu và toàn thể giới. Những hoàn cảnh hiện tại làm cho nhiệm vụ của Giáo Hội thêm khẩn thiết hơn, để ngày nay mọi người liên hệ chặt chẽ hơn bởi nhiều ràng buộc xã hội, kỹ thuật, văn hóa, cũng được hiệp nhất trọn vẹn trong Chúa Kitô. 2*

2. Ý định cứu chuộc phổ quát của Chúa Cha. 3* Bởi ý định khôn ngoan nhân lành, hoàn toàn tự do và màu nhiệm, Chúa Cha hằng hữu đã tạo dựng vũ trụ; Ngài đã quyết định nâng loài người lên tham dự đời sống thần linh, và Ngài đã không từ bỏ con người sa ngã trong Adam, nhưng luôn ban sự trợ giúp để họ được cứu rỗi, nhờ Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế, "là hình ảnh Thiên Chúa vô hình, Con đầu lòng của tạo vật" (Col 1,15). Thực vậy, từ muôn thuở tất cả mọi người được tuyển chọn, Chúa Cha "đã biết trước và đã tiền định cho họ trở nên giống hình ảnh Con Chúa, hầu người Con đó được trở nên Trưởng Tử trong nhiều anh em" (Rm 8,29). Thế nên Chúa Cha muốn qui tụ những ai tin kính Chúa Kitô vào trong Giáo Hội. Từ nguyên thủy, Giáo Hội được phác thảo bằng hình bóng, được chuẩn bị kỹ diệu trong lịch sử dân Israel và trong giao ước cũ 1, được thành lập trong thời cuối cùng, và được biểu hiện lúc Chúa Thánh Thần ngự xuống, rồi đến ngày tận thế sẽ kết thúc trong vinh quang. Bây giờ, như chúng ta đọc thấy nơi các Giáo Phụ, mọi người công chính từ Adam, "từ Abel công chính đến người được tuyển chọn cuối cùng" 2 sẽ được tập họp trong Giáo Hội phổ quát bên Chúa Cha.

3. Sứ mạng và công cuộc của Chúa Con. Thế là Chúa Con được phái đến do Chúa Cha, Đấng đã tuyển chọn chúng ta nơi Người trước khi tạo dựng vũ trụ và tiền định chúng ta làm dưỡng tử, vì Ngài mong ước cải tạo tất cả trong Chúa Con (x. Eph 1,4-5 và 10). Bởi thế, để chu toàn thánh ý Chúa Cha, Chúa Kitô đã khai nguyên nước trời nơi trần gian, mạc khải cho chúng ta màu nhiệm của Ngài, và thực hiện việc cứu thế bằng việc vâng phục Chúa Cha. Giáo Hội hoặc nước Chúa Kitô đã hiện diện cách màu nhiệm, nhờ thần lực Thiên Chúa, phát triển trong thế gian cách hiển nhiên. Sự khai nguyên và phát triển đó được biểu thị bằng máu và nước chảy ra từ cạnh sườn Chúa Giêsu chịu đóng đinh (x. Gio 19,34) và được tiên báo qua lời Chúa nói về cái chết của Người trên thập giá: "Và Ta, khi bị treo lên khỏi đất, Ta sẽ kéo mọi người lên cùng Ta" (Gio 12,32, bản Hy Lạp). Mỗi lần hy lễ thánh giá được cử hành trên bàn thờ, nhờ đó "Chúa Kitô, chiến vượt qua của chúng ta chịu hiến tế" (1Cor 5,7), thì công trình cứu chuộc chúng ta được thực hiện. Bí tích Thánh Thể cũng biểu thị và thực hiện sự hiệp nhất các tín hữu, là những kẻ hợp thành một thân thể, trong Chúa Kitô (x. 1Cor 10,17). Mọi người đều được mời gọi kết hiệp cùng Chúa Kitô như vậy. Người là ánh sáng thế gian. Chúng ta phát xuất từ Người, sống nhờ Người và hướng về Người.

4. Việc thánh hóa Giáo Hội của Chúa Thánh Thần. Khi công trình Chúa Cha trao phó cho Chúa Con thực hiện trên trần gian đã hoàn tất (x. Gio 17,4) Chúa Thánh Thần được phái đến trong ngày lễ Hiện Xuống để thánh hóa Giáo Hội mãi mãi, và như thế những ai tin sẽ được tới cùng Chúa Cha qua Chúa Kitô trong một Thần Khí duy nhất (x. Eph 2,18). Chính Ngài là Thánh Thần ban sự sống, là mạch nước vọt lên sự sống vĩnh cửu (x. Gio 4,14; 7,38-39), nhờ Ngài, Chúa Cha hồi sinh những kẻ đã chết vì tội lỗi, đợi đến khi phục sinh thân xác hay chết của họ trong Chúa Kitô (x. Rm 8,10-11). Chúa Thánh Thần ngự trị trong Giáo Hội và trong tâm hồn các tín hữu như ngự giữa đền thờ (x. 1Cor 3,16; 6,19). Trong họ, Ngài cầu nguyện và chứng nhận họ là dưỡng tử (x. Gal 4,6; Rm 8,15-16 và 26). Ngài dẫn đưa Giáo Hội trong hiệp thông và phục

vụ. Ngài huấn luyện và dẫn dắt Giáo Hội bằng muôn ơn theo phẩm chức và đoàn sủng, trang điểm Giáo Hội bằng hoa quả của Ngài (x. Eph 4,11-12; 1Cor 12,4; Gal 5,22). Nhờ sức mạnh Phúc Âm, Ngài là tươi trẻ, không ngừng canh tân và dẫn đưa Giáo Hội đến kết hợp hoàn toàn với Phu Quân mình 3. Thực vậy, Chúa Thánh Thần và Hiền Thê nói cùng Chúa Giêsu rằng: "Xin hãy đến" (x. Kh 22,17).

Như thế Giáo Hội phổ quát xuất hiện như "một dân tộc hiệp nhất do sự hiệp nhất giữa Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần" 4.

5. Nước Thiên Chúa. 4* Mầu nhiệm Giáo Hội thánh thiện được biểu lộ trong chính việc thành lập. Thực thể, Chúa Giêsu đã khai sinh Giáo Hội bằng việc rao giảng Phúc Âm rằng Nước Thiên Chúa đã đến như đã hứa trong Thánh Kinh từ ngàn xưa: "Thời gian đã trọn, Nước Thiên Chúa gần đến" (Mc 1,15; x. Mt 4,17). Nước này chiếu sáng trước mặt mọi người qua lời nói, hành động và sự hiện diện của Chúa Kitô. Lời Chúa ví như hạt giống gieo trong ruộng (x. Mc 4,14): ai tin nghe lời Chúa và gia nhập đàn chiên nhỏ của Chúa Kitô (x. Lc 12,32), thì đã đón nhận chính Nước Ngài; rồi tự sức mình, hạt giống nảy mầm và lớn lên cho đến mùa gặt (x. Mc 4,26-29). Các phép lạ của Chúa Giêsu cũng chứng minh rằng Nước Ngài đã đến thế gian: "Nếu Ta dùng ngón tay Thiên Chúa để trừ ma quỷ, ắt Nước Thiên Chúa đã đến nơi các ngươi rồi" (Lc 11,20; x. Mt 12,28). Nhưng trước tiên, Nước ấy biểu lộ trong chính con người Chúa Kitô, Con Thiên Chúa và Con loài người, Đấng đã đến "để hầu hạ và hiến mạng sống mình làm giá chuộc thiên hạ" (Mc 10,45).

Vì sau khi chịu chết trên thập giá cho nhân loại, Chúa Giêsu đã phục sinh, nên Người được phong làm Chúa, làm Đấng Kitô và làm Linh Mục muôn đời (x. CvTđ 2,36; Dth 5,6; 7,17-21); và Người đổ tràn Thánh Thần mà Chúa Cha đã hứa trên các môn đệ Người (x. CvTđ 2,33). Vì thế, với ân huệ của Đấng sáng lập, và trong khi trung thành tuân giữ các giới răn bác ái, khiêm nhường và từ bỏ, Giáo Hội đã lãnh nhận sứ mệnh rao truyền và thiết lập Nước Chúa Kitô và Nước Thiên Chúa trong mọi dân tộc; Giáo Hội là mầm mống và khai nguyên Nước ấy trên trần gian. Đang lúc từ từ phát triển, Giáo Hội vẫn khát mong Nước ấy hoàn tất và thiết tha hy vọng, mong ước kết hợp với Vua mình trong vinh quang. 5*

6. Hình ảnh diễn tả Giáo Hội. Trong Cựu Ước, việc mạc khải Nước Thiên Chúa thường được trình bày bằng hình bóng; cũng thế, ngày nay bản tính thâm sâu của Giáo Hội được diễn tả bằng nhiều hình ảnh lấy từ đời sống du mục, canh nông, kiến trúc, hoặc gia đình và hôn lễ. Sách các tiên tri đã phác họa những hình ảnh đó.

Thực thể, Giáo Hội là chuồng chiên mà Chúa Kitô là cửa vào duy nhất và cần thiết (x. Gio 10,1-10). Giáo Hội cũng là đàn chiên mà chính Thiên Chúa đã tiên báo Ngài là mục tử (x. Is 40,11; Ez 34,11 tt). Tuy được các mục tử phạm nhân chặn dất, những chiên ấy luôn được chính Chúa Kitô, Mục Tử nhân lành và Thủ Lãnh các mục tử, dẫn dắt và nuôi dưỡng (x. Gio 10,11; 1P 5,4). Người đã hiến mạng sống mình vì đàn chiên (x. Gio 10,11-15).

Giáo Hội cũng là thửa ruộng hay cánh đồng Thiên Chúa (x. 1Cor 3,9). Trong cánh đồng ấy, mọc lên cây dầu cổ thụ mà các Tổ Phụ là gốc rễ thánh. Nơi cây cổ thụ này, sự hòa giải giữa dân Israel và các dân ngoại đã được và sẽ được thực hiện (x. Rm 11,13-26). Người trồng nho thiên quốc vun trồng Giáo Hội như một cây nho được tuyển chọn (x. Mt 21,33-43 song song; x. Is 5,1 tt). Chúa Kitô là cây nho đích thực. Người ban sức sống và hoa trái cho các nhánh là chúng ta. Nhờ Giáo Hội, chúng ta ở trong Người; và không có Người, chúng ta không thể làm gì được (x. Gio 15,1-5).

Giáo Hội cũng thường được gọi là tòa nhà của Thiên Chúa (x. 1Cor 3,9). Chúa Kitô đã tự ví Người như viên đá mà các thợ xây loại bỏ, nhưng đã trở thành viên đá góc (x. Mt 21,42 song song; CvTđ 4,11; 1P 2,7; Tv 117,22). Trên nền móng này, các Tông Đồ đã xây dựng Giáo Hội (x. 1Cor 3,11), và Giáo Hội được bền vững, liên kết nhờ nền móng đó. Tòa nhà này còn được gọi bằng nhiều tên khác: Nhà Thiên Chúa (x. 1Tm 3,15), nơi gia đình Ngài cư ngụ. Nhà Thiên Chúa trong Chúa Thánh Thần (x. Eph 2,19-22), "Lều Tạm của Thiên Chúa giữa loài người" (Kh 21,3), và nhất là Đền Thánh, tiêu biểu bằng các cung thánh bằng đá, đã từng được các Thánh

Giáo Hội ca tụng, và được Phụng Vụ sánh ví rất chính xác với Thành thánh, thành Giêrusalem mới 5. Thực vậy, trong Giáo Hội tại thế, chúng ta là những viên đá sống động dùng vào việc xây cất (x. 1P 2,5). Thánh Gioan đã chiêm ngưỡng Thành thánh ấy từ trời nơi Thiên Chúa mà xuống trong ngày cải tạo vũ trụ, "sẵn sàng như hiền thê trang điểm để đón tân lang mình" (Kh 21,1tt).

Giáo Hội còn được gọi là "thành Giêrusalem trên trời" là "mẹ chúng ta" (Gal 4,26; x. Kh 12,17), được mô tả như hiền thê tinh tuyền của Con Chiên không tì ố (x. Kh 19,7; 21,2 và 9; 22,17) được Chúa Kitô yêu mến "và hiến thân để thánh hóa" (Eph 5,25-26), được Người kết hợp bằng một giao ước bất khả phân ly, được "nuôi dưỡng và săn sóc" không ngừng (Eph 5,29). Sau khi thanh tẩy hiền thê, Chúa Kitô muốn hiến thân ấy kết hợp và vâng phục mình trong tình yêu và trung tín (x. Eph 5,24). Sau cùng, Người vĩnh viễn ban cho dư tràn ơn thiêng trên trời để chúng ta hiểu thế nào là tình yêu Thiên Chúa và Chúa Kitô đối với chúng ta, tình yêu ấy vượt trên mọi hiểu biết (x. Eph 3,19). Bao lâu còn là lữ hành trên dương thế xa cách Chúa (x. 2Cor 5,6), Giáo Hội nhận mình bị lưu đày, nên luôn tìm kiếm và ném hương vị trên trời, nơi Chúa Kitô ngự bên hữu Thiên Chúa; nơi tiềm ẩn sự sống của Giáo Hội cùng Chúa Kitô trong Thiên Chúa, cho đến ngày xuất hiện với Phu Quân mình trong vinh quang (x. Col 3,1-4). 6*

7. Giáo Hội, thân thể Đức Kitô. Khi Con Thiên Chúa chiến thắng sự chết bằng cái chết và phục sinh, trong nhân tính mà Người kết hợp, Người đã cứu chuộc và biến con người thành một tạo vật mới (x. Gal 6,15; 2Cor 5,17). Thực vậy, Người tạo lập cách mẫu nhiệm các em Người, tụ họp từ muôn nước thành thân thể Người, bằng cách thông truyền Thánh Thần cho họ.

Trong thân thể ấy, sự sống Chúa Kitô tràn lan trên các tín hữu. Nhờ các bí tích, các tín hữu được kết hợp thực sự và cách mẫu nhiệm với Chúa Kitô đau khổ và vinh hiển 6. Quả thực, nhờ phép thánh tẩy chúng được nên giống Chúa Kitô: "Vì tất cả chúng ta được tẩy rửa trong một Chúa Thánh Thần để nên một thân thể" (1Cor 12,13). Nghi thức thánh thiện ấy diễn tả và thực hiện sự hiệp nhất với cái chết và sự phục sinh của Chúa Kitô: "Nhờ phép thánh tẩy, chúng ta được mai táng cùng Người trong cái chết"; và nếu "chúng ta liên kết với Người trong cuộc tử nạn thế nào thì cũng sẽ được sống lại với Người như vậy" (Rm 6,4-5). Khi bẻ bánh tạ ơn, chúng ta thực sự thông dự vào Thân Thể của Chúa nên chúng ta được nâng lên để hiệp thông với Người và với nhau. "Chúng ta tuy nhiều, nhưng là một tấm bánh, một thân thể, vì hết thảy chúng ta đồng thông hưởng cùng một tấm bánh" (1Cor 10,17). Thế nên tất cả chúng ta trở thành chi thể của Thân Thể ấy (x. 1Cor 12,27), "vì mỗi người là chi thể của nhau" (Rm 12,5).

Thật vậy, tất cả các chi thể tuy nhiều, nhưng chỉ tạo thành một thân thể; cũng thế, các tín hữu hợp thành một thân thể trong Chúa Kitô (x. 1Cor 12,12). Trong việc xây dựng thân thể Chúa Kitô, cần có nhiều chi thể với phận vụ khác nhau. Chỉ có một Chúa Thánh Thần ban những ân sủng khác nhau để làm ích cho Giáo Hội theo sự sung mãn của Ngài và tùy nhu cầu của công việc (x. 1Cor 12,1-11). Trong các ân sủng ấy, ơn ban cho các Tông Đồ đứng hàng đầu: chính Chúa Thánh Thần đặt dưới quyền các ngài cả những người lãnh nhận những ơn đặc biệt (x. 1Cor 14). Cũng chính Thánh Thần ấy tự mình hợp nhất thân thể bằng thần lực Ngài và bằng sự liên kết tinh thần các chi thể lại với nhau; như thế Ngài làm phát sinh và thúc bách đức ái giữa các tín hữu. Vì thế, nếu một chi thể nào đau đớn thì tất cả các chi thể khác đều bị đau đớn; và nếu một chi thể nào được vinh dự thì tất cả các chi thể khác cùng chung vui (x. 1Cor 12,26).

Chúa Kitô là Đầu của Thân Thể này. Chính Người là hình ảnh Thiên Chúa vô hình, và trong Người mọi vật được tác thành. Người có trước mọi người và mọi sự được bền vững trong Người. Người là Đầu của Thân Thể là Giáo Hội. Người là nguyên lý, là anh cả của những kẻ phải chết, hầu nắm quyền thủ lãnh mọi sự (x. Col 1,15-18), Người thống trị mọi vật trên trời dưới đất bằng thần lực lớn lao, và ban dư tràn sự vinh hiển phong phú của Người cho toàn thân thể nhờ sự toàn thiện và hoạt động siêu đẳng của Người (x. Eph 1,18-23) 7.

Mọi chi thể phải nên giống Chúa Kitô cho đến khi Người hình thành trong họ (x. Gal 4,19). Vì thế, chúng ta được kết nạp vào máu nhiệm sự sống của Người, trở nên giống Người, cùng chết và sống lại với Người, cho đến khi cùng cai trị với Người (x. Ph 3,21; 2Tm 2,11; Eph 2,6; Col 2,12; v.v). Đang khi còn là lữ hành trên mặt đất, bước theo vết chân Người trong đau thương và bách hại, chúng ta cùng thông hiệp với những đau khổ của Người như thân thể kết hợp với đầu, hiệp với sự thương khó của Người để được cùng Người vinh hiển (x. Rm 8,17).

Trong Người, "toàn thân tìm được lương thực và sự liên kết nhờ các mối dây ràng buộc cấu kết với nhau, để lớn lên trong Thiên Chúa" (Col 2,19). Trong thân thể Người là Giáo Hội, Người luôn ban ơn huệ là các chức vụ, nhờ đó, với thần lực Người, chúng ta giúp nhau cứu rỗi, hầu khi thực hiện chân lý trong bác ái, chúng ta lớn lên về mọi phương diện trong Người, là Đầu của chúng ta (x. Eph 4,11-16, bản Hy Lạp).

Để chúng ta không ngừng canh tân trong Người (x. Eph 4,23), Người đã cho thông dự vào Thánh Thần Người, cũng một Đấng duy nhất hiện hữu trên Đầu cũng như trong các chi thể, làm sống động, liên kết và thúc giục toàn thân, đến nỗi các thánh Giáo Phụ đã ví nhiệm vụ của Chúa Thánh Thần với công việc mà nguyên lý sự sống, tức là linh hồn, hoàn thành trong thân xác 8.

Chúa Kitô yêu thương Giáo Hội như hiền thê Người, Người trở thành gương mẫu của người chồng yêu vợ mình như yêu chính bản thân (x. Eph 5,25-28); phần Giáo Hội thì từng phục Đầu (n.v.t, 23-24); "Vì tất cả sự sung mãn về bản tính Thiên Chúa ở trong Người cách hữu hình" (Col 2,9), nên Người đổ tràn ơn thiêng trên Giáo Hội, là thân thể, là sự sung mãn của Người (x. Eph 1,22-23) để Giáo Hội cố gắng đạt tới sự viên mãn hoàn toàn của Thiên Chúa (x. Eph 3,19). 7*

8. Giáo Hội, thực tại hữu hình và thiêng liêng. 8* Chúa Kitô, Đấng Trung Gian duy nhất, đã thiết lập Giáo Hội thánh thiện, một cộng đoàn đức tin, cậy và mến, như một toàn bộ cấu trúc hữu hình trên trần gian mà Người không ngừng bảo vệ 9. Qua Giáo Hội, Người đổ tràn chân lý và ân sủng cho mọi người. Giáo Hội là xã hội có tổ chức qui củ, và Nhiệm Thể Chúa Kitô, đoàn thể hữu hình và cộng đoàn thiêng liêng, Giáo Hội tại thế và Giáo Hội dư tràn của cải trên trời không được quan niệm như hai thực thể nhưng chỉ là một thực thể phức tạp, duy nhất, do yếu tố nhân loại và thần linh kết thành 10. Vì thế, nhờ loại suy xác thực, chúng ta có thể ví Giáo Hội với máu nhiệm Ngôi Lời nhập thể. Thực vậy, nhân tính mà Ngôi Lời mặc lấy phục vụ Người như cơ cấu cứu rỗi sống động và kết hợp với Người cách bất khả phân ly; cũng thế, toàn thể cơ cấu xã hội của Giáo Hội phục vụ Thánh Thần Chúa Kitô, Đấng làm cho Giáo Hội sống động để tăng triển thân thể (x. Eph 4,16) 11.

Đó là Giáo Hội duy nhất của Chúa Kitô mà trong Kinh Tin Kính chúng ta tuyên xưng là duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền 12. Sau khi phục sinh, Đấng cứu chuộc chúng ta đã trao phó cho Phêrô chăn dắt Giáo Hội đó (Gio 21,17); Người phó thác cho Phêrô cũng như cho các Tông Đồ khác truyền bá, cai quản (x. Mt 28,18tt), và thiết lập Giáo Hội nên "rường cột và nền tảng chân lý" đến muôn đời (x. 1Tm 3,15). Như một xã hội được thiết lập qui củ trên trần gian, Giáo Hội ấy tồn tại trong Giáo Hội Công Giáo, do Đấng kế vị Phêrô và các giám mục hiệp thông với Ngài điều khiển 13, và mặc dù bên ngoài cơ cấu của Giáo Hội còn có nhiều yếu tố thánh hóa và chân lý, nhưng những yếu tố ấy là những ơn riêng của Giáo Hội Chúa Kitô, thúc bách đến sự hiệp nhất công giáo.

Như Chúa Kitô đã hoàn tất công trình cứu chuộc trong khó nghèo và bách hại, Giáo Hội cũng được mời gọi đi cùng đường lối ấy hầu thông ban ơn cứu rỗi cho loài người. Chúa Giêsu Kitô "vốn có hình thể Thiên Chúa... tự hủy mình, tự nhận thân phận tôi tớ" (Ph 2,6-7), và "vốn giàu có, Người đã hóa ra nghèo hèn" vì chúng ta (2Cor 8,9): cũng thế, tuy cần đến những phương tiện nhân loại để chu toàn sứ mệnh mình, Giáo Hội được thiết lập không phải để tìm kiếm vinh quang trần thế, nhưng để truyền bá khiêm nhường và từ bỏ, bằng gương lành của chính mình. Chúa Kitô được Chúa Cha phái đến "rao truyền Phúc Âm cho kẻ bần cùng... cứu chữa các tâm hồn đau khổ" (Lc 4,18), "tìm kiếm và cứu vớt những gì đã hư mất" (Lc 19,10).

Cũng thế, Giáo Hội triu mến và áp ủ tất cả những ai đau khổ vì sự yếu hèn của con người, nhất là nhận biết nơi những kẻ nghèo khó và đau khổ hình ảnh Đấng Sáng Lập khó nghèo và khổ đau, ra sức giảm bớt nỗi cơ cực của họ và nhằm phụng sự Chúa Kitô trong họ. Nhưng Chúa Kitô "thánh thiện, vô tội, tinh tuyền" (Dth 7,26), không hề phạm tội (x. 2Cor 5,21), chỉ đến để đền tội lỗi dân chúng (x. Dth 2,17), còn Giáo Hội, vì ôm ấp những kẻ có tội trong lòng, nên vừa thánh thiện vừa phải luôn thanh tẩy mình. Do đó, Giáo Hội luôn thực hiện việc sám hối và canh tân.

"Lữ hành giữa cơn bách hại của thế gian và trong niềm an ủi của Thiên Chúa" 14, Giáo Hội rao truyền cái chết và thánh giá Chúa, cho đến khi Người trở lại (x. 1Cor 11,26). Giáo Hội vững mạnh nhờ thần lực của Chúa phục sinh, để toàn thắng các khó khăn và sàu muộn từ bên trong cũng như bên ngoài bằng yêu thương và kiên trì, và trung thành mạc khải cho thế gian màu nhiệm của Chúa còn giấu trong bóng tối, cho đến khi được phô bày dưới ánh sáng vẹn toàn trong ngày sau hết.

Chú Thích:

1* Hai chương đầu của Hiến chế tín lý về Giáo Hội nhằm trình bày màu nhiệm Giáo Hội trong ý định cứu rỗi của Thiên Chúa như Thánh Kinh đã mạc khải, trước khi phân tích cơ cấu phẩm trật (ch. III) và tác động siêu nhiên.

Sau khi đã xác định Giáo Hội khai sinh từ Màu Nhiệm Ba Ngôi, chương I của Hiến Chế tìm hiểu những danh xưng và những hình ảnh khác nhau mà Thánh Kinh sử dụng để chỉ Giáo Hội, đặc biệt nhấn mạnh tới danh xưng của Thánh Phaolô gọi Giáo Hội là "Thân Thể Chúa Kitô" (các số 5-7), nhưng không tuyệt đối theo cách gọi đó. Sau cùng, chương I còn cắt nghĩa thực tại Giáo Hội trong tình trạng cụ thể (số 8).

2* Số 1: Nhập đề

Đây là phần nhập đề tổng quát, nói lên chiều hướng riêng biệt của Hiến Chế. Công Đồng quả quyết sứ mệnh cứu rỗi phổ quát của Giáo Hội đã được Chúa Kitô trao phó, qua ý niệm bí tích phổ quát của ơn cứu rỗi. Ở đây, sự cứu rỗi được quan niệm dưới hình thức hợp thông với Ba Ngôi.

3* Các số 2-4: Giáo Hội từ Màu Nhiệm Chúa Ba Ngôi.

Các số này có sự thống nhất khá chặt chẽ về đề mục và cơ cấu, nói lên hoạt động của Ba Ngôi trong đời sống Giáo Hội. Giáo Hội khai sinh từ ý định tự do của Chúa Cha hằng hữu (số 2), ý định đó được thực hiện qua sứ mệnh của Chúa Con (số 3), và được bổ túc nhờ sự thánh hóa mà Chúa Thánh Thần đem đến (số 4). Như vậy chúng ta thấy rõ Giáo Lý Công Giáo về Giáo Hội được xây dựng trên tín điều căn bản của Kitô giáo. Công Đồng nói theo kiểu nói của Thánh Kinh chứ không theo kiểu nói thần học. Và không muốn giải quyết vấn đề: phải hiểu những hoạt động của Ba Ngôi như thế nào. Câu sau cùng của số 4 bao gồm chủ đích và nội dung của số đó.

1 Xem T. Cyprianô, Epist. 64,4: PL 3,1017; CSEL (Hartel), III B, trg 720. T. Hilariô Pict., In Mt. 23,6: PL 9,1047. T. Augustinô, nhiều chỗ khác. T. Cyrillô Alex. Glaph. in Gen. 2, 10: PG 69, 110A.

2 T. Gregoriô Cả. Hom. in Evang. 19,1: PL 76,1154 B. Xem T. Augustinô, Serm. 341, 9,11: PL 39,1499t. T. Gio. Damascenô, Adv. Iconoct. 11: PG 96,1357.

3 Xem T. Ireneô, Adv. Haer. III, 24, 1: PG 7, 966 B; Harvey 2, 131; x. b. Sagnard, Sources Chr., trg 398.

4 T. Cyprianô, De Orat. Dom. 23 : PL 4, 553: Hartel, III A, trg 285. T. Augustinô, Serm. 71, 20, 33: PL 38, 463t. T. Gioan Damascenô, Adv. Iconocl. 12: PG 96, 1358 D.

4* Các số 5-7: Giáo Hội trong lịch sử cứu rỗi.

Các số này trình bày sự hiện diện và hoạt động siêu nhiên của Thiên Chúa qua Giáo Hội trong công cuộc cứu độ. Công Đồng muốn giải thích ý định cứu rỗi của Ba Ngôi thực hiện qua Giáo Hội (các số 2-4) tiến triển như thế nào trong lịch sử cứu rỗi. Việc đó phải nhờ vào sự phân tích tỉ mỉ những cách diễn tả của mạc khải Thánh Kinh. Như thế trong số 5, Công Đồng nói về Giáo Hội như một Nước Thiên Chúa ở trần gian; số 6 trình bày những hình ảnh và những hình bóng khác nhau mà Thánh Kinh sử dụng để mô tả Giáo Hội như là việc của Thiên Chúa; và sau cùng, trong số 7, Công Đồng giải thích sâu xa hơn về Giáo Hội là Thân Thể Chúa Kitô, theo sát với giáo lý của Thánh Phaolô.

5* Số 5: Giáo Hội là Nước Chúa.

Nước phải hiểu theo nghĩa Thánh Kinh chứ không chỉ nguyên nghĩa xã hội, tức là phải hiểu như là một hành động cai trị (chính sự thống trị) hơn là sự nới rộng đất đai (hiệu quả của hành động thống trị). Trong viễn tượng ấy, Công Đồng quả quyết có hai sự kiện tạo nên Giáo Hội, tức là Nước Thiên Chúa: hoạt động của Chúa Kitô trước Phục Sinh trong đó Nước Thiên Chúa (theo ý nghĩa đã giải thích) đã được biểu lộ, và việc Chúa thiết lập qua Mầu Nhiệm Phục Sinh. Như thế, ngay cả những yếu tố giúp Nước Thiên Chúa thực hiện cũng đã được phác họa:

a/ Yếu tố siêu nhiên: Là những hồng ân mà Vị Sáng Lập Giáo Hội ban cho (tổng kết: là ơn trọng đại của Chúa Thánh Thần);

b/ Yếu tố luân lý: Chấp nhận những đòi hỏi tinh thần về việc Chúa thống trị trên con người, một cách tự do và toàn vẹn;

c/ Yếu tố thừa sai: Giáo Hội lãnh nhận từ Đấng Sáng Lập sứ mệnh loan báo và tạo lập sự thống trị này của Thiên Chúa trên mọi người;

d/ Yếu tố cánh chung: Việc thống trị ấy còn bất toàn trên trần gian, bởi vậy khuynh hướng cánh chung của toàn thể Giáo Hội hướng tới một Nước hoàn hảo phải được thực hiện trong thời sau hết (x. số 48c).

5 Xem Origenê, In Mat 16,21: PG 13, 1443 C. Tertullianô, Adv. Marc. 3,7: PL 2, 357 C; CSEL 47,3 trg 380. Về tài liệu phụng vụ, xem Sacramentarium Gregorianum: PL 78,160 B. Hoặc C. Mohlberg, Liber Sacramentorum Romanae Ecclesiae, Roma, 1960, trg 111, XC: "Thiên Chúa không bị ràng buộc đã ban cho người nơi cư ngụ vĩnh cửu của các thánh...". Ca ngợi Urbs Jerusalem beata trong sách kinh nhật tụng đan viện, và Coelestis urbs Jerusalem trong sách kinh nhật tụng Roma.

6* Số 6: Những hình ảnh về Giáo Hội theo Thánh Kinh.

Sau đây là những khẳng định của Công Đồng:

a/ Những hình ảnh và hình bóng ấy là mạc khải thực về Giáo Hội nhờ đó chúng ta hiểu rõ hơn bản tính sâu xa của Giáo Hội. Hơn nữa chúng ta còn bày tỏ sự thống nhất và tiến triển của một mạc khải được chuẩn bị trong Cựu Ước và được hoàn tất trong Tân Ước.

b/ Giáo thuyết đại cương trong số 5b được giải thích rõ rệt hơn theo tiến trình tiệm tiến và năng động. Những hình ảnh về đời sống du mục bày tỏ sự khởi xướng của Thiên Chúa trong Giáo Hội, luôn tiến triển để đạt tới kết quả sau cùng, những hình ảnh về xây cất chứng tỏ sự kiên cố, và những hình ảnh gia đình nói lên sự kết hợp thân mật giữa Chúa Kitô và Giáo Hội.

6 Xem T. Tôma, Summa Theol. III, q. 62, a.5, ad 1.

7 Xem Piô XII: Tđ. Mystici Corporis, 29-6-1943: AAS 35 (1943), trg 208.

8 Xem Lêo XIII, Tđ. Divinum illud, 9-5-1897: AAS 29 (1896-97), trg 650. Piô XII Tđ. Mystici Corporis, n.v.t., trg 219-220; Dz 2288 (3808). T. Augustinô, Serm. 268, 2: PL 38, 1232, và nơi khác. T. Gioan Kim Khẩu, In Eph. bài giảng 9, 3: PG 62. 72. Didymô Alex., Trin, 2, 1: PG 39, 449t. T. Tôma, In Col. 1, 18, lect. 5: x.b. Marietti, II, số 46: Thân thể được tạo thành nên một do sự thống nhất của linh hồn, cũng thế Giáo Hội được tạo thành nên một do sự thống nhất của Thánh Thần..."

7* Số 7: Giáo Hội là thân thể Chúa Kitô.

Người ta có thể nhận thấy rằng, để khai triển ý niệm này, những bản văn của Phaolô đã được lập lại một cách phong phú, chứ không chỉ được sắp xếp theo thứ tự. Những nhà soạn thảo lưu tâm đến việc trung dẫn cho "hòa hợp" hơn là đến việc khai triển cho hợp lý. Bởi vậy người ta đã đi theo tiến trình lịch sử của tư tưởng Phaolô: các đoạn a-c trích những thư lớn nhiều hơn; các đoạn khác trích các thư thời lưu đầy. Nhưng cũng nên lưu ý Công Đồng không muốn trực tiếp gọi Giáo Hội là "nhiệm thể", nhưng quả quyết rằng Chúa Kitô phục sinh đã tạo cho các anh em mình thành thân thể riêng mình, theo một cách thức bí nhiệm. Có hai lý do:

a) Thánh Phaolô không bao giờ nói về nhiệm thể. Ngài chỉ quả quyết là các tín hữu trở nên cùng một thân, một người, một thân thể của Chúa Kitô.

b) Ý kiến Thần học bất đồng về vấn đề này.

Đây là tư tưởng chính yếu hướng dẫn tất cả tiến trình: ơn cứu rỗi biến cải con người thành một tạo vật mới. Chính Chúa Kitô là tạo vật mới ấy trong thân xác vinh hiển của Người, trong đó Người triệu tập và nối kết mọi anh em nhờ sức mạnh của Thần Khí Người (7a).

Ý tưởng ấy được khai triển trong hai chủ đề:

a) Chủ đề "thân xác": (7b-c): nhấn mạnh tới hai đặc điểm:

- Một cộng đồng sinh hoạt thiêng liêng được bí tích nuôi dưỡng (7b).

- Sự khác biệt giữa các chi thể nhưng cùng "hiệp sức" trong sinh hoạt nhờ cùng một Thánh Thần kích động, vì lợi ích toàn thể (7c).

b) Chủ đề "Đầu" (7d-g). Điều khẳng định chính yếu là sự trỗi vượt của Chúa Kitô, Đấng tạo thành và cứu chuộc, theo như đoạn đầu của các thư gửi tín hữu Ephêsô và Colosê, sự trỗi vượt được Người trang bị cho toàn thân (7d).

Chúa Kitô là Nguyên Lý, là Thủ Lãnh Giáo Hội được trình bày dưới ba khía cạnh:

- sự hòa hợp các chi thể với Đầu nhờ tham dự cuộc tử nạn và phục sinh của Người (7c).

- sự tăng triển của toàn thân hướng về Chúa Kitô là Đầu: như vậy Chúa Kitô là Nguyên Lý hợp nhất và tăng triển có cơ cấu và có hòa hợp (7f).

- sự tăng triển này là công trình của Thánh Thần Chúa Kitô, luôn làm sống động, nối kết và hướng dẫn Giáo Hội (7g).

Vài hàng kết luận nói lên chủ đề Giáo Hội là một Hiền thể (7h).

8* Số 8: Bản tính nhân thần của Giáo Hội.

Trong Giáo Hội, phải phân biệt - nhưng không được phân tán - hai khía cạnh, có thể so sánh với hai bản tính của Ngôi Lời nhập thể: một khía cạnh nhân loại và một khía cạnh thần linh. Giáo Hội như một màu nhiệm thực sự xuất hiện trên trái đất dưới hình thức cụ thể và hiển nhiên, và Giáo Hội vẫn hiện diện, nếu không chúng ta không thể nói tới màu nhiệm (Giáo Hội là bí tích cứu rỗi, là dấu hiệu hữu hình của ơn cứu rỗi vô hình và là dụng cụ của quyền năng Thiên Chúa, xem số 1). Màu nhiệm là chương trình cứu rỗi được Chúa mạc khải ở trần gian này dưới những tấm màn trong suốt (8a).

Vậy Giáo Hội được Thiên Chúa triệu tập và qui tụ, phù hợp với Chúa Kitô, là thân thể của Chúa Kitô và được Chúa Thánh Thần làm cho hoạt động. Tuy nhiên Giáo Hội vẫn là nơi qui tụ mọi người với tất cả những yếu tố mà nơi qui tụ đó bao gồm, không những về tổ chức, cơ cấu, thể lực xã hội, mà cả những yếu đuối và tội lỗi. Thực tế phức tạp của Giáo Hội là như thế, nhưng cũng đừng nên tách biệt hay đối kháng mà phải nhìn với con mắt đức tin như một công trình của lòng nhân hậu Chúa muốn xử dụng mọi yếu tố nhân loại, không khinh chê sự yếu hèn của nó. Sự thống nhất có tính cách nền tảng của Giáo Hội sống động được xác quyết qua ba cách thức khác nhau: không thể có sự đoạn giao giữa từng hai ý niệm đi với nhau:

"Xã hội phẩm trật - Nhiệm thể Chúa Kitô";

"Công hội hữu hình - Cộng đoàn thiêng liêng";

"Giáo Hội trần gian - Giáo Hội tô điểm bằng hồng ân thiên quốc".

Chúng ta đứng trước một thực tại phức tạp không chia cắt, nhưng lại bao gồm một yếu tố nhân loại và một yếu tố thần linh. Trong thực tại phức tạp này, Giáo Hội là dấu hiện có Chúa Thánh Thần hiện diện và chính Ngài sẽ hoàn tất trong Giáo Hội và nhờ Giáo Hội ơn cứu độ của những người được tuyển chọn.

Sự kiện vừa là dấu hiệu vừa là lý do sinh ra ơn thánh cấu tạo nên chính yếu tính của bí tích hay màu nhiệm: dấu hiệu hữu hình của thần lực vô hình (8b).

Giáo Hội thánh thiện thật, nhưng một trật cũng luôn đòi được thanh tẩy; tội lỗi tồn tại trong Giáo Hội, nhưng Giáo Hội lại được Chúa Thánh Thần thánh hóa sâu xa. Do hai đặc tính này mà công cuộc cứu độ luôn được thực hiện dưới dấu chỉ khó nghèo và bách hại: đó chính là con đường mà Giáo Hội phải dẫn thân để theo gương Chúa Giêsu; đường riêng của Chúa luôn là đường Thánh Giá. Giáo Hội là Giáo Hội của tội nhân nên luôn luôn cần được thanh tẩy. Nhưng nếu từ đó mà vội kết luận rằng Giáo Hội như thế không còn thánh thiện là kết luận sai, bởi vì như vậy là chỉ nhìn toàn bộ con số những chi thể chứ không nhìn đến một cái gì khác trong Giáo Hội. Giáo Hội là một xã hội do Chúa Kitô thiết lập và được Chúa Thánh Thần làm cho sống động chỉ với mục đích tranh đấu và chiến thắng tội lỗi. Đó chính là lý do và là cách thức thánh thiện tinh tuyền của Giáo Hội: Chắc hẳn không phải nơi chi thể hay thủ lãnh, nhưng là trong chính yếu tính. Giáo Hội là Hiền thể không tì ố, không bụi nhơ, nhưng chỉ hiện hữu nơi trần gian này trong tình trạng chuẩn bị (8c).

Giáo Hội sẽ toàn thắng trên chặng đường nguy khó này, nhưng chỉ có thể nhờ sự bác ái và nhẫn nại của Thánh Thần mới có thể lướt thắng được những trở ngại dồn dập. Những yếu đuối, những khó khăn, những thiếu sót của Giáo Hội, của một xã hội trần gian, không phải là những ảo tưởng, nhưng chúng có thực. Cuộc chiến thắng của Giáo Hội Chúa trên tất cả những nghịch cảnh này cũng không phải là giả tưởng, nhưng là cuộc chiến thắng thực sự cho người có lòng tin. Như vậy, Giáo Hội thực sự mạc khải màu nhiệm Chúa Kitô dù vẫn còn mây đen mờ tối cho tới khi có ánh sáng huy hoàng chiếu soi (8d).

9 Lêô XIII, Tđ. Sapientiae christianae. 10-1-1890: AAS 22 (1889-90), trg 392. n.t., Tđ. Satis cognitum 29-6-1896: AAS 28 (1895-96), trg 710 và 724 tt. Piô XII, Tđ. Mystici Corporis, n.v.t., trg 199-200.

10 Xem Piô XII Tđ. Mystici Corporis, n.v.t., trg 221 tt. n.t., Tđ. Humani generis, 12-8-1950: AAS 42 (1950), trg 571.

11 Lêô XIII, Tđ. Satis Cognitum, n.v.t., trg 713.

12 Xem Symbolum Apostolicum: Dz. 6-9 (10-13). Symb. Ni.-Const. : Dz. 86 (150). So sánh với Prof. fidei Trid. : Dz. 994 và 999 (1862 và 1868).

13 Đọc "Giáo Hội Rôma thánh thiện (công giáo và tông truyền)": trong Prof. fidei Trid., n.v.t., và CĐ Vat I, Hiến chế tín lý về đức tin công giáo, Dei Filius : Dz. 1782 (3001).

VỀ MỤC LỤC

Linh mục đồng hành với Dân Chúa

(Gợi ý từ trình thuật về hai môn đệ trên đường Emmau: Luca 24,13-35.

Bài này đã được trình bày cho các linh mục thuộc Giáo tỉnh Miền Trung tại Đền thánh La Vang, trong “Năm Linh mục”)

Nguồn WHĐ

Trong bầu khí hiệp thông huynh đệ, xin phép dựa trên trình thuật về câu chuyện Chúa Giêsu Kitô đồng hành với hai môn đệ trên đường Emmau, để chia sẻ với anh em linh mục thân yêu về đề tài: “Linh mục đồng hành với Dân Chúa”.

Với thiên chức linh mục, chúng ta trở nên “Tư tế, Tiên tri và Mục tử” theo gương Chúa Giêsu Kitô và trong truyền thống Tông đồ của Hội thánh Công giáo. Vậy, với ơn Chúa Thánh Thần, trong tình yêu thương của Mẹ Maria, chúng ta có thể rút tỉa bài học cho sứ vụ đồng hành của chúng ta đối với Dân Chúa.

Thánh Luca giới thiệu với chúng ta 6 điểm nhấn trong cuộc đồng hành của Chúa Giêsu với hai môn đệ Emmau:

1. Đang lúc họ chuyện vãn với nhau (Lc 24,15).
2. Chúa Giêsu tiến lại gần mà đi với họ (Lc 24,15).
3. Ngài dẫn giải cho họ các điều đã viết về Ngài (Lc 24,27).
4. Và họ nhận biết Ngài (Lc 24,31).
5. Ngay giờ đó, họ trở dậy (Lc 24,33).
6. Về các điều ấy, các người là chứng nhân (Lc 24,48).

*

1. ĐANG LÚC HỌ CHUYỆN VÃN VỚI NHAU (Lc 24,15)

Thánh Luca mở đầu câu chuyện như sau:

“Và này, cũng ngày hôm ấy, vào lúc trời đã xế chiều, hai người trong nhóm họ đang đi tới một làng kia... tên là Emmau”.

Hai người trong “nhóm họ”. Họ là ai? Đó là nhóm người đã được Đức Giêsu gọi và chọn, cho ở với Ngài; Ngài ra vào ở giữa họ để họ thấy và nghe biết về Ngài, được Ngài chia sẻ các mầu nhiệm về Nước Trời một cách rõ ràng, chứ không như quần chúng chỉ được nghe qua các dụ ngôn, đến nỗi sau này Thánh Phêrô có thể nói: “Vậy trong hàng ngũ những người đi với chúng tôi... .. phải chọn thêm một người để cùng với chúng tôi làm chứng cho sự sống lại của Ngài” (Cv 1,22). Như vậy hai người đi đến Emmau ít nhất cũng thuộc nhóm quan hệ mật thiết với các tông đồ và với Chúa Giêsu. Họ là tiền thân của hàng linh mục, những người thân cận nhất của các giám mục, kế vị các tông đồ và chăm lo việc của Chúa ; họ cũng là tiền thân của tất cả những ai có tương quan mật thiết với Thiên Chúa mà chúng ta gọi chung bằng một danh xưng: Dân Thiên Chúa.

Hai người trên đường đến Emmau vừa đi vừa chuyện vãn... và hơn nữa còn “bàn cãi” với nhau. Từ ngữ “bàn cãi” này, Thánh Luca sẽ dùng lại một lần nữa trong sách Công vụ để nói về cuộc tranh luận tại Công đồng Giêrusalem: Giáo hội cần phải quyết định có nên bắt dân ngoại phải cắt bì và giữ luật Môisen không (Cv 15,6). Và như vậy, câu chuyện hai người đang còn bàn có tầm mức quan trọng như động đến tiền đồ của Hội Thánh. Thật vậy, Luca viết: Họ chuyện vãn với nhau về mọi chuyện mới xảy ra đó. Việc gì? Việc về Đức Giêsu người thành Nadarét; việc mới xảy ra cho Ngài là bị bắt, bị xử, bị kết án, bị đóng đinh và chết trên thập giá. Những việc ấy thiết thân với hai người, vì như trên đã nói, họ thuộc nhóm của Ngài. Họ đã đặt

để cả cuộc đời của họ vào hoạt động của Ngài. Nhưng việc mới xảy ra cho Ngài là thảm kịch, không của riêng Ngài, nhưng cũng là của chính bản thân họ. Một trong hai người tên là Clêôphas, đã nói: “Phần chúng tôi đã hy vọng rằng chính Ngài sẽ là Đấng phải giải thoát Israel. Nhưng ngàn ấy cơ sự, nay đã là ngày thứ ba rồi”.

Với cái giọng chua chát này, Thánh Luca đã nhìn thấy bộ mặt ảo não của hai người. Tuy nhiên câu than thở trên cũng kín đáo bộc lộ một tâm trạng chưa mất hết niềm tin. Tất cả những việc ấy chưa rõ rệt, y như cảnh chiều tà ở chung quanh hai người. Họ còn phải chuyện vãn và bàn cãi với nhau. Họ đang lý giải vấn đề. Thế nên người ta có lẽ thường nghĩ quá về họ khi coi hai người như những môn đệ thất vọng, thất thểu đi về Emmau. Nhưng, thái độ này bộc lộ ra chân tướng của họ: Họ là những con người rất dấn thân, thấy thành công đã ở trong tầm tay khi thầy trò đi vào Giêrusalem, rồi đột nhiên diễn biến đổi chiều, không còn gì nữa. Dường như Thánh Luca đã muốn chúng ta hiểu về hai người như vậy để viết tiếp câu sau đây: Chính lúc họ đang còn chuyện vãn và bàn cãi, thì Ngài tiến lại gần bên mà nói với họ... Tâm trạng của hai người môn đệ này nhiều khi rất thiết thực đối với chúng ta và qua kinh nghiệm làm việc mục vụ ở các giáo xứ, chúng ta cũng nhận ra nơi chính đời sống của Dân Chúa.

2. ĐỨC GIÊSU TIẾN LẠI GẦN BÊN MÀ ĐI VỚI HỌ (Lc 24,15)

Thánh Luca viết: “Xảy ra là đang lúc họ chuyện vãn và bàn tính với nhau thì chính Đức Giêsu tiến lại gần bên mà đi với họ. Nhưng mắt họ bị ngăn ngừa sao, làm họ không nhận ra được Ngài” (24,15-16).

Có thể vì đang trao đổi ráo riết và bàn cãi say sưa, họ không chú ý đến sự hiện diện của một người thứ ba vừa đến nhập cuộc. Đúng hơn, dựa vào kiểu nói của Thánh Luca và cũng là kiểu nói rất hay gặp trong Kinh Thánh, mắt họ bị ngăn trở sao đó, làm họ không nhận ra được Ngài.

Họ đã không hiểu gì về các lời Đức Giêsu tiên báo cuộc Tử nạn của Ngài (Lc 18,34), họ cũng không thể đoán trước được Ngài có thể sống lại một cách nhẹ nhàng không ai biết. Họ cứ nghĩ là nếu có sự Phục sinh, thì việc này sẽ xảy ra cực kỳ hùng mạnh, khả dĩ làm chấn động cả đối phương và đem lại sự thống trị trên toàn xã hội. Do đó, họ không thể nào nhận ra được Ngài, khi Ngài tiến lại gần bên mà đi với họ.

Và sự thật là chính Ngài đã nhẹ nhàng đến nhập đoàn với họ, lắng nghe họ nói, hiểu rõ tâm trạng của họ mà họ vẫn không hay biết. Đức Giêsu phải lên tiếng trước; Ngài hỏi: “Chuyện gì làm đề cho các ông đi đàng cùng nhau trao đổi?” (24,17). Câu hỏi nhập cuộc rất tự nhiên. Dường như Ngài đã phải kiên nhẫn đợi đến lúc thuận lợi hơn cả để xen vào, và nói đúng hơn, để giúp gỡ rối vấn đề cho họ. Nhưng câu trả lời lại không được như thế. Nó sỗ sàng như muốn đánh bốp vào mặt người ta. Clêôphas nói: “Duy chỉ có ông ngụ tại Giêrusalem mà đã không biết các việc xảy ra ở đó mấy ngày nay” (24,18). Sao ông có thể nói vậy? Dựa vào đâu ông có thể bảo ông khách ngụ tại Giêrusalem? mọi người ở Giêrusalem phải biết các việc xảy ra ở đó như các ông sao? Giọng điệu trách móc của Clêôphas làm chứng các ông rất thiết thân với các việc ấy; họ bắt bất cứ ai cũng phải tham dự, chia sẻ như chính bản thân mình, chẳng phải là lấy mình làm thước đo mọi người sao?

Ngài khoan thai nhẹ nhàng nhập cuộc. Ngài nhẫn nhục lắng nghe tất cả. Phong thái này của Chúa Giêsu thể hiện sứ mạng “đồng hành” một cách tuyệt vời. Thật vậy, như đã nói, Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI yêu cầu các giám mục ba điều mà ngài nói ra như ba mệnh lệnh, nhân dịp tiếp các giám mục Việt Nam trong chuyến viếng thăm ad limina 2009: “– Anh em hãy lo lắng cho các linh mục; – hãy hiểu biết các linh mục cách thấu đáo; – và hãy giúp đỡ các linh mục hoàn thành việc thường huấn”. Lời khuyên nhủ này khác nào nhắc các giám mục “hãy đồng hành với các linh mục của mình”. Vâng, có biết bao tâm tư của linh mục mà giám mục không biết; từ đó, chúng ta có thể nói thêm: có biết bao nhiêu trăn trở của giáo dân mà linh mục không hay; có trăm nghìn thành kiến của đồng bào mà người Công giáo chúng ta không thể ngờ được. Đạo nhập thế, nhưng tín hữu, nhất là các mục tử trong đạo, nếu không quan tâm, sẽ là những người xuất thế! Thái độ “đồng hành của Chúa” như soi sáng cho chúng ta.

Đoạn Phúc âm hôm nay cho thấy rõ Đức Giêsu không những lắng nghe, mà còn gợi ý cho hai người nói. Vì sau lời trách móc chua chát của Clêôphas, Ngài đã thản nhiên hỏi thêm: “Những việc gì vậy?” (24,19). Giá như chúng ta biết bắt chước Ngài, đừng vội nóng tai, đỏ mặt, cắt ngang lời người khác. Để cho người ta nói, đã là mở đường cứu độ cho họ rồi! Ngược lại khiến họ không nói nữa, thì trước sau, sẽ rơi vào cảnh Chủ Chiên chẳng biết đoàn chiên và đoàn chiên cũng chẳng muốn nghe tiếng Chủ Chiên.

Và thái độ đối thoại, đồng hành của Ngài rất công hiệu. Họ đã nói ngay, nói hết, nói rất thật. Họ biết và chứng kiến các việc xảy ra trong cuộc Tử Nạn – Phục sinh của Đức Giêsu, nhưng họ không nhìn thấy bàn tay của Thiên Chúa trong các sự việc này. Họ không hiểu sao Đức Giêsu lại để cho cừu địch bắt, xử, đánh đập, đóng đinh. Họ cũng chẳng biết tại sao các Thượng tế lại làm như vậy. Họ không bắt được ý nghĩa của mồ trống và lời các chứng nhân thuật lại. Chưa tìm ra manh mối, họ chưa lý giải được. Tất cả còn như những đồng xương khô trong thị kiến của tiên tri Ezêkiel (Ez 37), chưa có Thần khí thổi vào để ráp lại với nhau mà sống lại. Họ chỉ ghi nhận sự kiện mà không giải thích được. Ngược lại sau này ta sẽ thấy, khi Đức Giêsu giải thích xong, lời loan báo các sự việc kia sẽ mở mắt, mở lòng cho họ và dẫn họ đến dần thân, chia sẻ và đoàn tụ. Nó đem sự sống vào các dữ kiện khiến người ta được cứu độ.

Sau này, khi nhận xét về lời dẫn giải của Chúa Giêsu, chính hai người đã phải thú nhận: “Lòng chúng ta đã không cháy bừng bừng lúc dọc đường Ngài ngỏ lời với ta... đó sao?” (32). Ngài đã biết loan báo. Ngài là người rao giảng gương mẫu. Ngài đồng hành với họ và tế nhị can thiệp đúng lúc. Ngài không nỡ làm tắt tim đèn còn sáng (Gs 42,3), lại còn khêu lên để nó được sáng hơn. Ngài chịu nghe người ta kể lể, dù đã thấu tỏ được tâm tư nguyện vọng của họ. Và cuối cùng, Ngài đã đem được niềm tin lại cho con người để họ được cứu độ và được sống.

3. NGÀI DẪN GIẢI CHO HỌ CÁC ĐIỀU ĐÃ VIẾT VỀ NGÀI (Lc 24,27)

Và giờ đây, Ngài bắt đầu nhiệm vụ cứu chuộc.

Thánh Luca viết: “Ngài đã dẫn giải cho họ các điều đã viết về Ngài”. Đó là công việc lớn, chiếm hết đoạn đường Ngài đi với họ. Suy niệm đoạn văn này, chúng ta như khám phá ra nội dung sứ vụ của chúng ta trong việc “đồng hành với Dân Chúa”. Thật vậy, nội dung việc mục vụ của Hội Thánh và của chúng ta là dẫn giải, làm chứng cho người ta nhận biết Chúa Giêsu là Đấng Cứu chuộc mọi người.

Trước hết đối tượng của việc tông đồ mục vụ là chính Đức Kitô, Đấng đã được Chúa Cha sai đến để nhân loại được sống và được sống dồi dào. Ngài chính là Đấng Cứu độ loài người. Ngài phải được loan báo cho đến tận cùng thế giới. Và loan báo về Ngài không phải chỉ là nói về Ngài, nhưng còn phải dẫn giải để người ta biết, với nghĩa mạnh của từ ngữ Kinh Thánh là đưa người ta đến kết hiệp mật thiết với Ngài để làm nên một thân thể. Và việc này có thể được vì Ngài không còn là một nhân vật lịch sử, thuộc quá khứ, xa lạ với chúng ta; nhưng Ngài đang sống vì đã kinh qua đau khổ để đạt tới vinh quang. Đó chính là điều Đức Giêsu đã dẫn giải cho hai người trên đường Emmau. Các điều Clêôphas nói trước đây về Đức Kitô chỉ là một mớ những dữ kiện rời rạc. Đức Giêsu đã dẫn giải cho hai người thấy cái lý trước sau, thánh ý cứu độ nhiệm mầu của Thiên Chúa trong tất cả những sự việc trên, làm cho họ nhận ra khuôn mặt toàn vẹn của Đức Kitô. Như vậy, Thánh Phaolô thật có lý khi viết: “Tôi chỉ muốn rao giảng một Đức Kitô mà thôi và chính là Đức Kitô chịu đóng đinh” (1Cr 1,23).

Sau khi nghe hai người nói, và trước khi dẫn giải cho họ, Ngài đã bảo họ: “Hỡi những người kém tin, những tâm hồn chậm tin”. Trước đây, khi còn ra vào giữa họ, nhiều lần Ngài đã khiển trách họ như thế. Dường như họ có mắt mà không thấy, có tai mà không nghe, bởi vì giác quan của họ chưa biết bắt gặp những sự về Thiên Chúa. Trường hợp của Nicôđêmô cũng vậy. Họ đã nghe đã thấy gì đó - và có khi nhiều nữa - nhưng họ không hiểu. Nhiệm vụ của người dẫn giải là đi từ các dữ kiện này để mở mắt mở lòng người ta hiểu biết. Như vậy, đừng người tông đồ nào vênh vang như được khởi sự từ con số không. Ngược lại việc mục vụ chân thật phải biết đi từ những dữ kiện sẵn có, là các ơn của Chúa đã âm thầm làm việc nơi người ta từ lâu rồi. Nhiều khi chúng ta chỉ là người gặt, chứ không phải là người gieo. Và dù có đi gieo chẳng nữa, ruộng đất và hạt giống không phải là của ta. Chính Chúa đã dọn sẵn tất cả qua sự

xếp đặt kỳ diệu của Ngài và nhờ nhiều người đi trước. Chúng ta quý trọng các nhân tố quan phòng đó và khiêm nhường để “đồng hành với Dân Chúa” cho thích hợp.

Và kìa xem, trước khi dẫn giải, Đức Giêsu đã nắm vững chủ đề, Ngài nói: “Há Đấng Kitô không phải chịu đau khổ như thế rồi mới được vinh quang sao?”. Ngài là Chúa mà không coi thường phương pháp làm việc. Chúng ta còn phải học hỏi với Ngài nhiều lắm.

Mà quả thực ở đây cần có một chút khiêm nhường: Muốn “dẫn giải”, thì việc đầu tiên là phải biết. Nhưng chúng ta đã biết rõ về Chúa Giêsu chưa để loan báo Ngài? Mầu nhiệm Đức Kitô không chỉ nằm trong sách vở và không phải chỉ dùng trí mà hiểu được. Đó là mầu nhiệm sống, bao la sâu thẳm như đại dương. Thánh Gioan nói: “Ai bảo mình biết Chúa mà không giữ giới răn của Ngài, thì chỉ là người nói láo” (1Ga 2,4). Do đó chúng ta phải tự nhủ: Mình chưa biết Chúa đủ, chưa biết bao nhiêu; và như vậy suốt đời còn phải tìm hiểu, còn phải học về Chúa.

Biết mình chưa biết là điều kiện tiên quyết để có thể biết nhiều hơn. Biết người còn khó hơn nữa, vì chỉ cần mất tình thân mật của họ là trở về ngu muội đối với họ. Do đó không phải việc đọc sách, kể cả sách Thánh, cho chúng ta biết về Đức Giêsu, nhưng là đời sống kết hiệp với Ngài. Rao giảng Chúa mà không sống thân mật với Ngài thì rao giảng gì? Cùng lắm là một Đức Giêsu đã chết, như lời ông Clêôphas nói thao thao bất tuyệt. Còn nếu muốn loan báo một Chúa Giêsu đang sống, lòng phải bùng bùng bốc cháy khi nói về Ngài.

Quả đúng như lời Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI đã nói về chương trình thường huấn nhằm mục đích chính yếu là giúp các linh mục trở nên người dẫn đường chính thực cho Dân Chúa, và phương tiện cần thiết để đạt được mục đích ấy là “đào sâu đời sống nội tâm và lo hướng tới sự thánh thiện theo gương Thánh Gioan-Maria Vianney, cha sở khiêm nhường của họ Ars”.

Chúng ta trở lại với Chúa Giêsu. Ngài khởi sự từ Môisen và các Tiên tri để dẫn giải toàn bộ Kinh Thánh cho hai môn đệ. Chắc chắn con đường đi Emmau chẳng dài đủ và thời gian cũng chẳng cho phép làm công việc này. Nhưng Thánh Luca vẫn viết như vậy, để cho các thế hệ tông đồ biết phải nắm vững toàn bộ kho tàng Lời Chúa và dẫn giải có phương pháp cho người ta nhận biết Đức Giêsu Kitô là Đấng Cứu Thế.

Biết rõ công việc phải làm và cách thức làm công việc ấy, người tông đồ còn phải học với Chúa Giêsu mà bắt đầu cho thật đúng. Các sách Tin Mừng hay viết: Đức Giêsu bắt đầu làm, bắt đầu nói... Ngài chọn lúc, Ngài chọn sách để khởi sự. Trong đoạn văn này, Ngài đã khởi sự đến gần bên hai người mà đi với họ. Ngài luôn sống đúng với chân tính của mình là Đấng phải đến, đã đến và sẽ đến. Thiên Chúa đã hứa ban Ngài đến với chúng ta; các ngôn sứ nhắc nhủ dân trông chờ Đấng phải đến; và khi đến, Ngài kêu gọi những người làm than vãn và đến với Ngài. Và Ngài loan báo cho môn đệ biết phải chờ Ngài lại đến trong vinh quang. Hôm nay Ngài đến với hai người mà họ chưa nhận ra. Đợi đến lúc thuận lợi nhất, Ngài đã can thiệp.

Các môn đệ đầu tiên đã biết bắt chước Ngài. Như Ngài đã đến trong thế gian và đã đến gọi họ, họ cũng theo lệnh Ngài mà đi ra khỏi nhà, đến với người ta trong ngày lễ Ngũ Tuần (Cv 2,14), khởi sự việc đến với muôn dân cho đến tận cùng trái đất. Và theo gương Ngài, Thánh Phêrô đã biết bắt đầu thật đúng lúc, đúng chỗ. Thấy người ta đang bàn tán: “họ bứ rượu rồi”, ông lên tiếng nói: “Những người này không bứ rượu như anh chị em nghĩ đâu...”, rồi ông bắt đầu giảng bài đầu tiên (Cv 2,14-15). Sang đến bài thứ hai, khi thấy người ta kinh ngạc chạy đến nhìn mình cùng với Gioan, Thánh Phêrô nói với dân chúng rằng: Sao anh chị em cứ chăm chú nhìn xem chúng tôi... (Cv 3,11-12). Và khi ra trước toà, Phêrô một lần nữa lại vào thẳng vấn đề: Hôm nay toà tra hỏi chúng tôi về việc chúng tôi làm ơn cho một người tàn tật... thì xin toàn dân nhận rõ rằng: Chính nhân danh Đức Giêsu... mà người ấy được lành mạnh (Cv 4,10). Rồi vừa vào nhà Cornêliô, Thánh Phêrô đã nói thẳng: Cấm chỉ người Do Thái không được làm thân hay đi gặp người biệt chủng, nhưng Thiên Chúa đã tỏ cho tôi biết không được gọi ai là tục hay là nhơ... (10, 28) và ngài xin Cornêliô nói cho mọi người biết ông mời ngài đến đây để làm gì... hầu từ đó, ngài bắt đầu rao giảng Đức Giêsu.

Các môn đệ đầu tiên của Chúa đã hoàn toàn bắt chước Chúa để rao giảng về Chúa, còn chúng ta thì sao? Có lẽ chúng ta cần xem lại nội dung lời rao giảng của chúng ta có nói về Chúa nhiều không và mục vụ của chúng ta có dẫn người ta thật sự đến với Chúa không?

Chúng ta dùng những phương pháp nào để làm những công việc ấy? Và vai trò của Lời Chúa trong cách chúng ta chăm sóc các linh hồn như thế nào? Chúng ta làm mục vụ với uy tín của thế gian hay dựa vào sức mạnh của Thánh giá Chúa Giêsu? Và khởi sự, chúng ta có đến như Ngài và như Ngài đã sai chúng ta đến không?

Trước khi quyết định chọn các Tông đồ, Ngài cho họ tiếp cận với quần chúng mang đủ mọi thứ bệnh tật và khổ đau, để các ông nhìn thấy cách Ngài chăm sóc họ. Rồi đưa các ông lên núi, Ngài cầu nguyện suốt đêm, đến sáng mới đặt họ làm tông đồ. Ngài dẫn họ xuống núi, gặp lại quần chúng, vẫn một quần chúng nhiều khổ đau và bệnh tật (Lc 6,12-19). Ngài sai họ đi rao giảng và chữa lành. Có thể Thánh Luca là y sĩ, ông lặng lẽ muốn đồng hoá cứu độ và chữa lành (Lc 9,1). Chữa lành biểu lộ ơn cứu độ, nhưng đồng thời muốn cứu độ cũng phải làm như việc chữa lành. Muốn chữa lành phải biết bệnh và cho đúng thuốc. Người tông đồ phải hiểu và đáp ứng nhu cầu tâm linh của con người.

Muốn đạt được kết quả này có lẽ phải nhớ lại câu nói của Thánh Gioan Tẩy Giả: Oportet me minui, ille autem crescere (Tôi phải nhỏ đi, để Ngài phải lớn lên - Ga 3,20). Hoặc phải lấy lại tiếng "Fiat - Xin Vâng" của Đức Mẹ (Lc 1,37) và của chính Chúa Cứu Thế khi vào đời "Ecce venio - Nay con đến" (Hp 10, 7-9). Thật vậy, chúng ta đều được sai đi không phải để muốn làm gì thì làm, nhưng để làm theo ý Đấng sai chúng ta. Mà Ngài muốn anh em được thánh hoá. Ngài ban Thần Khí thánh hoá cho những người lãnh chức linh mục để đồng hành với Dân Chúa. Chúng ta hãy thi hành 3 chức năng chính yếu của Linh mục theo tinh thần trên.

Khi rao giảng, linh mục hãy cố gắng làm cho cái tôi của mình được nhỏ lại, để Đức Kitô lớn lên trước mắt và trong lòng mọi người. Linh mục không giảng về mình, không giảng công việc mình muốn làm, cũng không kể lể công lao của mình... nhưng giảng về Chúa, giảng công việc của Chúa, làm sáng tỏ khuôn mặt của Chúa và công lao của Chúa. Tất cả đã được mặc khải trong Lời linh ứng. Và trong câu chuyện trên đường Emmau, chính Đức Giêsu cũng đã khởi sự từ Môisen và các tiên tri để diễn giải về Đấng Kitô phải chết và sống lại.

Lúc cử hành các mầu nhiệm thánh, tinh thần bỏ mình để Chúa lớn lên có thể được diễn tả trong thái độ ngoan ngoãn lắng nghe Lời Chúa và cung kính cử hành đúng phụng vụ theo tinh thần và phép tắc của Hội thánh. Đây là lúc Chúa đến thật.

Và khi chăm sóc đoàn chiên, làm sao chiếu tỏa được tấm lòng của người mục tử, quảng đại, bao dung, làm triển nở đức bác ái huynh đệ là giới răn mới, giới răn duy nhất, giới răn xây dựng nhiệm thể Chúa Kitô, trong đó chỉ có Ngài là thủ lãnh, là đầu, là Thầy, là Cha, và tất cả chúng ta chỉ là môn đệ, là anh em và là chi thể của Ngài.

Đức Kitô phải lớn lên. Chúng ta phải vươn lên đến tầm vóc viên mãn của Ngài. Hôm nay trong thái độ và cung cách dẫn giải cho hai người trên đường Emmau, Ngài đã trở thành gương mẫu cho chúng ta khi làm mục vụ, đồng hành với Dân Chúa.

4. VÀ HỌ NHẬN BIẾT NGÀI (Lc 24,31)

Đức Giêsu còn đang dẫn giải cho hai người về Đấng Kitô, thì đã tới làng họ định đến. Emmau cách Giêrusalem 60 dặm, tương đương với 12 cây số, con đường ấy phải đi mất 3 giờ. Như vậy rõ ràng chẳng ai xác định được Emmau nằm đúng ở chỗ nào. Chỉ biết đó là nơi hai người định đến. Nhưng Đức Giêsu làm ra vẻ còn muốn đi xa hơn. họ nài xin Ngài ở lại. Rồi khi ngồi ăn, Ngài cầm bánh, làm phép, bẻ ra, trao cho họ. Mắt họ liền mở ra, và họ nhận biết Ngài.

Từ lúc Ngài tiến đến gần bên mà đi với họ, hỏi biết vấn đề của họ, rồi dùng Kinh Thánh dẫn giải cho họ hiểu ý nghĩa các sự việc, bề ngoài không có yếu tố nào khác nhưng thật sự đã có một hiện tượng khá quyết định mà sau này hai người mới nói ra: Lòng chúng ta đã không cháy bừng bừng lúc dọc đường Ngài ngỏ lời với chúng ta và giải thích Kinh Thánh cho chúng ta đó sao? (24,32).

Như vậy, không chỉ phải có lời dẫn giải Kinh Thánh, mà ngay từ đầu, từ lúc Ngài ngỏ lời, và suốt dọc đường, đã có lòng cháy bừng bừng nơi hai người lắng nghe. Chúa Thánh Thần đã cùng làm việc với Đức Giêsu. Hoặc Lời của Chúa đã như lửa làm lòng hai người cháy lên bừng bừng. Dĩ nhiên chúng ta ao ước điều này vì chúng ta tâm tín, không có ơn Thánh Thần kèm theo, việc làm tông đồ của chúng ta nào ích lợi gì?

Nhưng sao chúng ta lại ao ước điều ấy, đang khi Chúa đã thổi Thánh Thần vào môn đệ trước khi sai họ đi (Ga 20,22) và khẳng định họ sẽ làm việc với sức mạnh của Thánh Thần (Cv 1,4)? Có thể là chúng ta đã không thi hành Lời Chúa căn dặn và không làm việc theo tông truyền? Chúa bảo các tông đồ: Đừng khởi sự khi chưa nhận được ân ban của Thiên Chúa. Theo chỉ thị của Ngài, chúng ta không được bắt tay vào mục vụ khi chưa cầu nguyện để lãnh nhận được Thánh Thần. Linh mục tiếp nối công cuộc cứu thế của Đức Giêsu, cũng là công cuộc thánh hoá trần gian. Thế mà chính Chúa Thánh Thần là Đấng thánh hoá và là Đấng ban sự sống. Ngài đã được sai đến sau khi Đức Giêsu đã về trời, để đồng hành với Hội Thánh. Giáo hội có truyền thống: Trước khi làm gì cũng cầu xin ơn Chúa Thánh Thần. Chúng ta có nhớ điều này không, đặc biệt trong những hoàn cảnh tế nhị hoặc khó khăn? Đời sống mục vụ phải nằm trong bầu khí cầu nguyện xin ơn Thánh Thần. Và Chúa Cha không bao giờ từ chối ban Thánh Thần cho kẻ cầu xin (Lc 11,13). Chúng ta phải quan tâm cố vũ và nâng cao đời sống cầu nguyện của các giáo xứ, hướng việc cầu nguyện vào mục tiêu truyền giáo và mục vụ. Đừng coi thường các Hội cầu nguyện trong giáo xứ và lời cầu nguyện của các người cao tuổi cũng như của các em nhỏ. Cần tham gia cầu nguyện chung với giáo dân. Sách Công vụ viết về cộng đoàn tín hữu ban đầu luôn luôn “tất cả đồng tâm kiên trì cầu nguyện” (Cv 2,42). Lịch sử của Giáo hội Việt Nam chúng ta cũng đã chứng minh điều ấy. Có thể nói ngay tại mỗi phần đất trong 26 giáo phận thân yêu của chúng ta, tổ tiên chúng ta đã cầu nguyện. Và có biết bao thế hệ tín hữu, ngay cả lương dân, cũng đã đến và sẽ đến cầu nguyện tại các Đền thánh, như Linh địa La Vang hằng hạn. Vì vậy sinh hoạt của Giáo hội sẽ rất mạnh mẽ, khi tất cả các tín hữu “đồng tâm kiên trì cầu nguyện”.

Tác động của Thánh Thần đi kèm lời dẫn giải, như ta thấy trong câu chuyện trên đường Emmau. Tác động ấy còn cần hơn biết bao khi chúng ta - chứ không phải là Chúa - làm công việc rao giảng. Chính Thánh Thần phải đến dạy dỗ chúng ta thông hiểu mọi sự thật về Thiên Chúa và của Chúa Giêsu để chúng ta truyền đạt được chính Chúa cho anh chị em của chúng ta (Ga 16,13). Ngài là Đấng đã dùng miệng các tiên tri mà phán dạy, nên chính Ngài có thể mở lòng mở trí chúng ta lãnh nhận được Lời hằng sống. Hai người trên đường Emmau đã làm chứng và nhắc nhở chúng ta về hoạt động của Chúa Thánh Thần trong mục vụ của Hội Thánh để chúng ta không bao giờ làm việc một mình mà không cậy dựa vào sức mạnh của Ngài.

Hai người cũng nói với chúng ta là họ đã nhận ra Chúa Giêsu khi ngồi bàn với Ngài và thấy Ngài cầm lấy bánh, làm phép, bẻ ra, trao cho họ. Ngài đang hiện diện; và chỉ cần làm một cử chỉ quen thuộc để họ nhận ra Ngài. Rõ ràng Thánh Luca có ý nói với chúng ta là những người không có hạnh phúc được Chúa Giêsu hiện diện ở trước mặt, nên phải nhờ bí tích Thánh Thể mà nhận biết Chúa. Bí tích Thánh Thể cho chúng ta được phúc như hai môn đệ: có Chúa Giêsu đã chết nhưng đã sống lại ở trước mặt. Thật vậy, hai người nhận ra Chúa là nhận ra Đức Giêsu mà họ thấy đã chết, nay đang sống ở trước mặt mình. Và đây là khám phá mới. Trước kia, họ mới thấy Ngài là vị tiên tri quyền năng trong việc làm và lời nói. Rồi họ thấy Ngài bị nộp, bị xử, bị giết, và được an táng trong mồ. Giờ đây họ thấy Ngài đã đến đồng hành với họ, nói với họ, ngồi bàn với họ, tức là Ngài đã sống lại và đang sống.

Trong nháy mắt, họ nhận ra con người đích thật của Chúa, mà trước đây, khi ở với Ngài, họ không bao giờ hiểu. Họ cứ tưởng Ngài là vị tiên tri xuất chúng, là Đấng đến để tái thiết nước Israel và sẽ cho họ được là quần thần của Ngài. Nay họ thấy Ngài là Đấng chịu đóng đinh đã sống lại trong vinh quang, và cuộc khổ nạn cũng như sự chết của Ngài, chỉ là cái cửa mở ra cho họ bây giờ được thấy Ngài đang sống trong Nước Thiên Chúa. Đúng như lời các tiên tri đã nói về Đấng Kitô. Càng đúng hơn nữa như chính Ngài đã nói trước: Khi treo Ta lên, các người sẽ thấy “chính là Ta” (Egô eimi – từ ngữ hy lạp dịch tiếng Giavê trong tiếng Do Thái) (Ga 8,28), nghĩa là chân tính của Đức Giêsu chỉ hiển hiện trên thập giá. Ngài là Đấng duy nhất như vậy.

Khám phá này cho hai người thấy ngay: trước đây họ chỉ thấy Ngài theo xác thịt, dựa vào giác quan xác thịt. Thật có mắt mà không thấy, có tai mà không nghe. Không phải vì Ngài che giấu họ, hoặc không nói với họ; nhưng vì chính lòng trí họ đã điều khiển giác quan, bắt chúng cung cấp những điều họ chờ đợi. Họ muốn có một Đấng Cứu Thế theo kiểu thế gian, nên đã không nhận ra Con Người thật của Ngài. Từ nay, như Thánh Phaolô nói, họ không còn nhìn Ngài theo xác thịt nữa, thì rõ ràng Ngài là Chúa Cứu Thế như lời Kinh Thánh nói. Ngài là Đấng

vinh hiển trên thập giá. Nghĩa là muốn biết Đức Kitô, phải đến bên Thập giá của Ngài. Và đương nhiên tại đó, chúng ta sẽ gặp và hiểu rõ vai trò và sứ mạng của Mẹ Maria.

Nhìn Ngài trên Thánh giá người ta mới thấy Ngài là Con Chiên gánh tội thiên hạ (Ga 1,46), là Người Tội Tớ bị treo lên để ai ngắm nhìn thì được cứu độ. Chính Thánh Gioan đã làm chứng, trên thập giá Ngài không bị đánh đập xương nào và vào thời điểm ấy, trên đền thờ Giêrusalem đang sát tế các con chiên vượt qua mà không để gãy một cái xương nào. Khi người lính đâm cạnh sườn Ngài, Máu và Nước đã chảy ra. Máu hy tế rửa sạch tội lỗi và Nước ban sự sống của Thánh Thần. Thánh Gioan nhìn xem và nhận ra Ngài là Đấng Kitô (Ga 19,31-37). Còn Thánh Luca muốn cho chúng ta nhận ra Ngài trong hành vi bề bảnh tức là cũng trong màu nhiệm Ngài tự nộp để bị đóng đinh. Thánh Luca còn lưu ý chúng ta, chính khi Ngài ở trên thập giá, một tội nhân đã nhận ra sự công chính của Ngài và anh đã được Ngài ân thưởng hạnh phúc Nước Trời.

Như vậy, sự nhận ra Ngài trong câu chuyện Emmau, có ý nghĩa sâu xa hơn lúc đầu chúng ta có thể nghĩ. Không phải hai môn đệ chỉ nhận ra Thầy, mà còn nhận ra Ngài là Đấng Kitô mà Kinh Thánh đã loan báo phải đi qua đau khổ để được vinh quang. Và đây là điều mới đối với họ, vì trước đây họ vẫn không thể hiểu vì sao Ngài lại có thể bị bắt, bị giết v.v... đang khi Ngài vẫn không ngớt nói cho họ hay những việc này. Bây giờ nhìn lại cuộc đời của Ngài, họ mới thấy thật đúng như vậy.

Thánh Luca kể ở chương 4,14-30: Hôm ấy, Ngài đến Nadarét... vào hội đường... người ta trao cho Ngài sách Isaia, gặp đoạn viết về Người tội tớ Đức Chúa được Thần trí Chúa ngự đến để sai đi rao giảng năm hồng ân của Thiên Chúa... Gấp sách lại, Ngài ngồi xuống. Mắt mọi người đăm đăm nhìn Ngài. Và Ngài lên tiếng nói cùng họ... Mọi người thán phục các lời về ân sủng xuất bởi miệng Ngài.

Thánh Luca có thể chấm dứt ở đó, để người ta chiêm ngưỡng một Đức Giêsu vinh hiển. Nhưng ông đã chân thật kể tiếp, qua giây phút thán phục, người ta quay ra hỏi nhau: Ngài có phải là con ông Giuse không nhỉ? Ngài không làm gì cho quê hương của Ngài ở đây sao? Thấy lòng ham hố vụ lợi của người ta, Đức Giêsu nói thẳng cho họ biết không nên chờ đợi những sự như vậy ở Ngài. Thế là họ phản ứng, kéo Ngài ra, dẫn đến triền núi, định đẩy Ngài xuống sâu. Nhưng Ngài đã “ngang qua họ mà đi”.

Ngày trước, hai môn đệ của câu chuyện Emmau chắc chắn đã tiếc vì sự việc đã xảy ra như vậy. Vì sao Ngài không lợi dụng lúc thiên hạ thán phục. Nhưng bây giờ nhìn lại họ mới hiểu: trước sau Ngài vẫn là Ngài. Ngay lúc mới vào đời. Ngài cũng đã tỏ ra Ngài phải đi vào con đường bị la ó và đẩy đi cho chết; Ngài ngang qua lòng tham, dục vọng, ích kỷ của người ta mà đi, vạch ra con đường mới cho ngưỡng ai chấp nhận vác thập giá mà đi theo.

Chúng ta là môn đệ của Ngài, là linh mục của Ngài, là tông đồ của Ngài. Chúng ta có đời sống đồng hình dạng với Đấng vác thập giá đi trước không? Và chúng ta có nỗ lực làm cho người ta nhận ra Ngài trong màu nhiệm Thập giá cứu độ không, để nếu họ có bằng lòng chết với Ngài thì mới được hy vọng sống với Ngài?

Chắc chắn cuộc đời linh mục có nhiều thập giá và đau thương. Khi ấy linh mục có chấp nhận với tâm tình cứu thế của Chúa Giêsu không? Chúng ta có để ý đến những anh em linh mục ở trong những hoàn cảnh như vậy không? Những anh em già yếu, những anh em gặp hoạn nạn, những anh em khổ sở vì thất bại, vì thiếu tài, vì bị hiểu lầm, đều là những nạn nhân trên đường đi Giêrikô. Các tư tế đạo cũ đã lách sang bên mà đi. Các tư tế đạo mới thế nào, cho dù Phúc âm nói đây là hiện thân của Đức Giêsu bị đóng đinh đó? Dầu, thuốc nào công hiệu đối với những người anh em, bằng chính sự săn sóc của anh em linh mục. Chỉ linh mục mới an ủi đặc lực được linh mục. Chúng ta cứ nghĩ mà xem.

Nhưng cho được có thái độ bác ái huynh đệ quý hoá đó, linh mục phải có một mục vụ trong quan điểm này. Nếu làm mục vụ mà muốn hái ngay được những tràng pháo tay và lời tán tụng, thì không thể giống Đức Giêsu người thành Nadarét. Người mục tử đích thực phải dâng mạng sống mình vì chiên, phải sẵn sàng băng bó những con chiên bị thương và săn sóc những con chiên đau yếu. Một linh mục như thế mới là “Sacerdos et victima” (linh mục là lễ vật hy tế) và mới sống các màu nhiệm cử hành nơi bàn thờ.

Mọi người đều đồng ý gắn liền chức linh mục với công việc dâng lễ. Hầu như hàng ngày linh mục là những môn đệ trên đường Emmau. Các ngài cũng cầm bánh Chúa Giêsu Tử nạn - Phục sinh trao cho họ. Họ có biết nhận ra Ngài không? Họ có lo âu báo Ngài trong cuộc khổ nạn cứu độ không? Và khi lo âu như thế, đời sống linh mục có phải mang dấu vết Thánh giá không? Và mục vụ của linh mục phải dành bao nhiêu phần cho những người đau khổ và bé mọn? Chính đời sống linh mục chứ không phải lời nói khiến người ta công nhận, quả thật vinh quang của ta là Thánh giá Chúa Kitô và Hội thánh đã lựa chọn đi với người nghèo.

5. NGAY GIỜ ĐÓ, HỌ TRỞ DẬY (Lc 24,33)

Mắt họ vừa mở ra nhận biết Ngài, thì đã không còn thấy Ngài nữa. Ngài biến đi không phải để đến một nơi nào khác, nhưng để ẩn vào thế giới của Ngài, thế giới vô hình đang bao bọc họ. Họ yên tâm không ngó tìm xem Ngài đi về phía nào, vì họ biết Ngài đã sống lại và đang sống, không đâu xa, ngay trong chính con người của họ đang bừng bừng yêu mến. Ngay giờ đó, họ trở dậy, trở về Giêrusalem, không chỉ gặp lại các bạn, mà có thể nói họ gặp lại Giáo hội, gặp lại tất cả những người được Chúa kêu gọi và quy tụ...

Tại đây chúng ta lại thấy ơn Chúa cứu độ càng trở nên phong phú. Ơn ấy như một hạt cải nhỏ có sức sống mãnh liệt đã nhoi lên khỏi mặt đất. Hai môn đệ đã đi trong bóng đêm, nhưng trong lòng họ đã có ánh sáng tuyệt vời của mầu nhiệm phục sinh. Vì vậy, chúng ta phải nói: họ như đã ra khỏi tăm tối của tâm hồn để đi vào thế giới đầy ánh sáng. Họ có sức mạnh chan chứa trong tâm hồn, nhưng như sức sống của hạt cải, nhoi lên khỏi đất, nhận thêm ánh sáng mặt trời và dưỡng khí của không gian. Thật vậy, họ đã trở dậy lập tức và trở về Giêrusalem để lo âu báo; nhưng khi họ vừa mới nói: Chúa sống lại hiện ra với chúng tôi, thì những người khác đã nói ngay: Thực tế, Chúa đã sống lại và hiện ra cho Simon Phêrô. Như vậy họ đã kể lại câu chuyện của mình trong bầu khí của cộng đoàn tại Giêrusalem hiện đã tập trung quanh con người của Simon Phêrô.

Thánh Luca coi Simon Phêrô là người đầu tiên được Chúa gọi làm môn đệ (5,1-11). Tác giả này rất chú trọng đến việc truyền giáo và có thể nói 2 tác phẩm của người là những đúc kết kinh nghiệm của người về truyền giáo, khởi đầu với Đức Giêsu và kết thúc với nỗ lực truyền giáo của các tông đồ, tức là của Hội thánh.

Đức Giêsu đã bắt đầu truyền giáo từ hội đường Nazareth rồi đến Capharnaum. Ở đây khi ra khỏi hội đường, Ngài đã vào nhà của Simon. Chúa chữa bà nhạc của ông (Lc 4,38-39). Rồi có hôm, dân chúng chen sát vào Ngài để nghe lời Thiên Chúa... Ngài xuống một trong hai chiếc thuyền đang đậu ở ven bờ hồ, và đó là thuyền của Simon. Đang giặt lưới, ông này nhảy ngay lên thuyền, chèo ra xa một chút theo lệnh của Đức Giêsu. Ngài ngồi xuống đó mà giảng. Simon giữ thuyền. Luca không cho chúng ta nghe Chúa giảng gì cả. Có lẽ Simon chứng kiến sự ngỡ ngàng mộ đối với Chúa trong mắt thánh giả hơn là để tai nghe lời Thiên Chúa. Ông giặt mình khi Chúa bảo: Ra khơi mà thả lưới đánh cá. Ngài lại bảo mình làm tiếp một việc mà phản ứng tự nhiên coi là kỳ lạ: Ra khơi thả lưới vào giờ này, sau một đêm vất vả chẳng bắt được gì. "Nhưng thể theo lời Thầy, tôi xin thả lưới": một sự lựa chọn ngược với tất cả kinh nghiệm của quá khứ và bất chấp mọi rủi ro bị mọi người coi là khờ dại. Đây là chiến thắng đầu tiên của Simon trong đời sống đức tin. Không dấn thân như vậy, không thể đi xa trên con đường sự nghiệp tông đồ.

Nhưng thành quả đã đến quá sức tưởng tượng. Có thể nói, chỉ trong giây lát đã có hơn hai thuyền đầy cá. Rõ ràng đây là một hiển linh, khiến Simon đã vội quỳ xuống: Xin hãy xa tôi, lạy Ngài, vì tôi là kẻ tội lỗi! Đó là tiếng kêu của người phạm tục đối diện với Đấng thiêng thánh, của kẻ dơ uế đối với Đấng tinh sạch. Quãng cách bỗng nhiên được xóa bỏ qua hai tiếng: Đừng sợ! Simon đã được cứu chuộc, được đưa vào thế giới của Thiên Chúa. Những lời sau chỉ xác định thêm vai trò ở trong thế giới này: Simon sẽ đi chài lưới người, sẽ lên đường truyền giáo để cứu lấy các linh hồn. Và Simon không ngần ngại bỏ mọi sự mà đi theo Chúa Giêsu.

Tuy nhiên đó chỉ là bước đầu. Simon còn phải học và tập. Ba năm ở bên cạnh Chúa, dưới mái trường của Chúa chẳng khác nào những năm ở Chủng viện, Học viện của chúng ta. Điều quan trọng nhất là Simon đã nắm được: đời sống thân mật với Chúa và được Chúa tín nhiệm trao cho tất cả sự việc của Người. Simon luôn đứng đầu số những người thân cận với Chúa (Lc

9,28- 36; Mc 14,33) Simon được những đặc ân hơn các môn đệ (đi trên nước : Mt 14,28-29; trở nên đá xây Hội Thánh: Mt 16,18). Simon được Chúa liên kết với mình (nộp thuế cho Thầy và con: Mt 17,26) và được Ngài cầu nguyện riêng cho (Lc 22,31-32). Đến nỗi Simon dám có thái độ xếp đặt các việc Nước Trời, khi muốn dựng 3 lều cho Chúa, cho Môisen và cho Êlia (Lc 9,33). Đồng thời Simon cũng làm trách nhiệm đối với anh em đến nỗi bao trùm được tất cả cảm nghĩ của anh em dù chưa thật rõ rệt, như khi khẳng định thay mặt anh em: Chúng con đã bỏ hết để theo Thầy (Mc 10, 28). Chúng con không đi đâu nữa, chúng con biết Thầy là Con Thiên Chúa có lời hằng sống (Ga 6,68-69), chúng con sống chết với thầy (Lc 22,33). Nếu Chúng viện, Học viện của chúng ta đào tạo được những con người như thế đối với Chúa, đối với anh em, đối với tiền đồ của Chúa và của Giáo hội... , thì hạnh phúc biết bao!

Dù vậy, cũng xin phép nói ngay, trong thời gian tập tu đó, Simon cũng có những nghi vấn mà không dám nói ra. Đặc biệt, sao Thầy lại chửi mình là Satan, khi can Thầy bị quan về tương lai: Con Người sẽ bị nộp và bị giết! (Mc 8,33). Hơn nữa, sao Thầy lại nghĩ mình có thể chối Người? (Ga 13,36-38). Những chầm hỏi chưa được lý giải, và là những nghi vấn, trần trở hiện sinh, nằm trong cốt lõi của cuộc sống, vì có hệ đến tương quan thầy trò và do đó đến tất cả lựa chọn của cuộc đời.

Chưa lý giải được thì sự cố đã đến. Quân dữ ập tới bắt Thầy. Phản ứng tự nhiên của con người rất mực trung thành, tuốt gươm chém địch để cứu Chúa (Ga 18,10) một cách liều lĩnh không kịp tính toán. Nhưng chỉ cần một câu nhẹ nhàng của Thầy thôi: “Chén Cha đã ban cho Ta, Ta lại không uống sao?”, thanh gươm của Simon đã rụng rời rơi xuống (Ga 18,11). Gioan đã nói vấn tắt. Trong Matthêô, trước đó, Chúa nói một câu thực tế hơn nhưng cũng thấm thía lắm: “Hay ngươi tưởng là Ta không thể xin cùng Cha Ta cấp ngay cho Ta hơn 12 cơ binh thiên thần ư?” (26,53).

Simon thấy rõ Chúa có đường lối khác, không như mình nghĩ. Ông không bỏ Chúa được, nhưng chỉ có thể theo xa xa (Lc 22,54), để quan sát, để tìm hiểu. Có thể nói, ông mãi xem quá, nên đột nhiên vấp 3 lần, 3 lần chối Chúa, rồi ngừng lên tiếp tục nhìn. Chúa quay lại nhìn Phêrô, cái nhìn của Người khiến quên tất cả hoàn cảnh thảm thương của mình để chứng tỏ tình yêu sâu đậm, sắt son. Simon chịu thua, ra ngoài khóc lóc thảm thiết. Cứ tưởng mình cứu Chúa, nhưng quả thật Chúa cứu mình, cứ nghĩ mình bỏ mạng sống vì Chúa, nhưng rõ ràng Chúa đang bỏ mạng sống vì mình.

Vì thế, ngày hôm nay, ngày thứ nhất trong tuần, mọi lời nói, mọi ánh mắt như đều quy hướng về Simon: Chúa đã hiện ra với Simon. Lời đó như hiệu lệnh tập hợp. Lời đó như là một lời tuyên xưng đầy phấn khởi. Chúa đã hiện ra với Simon, có nghĩa là Ngài đã tha thứ cho Simon; và như vậy Ngài cũng tha thứ cho mình, vì mình cũng đã bỏ Ngài và đã không hiểu Ngài. Mọi người có thể an tâm vì Chúa đã hiện ra với Simon như để nói rằng Ngài đã tha thứ cho tất cả và cho mọi người. Sự trở lại của Simon củng cố niềm tin của anh em như Chúa đã nói trước. Và vì thế, chúng ta nên nhìn vào con đường thiêng liêng của Simon như là hình ảnh của đời mình và noi gương hai môn đệ trên đường Emmau cũng như các môn đệ khác tại Giêrusalem quy tụ quanh Simon Phêrô, hiệp thông và hiệp nhất với Simon Phêrô.

6. VỀ CÁC ĐIỀU ẤY CÁC NGƯỜI LÀ CHỨNG NHÂN (Lc 24,48)

Chúng ta nói tiếp câu chuyện hai môn đệ trên đường Emmau. Họ đang còn nói thì Đức Giêsu Phục sinh đã đứng giữa họ. Và Ngài đã tuyên bố: “Về các điều ấy, các ngươi là chứng nhân” (24,36). Kinh hoàng khiếp đảm, họ tưởng mình thấy ma, khiến Ngài phải nói vội: Hãy coi tay Thầy đây, chân Thầy đây... .. Hãy rời nấn mà xem, ma nào lại có xương có thịt như các ngươi thấy Thầy. Rồi để làm chứng mạnh hơn nữa, Ngài đã ăn trước mặt họ.

Có lẽ Chúa muốn dùng cách hiện ra này để phá tan mọi nghi ngờ về việc Ngài sống lại. Ngài đã chìa tay chân ra, tay chân bị đóng đinh dĩ nhiên, để nói chính là Ngài đó, làm vọng lại câu: Khi nào Ta được treo lên, các ngươi sẽ thấy chính là Ta (Egô eimi). Rồi Chúa lại đòi ăn để làm chứng chính Ngài chứ không phải là ma đang ở trước mặt họ. Chứng này phải coi là cần thiết để không ai còn lầm tưởng về việc sống lại. Phục sinh là việc Người đã chết và sống lại, chứ không phải là hồn thiêng còn sống.

Như vậy lần hiện ra này có vẻ như bù đắp lần hiện ra ở Emmau. Lần trước, Ngài bẻ bánh mà chưa ăn: lần này Ngài ăn. Đúng hơn lần này hiện ra với nhiều người, Ngài muốn đánh tan mọi nghi ngờ còn sót lại, nghi ngờ của quần chúng có khuynh hướng coi việc hiện ra tựa như là thấy ma. Do đó, cũng có thể là cách Ngài giúp môn đệ làm chứng. Mặc dù họ phải làm chứng về nhiều điều; nhưng việc sống lại và hiện ra với họ là điều đầu tiên, mà những người khác không biết. Việc làm chứng này không dễ và ở đây, Thánh Luca nói đến phản ứng chung họ đã gặp phải. Vì thế ông đã nói tỉ mỉ về việc Chúa hiện ra với đông người như chúng ta vừa thấy. Tuy nhiên, câu trả lời có giá trị cuối cùng là chính đời sống đổi mới và sự làm chứng bằng chính cuộc đời của các tông đồ.

Lại một lần nữa, Ngài giải thích vì sao Ngài đã phải chết như thế? Cũng lại khởi từ Môisen và các tiên tri, Ngài dẫn giải toàn bộ Kinh Thánh. Nhưng ở đây ta thấy Ngài mở trí trước cho họ hiểu... Các tông đồ có thể vững tâm hơn để làm chứng khi quần chúng đã được Chúa Thánh Thần chuẩn bị đón nhận lời làm chứng của họ. Họ chỉ tuyên chứng sau lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống.

Chúng ta thấy Chúa củng cố các người được chọn. Người yêu họ hơn mọi người. Rồi hơn mọi người, họ là những người được Chúa ra vào ở giữa suốt cả thời gian từ lúc Gioan thanh tẩy. Phải nghĩ rằng, cho đến trước khi Thánh Thần hiện xuống, họ chậm tin hay có gì đi nữa cũng là lẽ đương nhiên để như Thánh Phaolô nói: Sự yếu đuối của chúng ta làm nổi hơn quyền năng của Thiên Chúa. Có chăng đáng tiếc là chúng ta đã nhận được hết mặc khải mà vẫn cư xử dường như chưa thấy đường lối của Chúa.

Ơn tông đồ, do đó là ơn để tông đồ đáp trả tình yêu của Thầy. Người ta phải đón nhận như một hồng ân do lòng Chúa thương xót, và khi gặp khổ đau còn phải lấy làm sung sướng được cơ hội để tỏ lòng cảm mến, trước khi coi như phần đóng góp vào công cuộc cứu độ của Chúa. Và như vậy, sứ mạng tông đồ là làm chứng như Phaolô đã tóm lược trong câu: “Thật là lời đáng tin, đáng nhận mọi đàng, là Đức Kitô Giêsu đã đến trong thế gian để cứu các kẻ tội lỗi, mà trong số đó, tôi là người thứ nhất. Song vì lẽ này tôi đã được thương xót, là để nơi tôi người thứ nhất Đức Kitô bày tỏ, phác sơ qua, tất cả sự đại lượng của Ngài ra cho những ai sẽ tin vào Ngài để được sống đời đời” (1Tm 2,15-16). Một lời chứng như vậy rõ ràng rất thâm tín và rất khiêm nhường dưới những hình thức khác nhau tùy theo ân ban cho mỗi người.

Việc tông đồ do đó rất đa dạng (xem Ep 4,7...). Cách riêng ở thời nay, nhưng chỉ có một nguồn mạch và một đích điểm (Ep 4,4-6-7), phát xuất từ một sự thông ban của Chúa Kitô Phục sinh và chỉ mặc một hình thức là làm chứng tá của Chúa, không phải chỉ kể về cuộc đời của Ngài, càng không phải chỉ nói về những quan niệm và chủ thuyết, nhưng là biểu hiện sức sống mới của Người trong mọi chân tơ kẽ tóc của con người, đặc biệt trong các quan hệ với Thiên Chúa, tha nhân và bản thân.

Công việc tông đồ cũng chỉ có thể thực hiện được sau khi đã nhận được Thánh Thần. Đó là sức mạnh không những đồng hành mà còn chủ động nơi người tông đồ. Như vậy phải cầu nguyện, phải kết hiệp với Chúa Thánh Thần. Và phải đi tới tận cùng trái đất, thấu hết mọi lãnh vực. Con đường này không bắt đầu từ hôm nay, nhưng từ ngày Chúa sống lại, liên tục qua mọi thời đại, nên người tông đồ phải ở trong luồng Tông đồ truyền, phải yêu mến và ở trong Giáo hội, mà Đức Maria là hình ảnh. Chính Người cũng đã dần dần được đưa vào màu nhiệm cứu độ, kinh qua việc bỏ mình và đau khổ ở dưới chân thập giá, để trở thành Mẹ của Giáo hội.

Người môn đệ Chúa yêu phải lĩnh lấy người về nhà mình (Ga 19,27) để nhờ sự quy tụ của người, cả nhóm được đầy Thánh Thần với những đặc sủng khác nhau, nhưng luôn luôn hành động như Phêrô: Tất cả chúng tôi đều làm chứng. Đẹp thay một đoàn linh mục như thế! Và đó, những nhân tố đã khiến buổi đầu của Giáo hội thật là mùa gặt phong phú, cho dù hoàn cảnh tỏ ra bất lợi, bởi vì Đức Giêsu đã chết nhưng đang sống. Chúng tôi là các môn đệ của Người từ ngày Chúa phục sinh chứ không còn là những người Galilê nữa (Cv 2,7). ■

Gm Giuse Võ Đức Minh

[VỀ MỤC LỤC](#)

NẾU TÔI KHÔNG THẤY TÔI KHÔNG TIN

Với câu nói: “Nếu tôi không thấy, tôi không tin”, nhiều người nghĩ rằng ông này cứng lòng, nhưng nếu chúng ta đặt mình vào tâm trạng của Thomas lúc bấy giờ, chúng ta sẽ hiểu ông muốn nói gì?

Cũng như tâm trạng của các môn đồ khác, Thomas theo Chúa với hy vọng sẽ được một chút địa vị, vinh quang trong triều đại của Đức Kitô khi Ngài lên thống trị triều đại vinh hiển của Ngài. Ta còn nhớ bà mẹ của Giacôbê và Gioan đến xin với Chúa Giêsu rằng: khi Ngài lên ngôi thống trị nước Ngài, xin cho hai con tôi, một đứa ngồi bên hữu, một đứa ngồi bên tả trong thánh điện Ngài. Nhưng ngai vàng của Ngài chưa đến thì Ngài đã bị bắt và bị đóng đinh vào thập giá chấm dứt tất cả chương trình và niềm mong ước mà các môn đệ đã thắm mơ ấp ủ.

Hai môn đệ âm thầm đi về làng Emmaus. Một số khác trở về làng xưa quê cũ trở lại với nếp sống thôn làng của cuộc đời năm xưa.

Khi con người vui mừng phấn khởi, chúng ta sẵn sàng đến với những người khác, hoặc sẵn sàng mở rộng cửa lòng đón nhận những người khác đến với mình. Nhưng khi con người buồn sầu đau khổ, chúng ta có khuynh hướng đóng kín cửa lòng, không muốn giao tiếp với ai, cắt đứt mọi liên lạc với thế giới bên ngoài.

Một linh mục đi từ nước Mỹ đến Nam Mỹ. Trên chuyến phi hành, ông được xếp ngồi bên cạnh một thiếu nữ người Peru. Người thiếu nữ chia sẻ tâm trạng của cô trên con đường về nhà cùng với mẹ cô. Cô rất bình thản nói rằng: cô đã đưa mẹ đến Mỹ để chữa bệnh và mẹ cô đã phải trải qua ba lần mổ ở nhà thương Mỹ.

Bấy giờ vị linh mục hỏi cô: Mẹ cô bây giờ có khá hơn không?

Cô trả lời: Ô, vâng! Thưa ông. Mẹ tôi hoàn toàn khá hẳn. Gia đình sẽ chờ đợi ở phi trường để đón chào bà trở lại với gia đình.

Thế rồi, người thiếu nữ hỏi lại: Ông về Nam Mỹ để làm gì vậy?

Tôi là một linh mục công giáo. Tôi đi về Nam Mỹ để làm công việc truyền giáo, vị linh mục trả lời.

Vừa nghe nói: “Tôi là một linh mục công giáo”, nét mặt người thiếu nữ liền đổi sắc. Bấy giờ, cô nàng nghiêng mình về phía vị linh mục, nắm lấy cánh tay ngài và thì thầm với giọng đau khổ:

Thưa cha, má con bị bệnh ung thư, và bây giờ hết hy vọng rồi.

Chỉ cách đó mấy phút, cũng người thiếu nữ ấy với bộ mặt bình thản, bằng một giọng nói rất bình thường, nói: “Thưa ông, mẹ tôi khá hẳn rồi.” Phải chăng bà mẹ của chị đã khá hẳn, hay chị nói để cho qua chuyện.

Ở đây cũng vậy, với câu nói: “Nếu tôi không thấy, tôi không tin”, câu nói này có thật sự biểu lộ sự cứng lòng tin của ông không? hay chỉ diễn tả một tâm trạng buồn phiền, chán nản, thất vọng của một con người khi người mình yêu đã không còn nữa.

Khi người tôi yêu ra đi thì linh hồn này cũng chấp cánh bay theo, bấy giờ thân xác này sẽ không còn sức sống, không còn năng động, không còn sinh khí, không còn cảm xúc để giao tiếp với bất cứ một ai khác. Chính vì thế, tâm trạng của họ bấy giờ, không phải là tâm trạng của một con người cần những lời thương tâm, những lời khuyên giải, mà là hãy để cho “tôi” yên hàn, đừng có quấy rầy, đừng có nói nhiều. Điều quan trọng bây giờ đối với tôi là: người tôi yêu không còn nữa. Người tôi yêu đã ra đi. Cuộc đời của tôi đã chấm dứt. Cuộc đời của tôi không còn ý nghĩa nữa bởi con người sống mà không có tình yêu là một cuộc đời đã chết. Và đó là tâm trạng của Thomas lúc bấy giờ sau khi người ông yêu, vị thần tượng của ông đã chết.

Để giúp chúng ta hiểu rõ hơn tâm trạng chán chường, thất vọng của Thomas, tôi xin thuật lại câu chuyện mà cha Maton đã kể:

Vào thứ tư tuần thánh trong năm cuối cùng của thế chiến thứ hai, tôi trông thấy một bà quì trước bàn thờ Đức Mẹ, nước mắt tuôn tràn. Tôi tự hỏi: phải chăng bà ấy có chuyện gì đau khổ? Bà sụt sùi, thò tay vào trong túi xách rút ra cái điện tín đã nhàu nát. Rồi lại khóc nức nở: “Con nhận cái điện tín này cách đây hai tiếng đồng hồ. Điện văn với hàng chữ: “Bộ chiến tranh rất tiếc phải báo tin cho bà biết rằng con trai của bà đã bị mất tích tại chiến trường.”

Tôi không biết phải làm gì để an ủi bà ngoài việc quì xuống để cầu nguyện cho bà. Sáng hôm sau thứ năm tuần thánh, tôi lại thấy bà quì đó trước thánh thể, khuôn mặt thảm sầu hơn bao giờ hết. Dường như bà đã già đi nhiều chỉ qua một đêm. Bà giống Chúa chịu hấp hối trong Vườn Cây Dầu.

Vào thứ sáu tuần thánh, tôi thấy bà quì ở hàng ghế đầu, mắt nhìn vào khoảng trống của bàn thờ với cây thập giá phủ khăn tím. Bà giống Đức Mẹ đứng dưới cây thập giá. Đây là ngày thứ sáu khổ nạn của tâm hồn bà.

Sang đêm thứ bảy tuần thánh, trước khi chúng tôi bắt đầu nghi thức vọng Phục sinh, bà tiến đến nói với tôi một tin mừng. Dường như đây không phải là người đàn bà của ngày hôm trước. Đây là một người đàn bà mới khác hẳn với ngày hôm qua. Bà vui mừng cầm điện tín mới đến khoe với tôi, miệng tươi cười nói: “Thưa cha, con trai của con an toàn đang là một tù binh chiến tranh.” Rồi bà cầm tay tôi khóc, nhưng giọt nước mắt hôm nay không là giọt nước mắt hôm qua của đau khổ và thất vọng. Hôm nay là nước mắt của niềm vui và hạnh phúc nên bà đã sung sướng chạy đến tìm tôi.

Tâm trạng của người mẹ mất con cũng như tâm trạng của Thomas mất Chúa, cả hai đều giống nhau: không muốn tiếp xúc với thế giới bên ngoài cho dẫu đó là thân nhân hay bạn bè. Đây cũng là điều chúng ta cần phải chú ý khi chúng ta đi thăm những người đang đau khổ, những người bất hạnh, những người tinh thần đang bị khủng hoảng, những bệnh nhân đang bị trầm cảm, đặc biệt đối với những người đang đối diện với cái chết của chứng bệnh ung thư. Chúng ta phải hết sức tế nhị từng lời nói, từng cử chỉ vì những lời nói, những cử chỉ vô ý thức của chúng ta có thể xúc phạm đến họ, khiến họ càng đau lòng, càng cảm thấy buồn tủi với số phận không may đã dành cho họ.

Và đây là những điều chúng ta cần nên biết về tâm trạng của những người đang mang bệnh nguy hiểm như bệnh ung thư chẳng hạn. Thông thường, những người bị bệnh ung thư phải trải qua những giai đoạn sau đây:

Khước từ: Khi bác sĩ cho biết bệnh tình ung thư của họ, phản ứng đầu tiên mà mọi bệnh nhân đều muốn nói là: “Không, không phải tôi, điều đó không thể đúng.” Điều đó có nghĩa là: sau khi bác sĩ báo cho họ biết chứng bệnh ung thư của họ, họ cho rằng điều đó có thể là nhầm lẫn, nên thường sau đó, họ đi vòng quanh để tìm đến với những bác sĩ khác với hy vọng điều đó sẽ không phải là một sự thật. Chúng tôi coi sự khước từ như một phương cách lành mạnh để đối phó với tình trạng đau thương mà một số bệnh nhân phải sống cho một thời gian lâu dài.

Giận dữ: Khi giai đoạn đầu của khước từ không thể được duy trì nữa, nó được thay thế bởi cảm giác giận dữ. Câu hỏi kế tiếp là: “Tại sao tôi? Tại sao không là người khác, không là những tên cướp của giết người phạm đầy tội ác kia mà lại là tôi? Tôi đã làm gì sai để đáng phải chịu cảnh tang thương này?” Trái ngược với giai đoạn khước từ, giai đoạn giận dữ này xem ra rất khó xử thế đối với gia đình cũng như đối với nhân viên, vì lúc này người bệnh nhìn vào đâu cũng đều cảm thấy đau khổ. Họ sẽ so sánh họ với gia đình hoặc với nhân viên đang làm việc ở đó, và họ sẽ cảm thấy buồn tủi và tức giận vì có sự ghen tương và vì sợ mọi người quên lãng họ. Vì thế, một bệnh nhân được kính trọng, được cảm thông và được chú ý không bao lâu sẽ hạ giọng và bớt những đòi hỏi cách giận dữ.

Mặc cả: Nếu Chúa đã quyết định đem tôi ra khỏi cuộc đời này và Ngài không đáp trả những lời van xin giận dữ của tôi, Ngài có thể sẽ thích hơn nếu tôi van xin cách tử tế. Đây là cách thể xử sự mà chúng ta thường thấy con trẻ chúng ta hay dùng để xử thế với chúng ta: trước nhất đòi hỏi, rồi van xin cho một ân huệ, và chúng ta thương tình chấp nhận. “Mẹ ơi, nếu suốt tuần con sống tốt, con sẽ rửa chén đĩa cho mẹ mỗi buổi chiều, mẹ cho con đi chơi nhé!” Dĩ nhiên có cơ hội nho nhỏ để chúng ta chấp nhận điều thương lượng và đứa trẻ sẽ nhận được điều mà trước kia bị từ chối. Hầu hết những mặc cả thường được làm với Chúa và được giữ bí mật trong phòng riêng của vị linh hướng như lời hứa: “Một cuộc đời tận hiến cho Chúa hoặc một đời phục vụ giáo hội” trong việc trao đổi cho thời gian được thêm cho.

Trầm cảm: Cảm giác trầm buồn vì những mất mát to lớn mà họ phải chịu bởi căn bệnh gây ra. Có hai loại trầm cảm: trầm cảm phản ứng và trầm cảm chuẩn bị. Trầm cảm phản ứng là: phản ứng buồn phiền tự nhiên của con người khi thấy mình bỗng nhiên bị cắt mất đi một bộ phận quý giá của con người khiến mình không còn là một con người bình thường nữa, hoặc mất công việc làm khiến nó sẽ kéo theo cả một hệ lụy như mất nhà, mất xe, mất tất cả. Trầm cảm chuẩn bị là cảm giác buồn phiền trong khi chúng ta chuẩn bị cho việc giã từ ra đi, chuẩn bị cho việc chấp nhận mất mát những người mình yêu mà thiết nghĩ suốt một đời mình đã yêu thương gắn bó. Trong tiến trình mất mọi sự và mọi người, nếu được phép diễn tả nỗi buồn của họ, bệnh nhân sẽ tìm thấy một sự chấp nhận dễ dàng hơn, và họ sẽ biết ơn những người có thể ngồi với họ mà không hề bảo họ đừng buồn. Đây là lúc chúng ta cần nhiều tế nhị nên phải cẩn thận, không cần nhiều lời. Bằng cách nắm lấy bàn tay, một sự vuốt nhẹ tóc, hay một sự ngồi yên lặng bên nhau, đó là những cách thể tốt đẹp nhất để diễn tả một sự đồng cảm với những đau khổ họ đang phải chịu. Đây là lúc bệnh nhân có thể yêu cầu chúng ta cầu nguyện và cũng là lúc họ bắt đầu bận rộn với những công việc phía trước hơn là phía sau. Nhưng đây cũng là lúc nhiều người muốn đến thăm, họ tìm mọi cách để làm cho người bệnh vui, nhưng những việc ấy chỉ làm cản trở công việc chuẩn bị tinh thần của họ hơn là giúp họ tiến bước.

Chấp nhận: Nếu một bệnh nhân đã có đủ thời giờ và đã được giúp đỡ để trải qua những giai đoạn trên cách tốt đẹp, họ sẽ đạt tới giai đoạn không còn giận dữ hay trầm cảm về số phận của họ nữa. Điều đó có nghĩa là họ sẵn sàng chấp nhận số mệnh đã được an bài. Ở đây, chấp nhận không nên bị nhầm lẫn với hạnh phúc. Nó hầu như không có cảm giác. Dường như đau khổ đã qua rồi, cuộc chiến đã xong, và là lúc cho sự dừng nghỉ cuối cùng trước một cuộc hành trình dài lâu. Trong lúc người bệnh đã tìm được sự bình an, họ ước muốn được sống một mình, họ không muốn khách viếng thăm nhiều. Họ thường yêu cầu giới hạn số người và thích thăm ngắn hạn. Đây là thời gian họ tắt hết truyền hình truyền thanh. Sự thông đạt bấy giờ là không lời hơn là lời nói. Bệnh nhân chỉ có thể ra dấu bằng tay để mời chúng ta ngồi. Họ có thể chỉ nắm tay chúng ta và yêu cầu chúng ta ngồi trong yên lặng. Những lúc yên lặng như vậy có thể là cách đối thoại có ý nghĩa nhất đối với một người sắp giã từ ra đi. Một cái nhìn, một cái nắm chặt bàn tay lúc này cũng đủ nói lên tấm lòng yêu thương nồng ấm của chúng ta đối với họ.

Chính vì thế, khi đi làm những công tác mục vụ ở nhà thương hay ở giáo xứ, với bệnh nhân hay với những thân nhân của họ, chúng ta cần phải hết sức ý tứ và tế nhị trong hành động cũng như lời nói. Nếu không, thay vì đem Chúa đến cho họ, thay vì đem sự an vui và yên ủi đến cho họ, ta lại mang đến một sự bất an, buồn phiền, giận dữ, càng làm cho họ ngày càng xa cách Thiên Chúa bởi những vụng về, những lỗi lầm một cách vô ý thức của chính chúng ta.

Ý thức được phần nào tầm quan trọng đó, một số các sơ trẻ Việt Nam đang làm việc truyền giáo ở Đài Loan đã đến chia sẻ với tôi rằng họ đang làm việc mục vụ cho những bệnh nhân trong các nhà thương, nhưng họ không biết phải làm gì và nói gì trước những đau khổ quá lớn lao mà bệnh nhân đang phải chịu. Tôi nói với họ rằng: “Nếu không biết phải nói gì thì tốt hơn đừng nói gì cả, và hãy ngồi xuống nắm lấy tay họ như muốn nói rằng: Chúng tôi hiểu nỗi đau khổ của bạn. Chúng tôi hiểu những ưu tư của bạn. Chúng tôi hiểu những băn khoăn khác ngoài của bạn. Và chúng tôi muốn chia sẻ phần nào nỗi thương đau của bạn và của gia đình bạn đang phải sống.”

Thật vậy đứng trước đau khổ của người bệnh, chúng ta không nên lạnh lùng chuẩn bị một mớ hành trang giáo lý để rồi đến ban phát cho họ dường như chúng ta là những bậc thầy của họ mà trái tim không hề biết lay động trước nỗi đau khổ lớn lao của người đang đối diện.

Không, bệnh nhân không cần những lời chỉ giáo của chúng ta như học trò cần giáo sư hay như con trẻ cần sự chỉ dạy của bố mẹ. Điều họ đang cần là những tâm hồn biết rung động để cảm thông phần nào nỗi thương đau của họ và cùng nhau chia sẻ cũng như giúp họ làm nhẹ bớt cảnh thương đau mà họ và gia đình họ đang phải trải qua.

Vì thế, chúng ta hãy đến với họ với một tâm hồn luôn sẵn sàng dấn thân cho họ. Điều đó có nghĩa là: họ chính là đối tượng mà chúng ta đến để phục vụ chứ không phải chúng ta đến để bắt họ phục vụ nhu cầu thuyết giảng của chúng ta. Chúng ta hãy xem họ cần gì? Chúng ta hỏi họ muốn nói gì, muốn chia sẻ điều gì? Chúng ta hãy lắng nghe họ, hãy để họ chia sẻ, và bây giờ chúng ta chia sẻ với họ một cách bộc phát điều họ muốn đề cập đến.

Ngay cả khi chúng ta muốn cầu nguyện cho họ, chúng ta cũng hãy hỏi ý kiến họ. Nếu họ muốn cầu nguyện, chúng ta cầu nguyện với họ. Nếu họ không muốn, chúng ta phải kính trọng họ, không nên cưỡng ép họ. Hãy nhớ rằng chúng ta đến là để phục vụ họ.

Cũng cần phải tế nhị rất nhiều khi chúng ta mở miệng nói những lời đạo đức rất quen thuộc với chúng ta nhưng rất nhạy cảm đối với bệnh nhân như: “Hãy chấp nhận thánh ý Thiên Chúa, hay Hãy bằng lòng vác thánh giá theo chân Chúa.” Những câu nói này đối với những người đã sẵn sàng chấp nhận thì thật có ý nghĩa, nhưng đối với những người chưa sẵn sàng chấp nhận thì đó là một sự xúc phạm, có thể khiến họ giận dữ chúng ta và giận dữ ngay cả Thiên Chúa.

Làm sao có thể hiểu được thánh ý mầu nhiệm của Thiên Chúa khi lòng con người còn quá xao xuyến chưa được bình tâm? Làm sao chấp nhận được những đau khổ quá sức con người khi tâm hồn chúng ta chưa được chuẩn bị. Hãy cho họ những sự chuẩn bị chu đáo cần thiết trước khi chúng ta mở miệng nói những lời như thế.

Thật vậy, làm sao không đau khổ, làm sao chấp nhận khi một người mẹ còn quá trẻ bị bệnh ung thư đang đối diện với cái chết, và đưa con còn non dại chạy vào hỏi mẹ: “Mẹ ơi, nếu mẹ về với Chúa, ai sẽ nuôi con?” Người mẹ ôm con, đưa mắt nhìn chồng, sau đó nhìn lên thánh giá đôi mắt ươn lệ. Chính tôi đã chứng kiến tình cảnh thương đau đó, tim tôi đau nhói. Bây giờ, tôi chỉ còn biết một tay nắm chặt lấy bàn tay người vợ trẻ, tay kia nắm chặt lấy bàn tay người chồng như muốn cảm thông với họ, lòng thầm nguyện cho họ tìm được sự bình yên, và đôi mắt không ngừng được giông lệ.

Con người khi tâm hồn tràn ngập những buồn sâu đau khổ, họ dễ bị khủng hoảng. Trong lúc khủng hoảng họ dễ thốt lên những lời nói bộc phát ngoài sự kiểm soát của họ. Đó có thể là những lời than vãn, những lời oán trách, những lời mỉa mai, những lời châm chích, những lời bất mãn, những lời thất vọng như: “Nếu tôi không thấy, tôi không tin” của Thomas trong lúc này.

Và đó cũng là lý do dễ hiểu nếu chúng ta gặp rất nhiều bệnh nhân hoặc những người già đạo đức, vì quá đau khổ nên đã nói với chúng ta rằng: “Thưa cha, con không muốn sống nữa.” Trong những trường hợp như thế chúng ta phải hiểu và xử trí như thế nào?

Chắc chắn có một số người sẽ rầy rà họ. Một số khác sẽ thuyết giảng cho họ. Nhưng điều cần làm là chúng ta không nên rầy rà họ. Chúng ta cũng không cần thuyết giáo họ, chúng ta chỉ cần tìm hiểu xem: nguyên do nào khiến họ lại nói như thế?

- Đó có thể là vì căn bệnh đã khiến cho thân xác họ đau khổ quá, họ không thể chịu đựng được nữa, bây giờ chúng ta hãy nói với bác sĩ để họ có thể thêm thuốc giảm cơn đau.

- Hay có thể là vì họ cảm thấy quá cô đơn, họ thật sự đơn thân độc mã, không có một thân nhân, không một bạn bè giúp đỡ. Chúng ta hãy tìm cách để nhờ những hội đoàn giáo xứ viếng thăm, giúp đỡ.

- Đó cũng có thể là một nỗi buồn lớn lao do sự bất hòa của những người trong gia đình. Họ cô đơn không phải vì không có thân nhân, nhưng vì những tranh chấp quyền lợi khiến họ khước từ nhau, xa cách nhau. Chúng ta hãy cố gắng tìm hiểu và tìm phương cách giúp họ hòa giải, cũng như tìm cách hàn gắn vết thương lòng của họ. Nếu không, khi người thân của họ ra đi, họ sẽ phải đau khổ và hối hận suốt đời.

- Hay đó cũng có thể là vì họ rơi vào tình trạng quá nghèo khổ, túng quẫn, không còn cách nào để sống, chúng ta hãy giúp họ tìm đến những cơ quan chính quyền chuyên giúp đỡ những người cùng khổ.

- Hay cũng có thể họ muốn chết sớm hơn để dành lại một ít tiền cho người thân yêu của họ như một món quà quý giá họ muốn để lại trước khi ra đi. Chúng ta hãy an ủi họ bình tâm chuẩn bị tâm hồn đi về với Thiên Chúa, còn những sự khác Ngài sẽ lo cho.

Tâm trạng của người bệnh trên đây cũng chính là tâm trạng của Thomas trong lúc này. Khi con người quá buồn sầu đau khổ, họ có thể có những cử chỉ, những lời nói xem ra khó hiểu hoặc vô nghĩa đối với chúng ta, nhưng nếu đặt vào hoàn cảnh của họ, tâm trạng của họ, chúng ta có thể hiểu được những điều họ muốn nói. Chính vì thế, chúng ta cần phải ý tứ, tế nhị tìm hiểu cách chu đáo những lời nói, cử chỉ của những đối tượng mà chúng ta muốn phục vụ nếu chúng ta thật lòng muốn phục vụ họ cách hữu hiệu và tốt đẹp.

Lm Lê Văn Quảng Psy.D.

VỀ MỤC LỤC

BÁM RẼ TRONG LỜI

Chuyển ngữ: Thérèse Trần Thiết + Fr. Marie Bảo Tịnh O.Cist

Lời Mời gọi của HĐGMVN:

Giáo Hội tại Việt Nam phải “phát động chương trình mỗi gia đình một cuốn Kinh Thánh được đặt nơi xứng hợp, cổ võ đọc và cầu nguyện với Lời Chúa”, khuyến khích học thuộc lòng những đoạn Kinh Thánh cốt yếu. Mọi thành phần Dân Chúa, giáo dân, chủng sinh, tu sĩ và các mục tử, cần tập thói quen đọc và suy niệm Lời Chúa hằng ngày, đặc biệt theo phương thức Lectio divina. (Thư Chung của HĐGMVN, ngày 1.5.2011, số 11)

Xin giới thiệu cho nhiều người thân tham gia Gia Đình Lectio Divina Lecdiv@gmail.com để có thể hiệp thông với nhau trong đời sống cầu nguyện và cùng giúp nhau thực hành "điều cần thiết nhất trong mọi điều cần thiết". Đan viện Xitô Thánh Mẫu Tâm Mỹ Ca, Nha Trang, sẽ cầu nguyện lâu dài cho tất cả những ai trung thành thực hành và cổ võ việc thực hành Lectio divina.

Mọi thắc mắc về Lectio divina, xin gửi email cho cha Bảo Tịnh, O.Cist fr.baotinh@yahoo.fr

Tác Phẩm: MỘT VỊ THIÊN CHÚA NGỒ LỜI!
Thiên Chúa tỏ mình cho con người thế nào?

Nguyên tác:
Michel HUBAUT
UN DIEU QUI PARLE!
Comment Dieu se révèle-t-il à l'homme?

Chương 16: BÁM RỄ TRONG LỜI

Bám rễ trong một giao ước

Thánh Vịnh đầu tiên trong tập Thánh Vịnh của người Do-thái (được gọi là Téhillim, sách Kinh) vừa mở đầu, vừa lược tóm ý nghĩa chung của toàn tập Thánh Vịnh :

Phúc thay người chẳng nghe theo lời bọn ác nhân,
chẳng bước vào đường quân tội lỗi,
không nhập bọn với phường ngạo mạn kiêu căng,
nhưng vui thú với lề luật Chúa,
nhằm đi nhằm lại suốt đêm ngày.
Người ấy tựa cây trồng bên dòng nước,
cứ đúng mùa là hoa quả trở sinh,
cành lá chẳng khi nào tàn tạ (Tv 1, 1-3).

Đối với tác giả thánh vịnh, cây tượng trưng cho dân Giao Ước (Hội Thánh Đức Ki-tô), biểu tượng của người sống đức tin, người đọc những Thánh Vịnh này. Con người đức tin bén rễ trong Lề Luật, trong Lời Chúa mà họ nghiền ngẫm ngày đêm, được ví như cây đâm rễ trong “nước sự sống” của Lời, trong nguồn sống (Thầy Giê-su tuyên bố Lời Thầy là Thần Khí và Sự Sống).

Lời được nghiền ngẫm là niềm vui, là hạnh phúc, là phúc lộc, là nguồn mạch phong phú của đời sống con người đức tin.

Được bám rễ trong Lời Chúa, được nghiền ngẫm trong tĩnh lặng của cầu nguyện, người đức tin mang lại hoa trái đủ mọi mùa, trong mọi giai đoạn đời họ. Nếu không có sự bén rễ này, người đức tin có nguy cơ bị “khô héo”, bị lôi cuốn vào trong thế giới của những kẻ “nghịch đạo” (những kẻ sống ngoài Giao Ước), bị nản lòng bởi những kẻ “nhạo cười” chế nhạo mọi hình thức tôn giáo. Không có sự bén rễ này, người tín hữu có nguy cơ trở thành cọng rơm dễ bị những ngọn gió thời trang cuốn đi. Con người đức tin cắm rễ sâu vào việc nghiền ngẫm Lời, khác hẳn với con người của cọng rơm.

Chúng ta gặp cũng một biểu tượng này ở Thánh Vịnh 92 (91) đối nghịch lại với những người “ngoại đạo”, như cỏ cây mau tàn héo, là người đức tin, vững chãi như cây “hương bá xứ Li-ba-nô”, mềm mại như cành dừa trước gió.

Văn ca cho ngày “sabbat”

Bọn bất nhân dầu sồn sơ như cỏ,
phường gian ác có đua nở khoe tươi,
cũng là để bị diệt trừ vĩnh viễn.
Người công chính vươn lên tựa cây dừa tươi tốt,
lớn mạnh như hương bá Li-băng
già cõi rồi, vẫn sinh hoa kết quả,
tràn đầy nhựa sống, cành lá xanh rờn,
để loan truyền rằng : Chúa thực là ngay thẳng,
là núi đá cho tôi ẩn náu,
nơi Người chẳng có chút bất công (Tv 92, 8.13.15.16).

Người đức tin bám rễ vào Lời, bất kể tuổi tác, họ luôn đem lại hoa trái. Sự trù phú thiêng liêng của một cuộc đời không lệ thuộc vào tuổi tác. Mỗi người có thể và phải đem lại hoa trái của tình yêu thích hợp với từng người và từng mùa. Mỗi người ở lại, trung thành với sứ vụ bao lâu lòng mình còn được Lời thức tỉnh. Sự phong phú thiêng liêng của đời sống cá nhân, cũng như sự phong phú của dân Chúa, tương ứng với mức độ bén rễ của chúng ta trong Lời Chúa (Thần Khí và Sự Sống) được nghiền ngẫm và nguyện cầu.

Điều gì đúng và thật cho từng tín hữu, thì cũng đúng như thế đối với các cộng đoàn và toàn thể dân Chúa.

Phúc thay kẻ đặt niềm tin vào Đức Chúa,
và có Đức Chúa làm chỗ nương thân.
Người ấy như cây trồng bên dòng nước,
đâm rễ sâu vào mạch suối trong,
mùa nóng có đến cũng chẳng sợ gì,
lá trên cành vẫn cứ xanh tươi,
gặp năm hạn hán cũng chẳng ngại,
và không ngừng trở sinh hoa trái (Gr 17, 7-8).

Một khoảnh khắc thời gian dành để thờ lạy Chúa, một chút nghỉ ngơi thiêng liêng, một cuộc tĩnh tâm, luôn luôn là thời gian để bén rễ, để nuôi dưỡng và củng cố cho cội rễ của đời sống đức tin, của ơn gọi, và của sứ vụ của tôi.

Mọi hình thức cầu nguyện hay lắng nghe, nghiền ngẫm Lời, đều là một thời gian cắm rễ xuống tận tầng đất ngầm của tâm hồn, nơi có mạch nước hằng sống của Thần Khí, Đấng hồi sinh toàn thể con người, như nhựa đối với thân cây. Lời Chúa đến giải khát, canh tân cho mỗi tương quan thân mật của tôi với Thiên Chúa, như phần đất "sỏi đá, khô cằn" mà tác giả Thánh Vịnh thường nói.

Lạy Thiên Chúa, Ngài là Chúa con thờ,
ngay từ rạng đông con tìm kiếm Chúa.
Linh hồn con đã khát khao Ngài,
tấm thân này mòn mỏi đợi trông,
như mảnh đất hoang khô cằn, không giọt nước.
Nên con đến ngắm nhìn Ngài trong nơi thánh điện,
để thấy uy lực và vinh quang của Ngài.
Bởi ân tình Ngài quý hơn mạng sống,
miệng lưỡi này xin ca ngợi tán dương (Tv 63, 2-4).

Ta cũng nên nhớ rằng chính Thầy Giê-su cũng lưu ý chúng ta về sự "không bén rễ" này: "Còn kẻ được gieo trên nơi sỏi đá, đó là kẻ nghe Lời và liền vui vẻ đón nhận. Nhưng nó không đâm rễ mà là kẻ nhất thời: khi gặp gian nan hay bị ngược đãi vì Lời, nó vấp ngã ngay" (Mt 13, 20-21).

Một cuộc tĩnh tâm luôn là thời gian để ta cắm rễ đời mình vào trong Lời yêu đương của Thiên Chúa: "Để con người nội tâm nơi anh em được vững vàng. Xin cho anh em, nhờ lòng tin, được Đức Ki-tô ngự trong tâm hồn; xin cho anh em được bén rễ sâu và xây dựng vững chắc trên đức ái" (Ep 3, 14-17).

Bám rễ trong một cộng đoàn đức tin

Ơn gọi và sứ vụ của tôi đều cắm rễ sâu trong một lịch sử, lịch sử cứu độ - của hạnh phúc - lịch sử của con người, một giao ước phổ quát giữa Thiên Chúa và nhân loại, trong một cộng đoàn đức tin, một truyền thống sống động được cắm rễ sâu trong đất hoa màu của lịch sử Kinh Thánh.

Thánh Phao-lô, trong thư gửi các tín hữu ở Rô-ma, đã gọi lại mẫu nhiệm về sự tuyển chọn dân Ít-ra-en, đã nhắc nhở họ rằng, là người dân ngoại vừa trở lại với Đức Ki-tô, họ phải tự cấy ghép vào dân Giao Ước. Và nếu trên cây cổ thụ nhiều ngàn năm của dân tộc Lời Chúa, có một vài nhánh đã bị lìa cành vì từ chối Đức Ki-tô, giao ước được kiện toàn, những anh em "dân ngoại" vừa hoán cải, chỉ là một "nhánh ghép" muện màng, được hưởng nhựa của cây cổ thụ này.

"Nếu rễ cây mà thánh, thì cành cây cũng vậy. Một số cành cây ô-liu đã bị chặt đi, còn bạn là ô-liu dại đã được tháp vào đó, và cùng được hưởng sự sống dồi dào từ rễ cây ô-liu chính. Vì thế, bạn đừng có lên mặt khinh để các cành khác.

Thì bạn cứ lên mặt đi! Đâu phải bạn mang rễ, mà là rễ mang bạn! Có lẽ bạn sẽ nói: "Một số cành đã bị chặt đi, để tôi được tháp vào." Đúng thế! Vì họ không tin mà đã bị chặt đi, còn bạn vì tin mà còn đó. Đừng có tự cao tự đại, nhưng phải sợ thì hơn (Rm 11, 16-21).

Đối với ki-tô hữu chúng ta, truyền thống sống động kia đã mang gương mặt của Giáo Hội Chúa Ki-tô, được đặt nền trên các Tông Đồ.

Vậy chính trong Truyền Thống sống động của Giáo Hội mà chúng ta phải đón nhận Lời, để tránh sự lẫn lộn với những truyền thống vụn vặt của con người. Đây chính là thảm họa của nhiều người “biệt phái”, đã vướng chân vào quá nhiều truyền thống vụn vặt của con người, chúng che lấp Truyền Thống cao cả của Giao Ước đã được đặt nền móng trên Tình Yêu nhưng không của Thiên Chúa.

“Vậy như anh em đã nhận Đức Ki-tô Giê-su làm Chúa, thì hãy tiếp tục sống kết hợp với Người. Anh em hãy bén rễ sâu và xây dựng đời mình trên nền tảng là Đức Ki-tô Giê-su, hãy dựa vào đức tin mà anh em đã được thụ huấn, và để cho lòng chan chứa niềm tri ân cảm tạ. Hãy coi chừng chớ để ai gài bẫy anh em bằng mọi triết lý và những tư tưởng giả dối rỗng tuếch theo truyền thống người phàm và theo những yếu tố của vũ trụ chứ không theo Đức Ki-tô” (Cl 2, 6-8).

Việc nghiên ngẫm Lời là một cách cắm rễ cá nhân và cộng đoàn. Ở đây cũng thế, cây cối là một biểu tượng có thể giúp ta hiểu rõ vấn đề hơn. Nơi cây cối có một cơ cấu sống động, mà mỗi phần tử đều liên đới với toàn thể, để tạo nên sự sống (rễ, thân, cành, lá). Không một phần tử nào có thể tồn tại một mình. Còn gọi được là cây nữa không, nếu nó không rễ, không cành, không lá ? Nó cần có rễ cắm sâu vào đất tốt, cũng như mỗi người chúng ta cần phải nuôi dưỡng bởi nhựa sống của “thân” Truyền Thống Ki-tô. Đức tin là một di sản.

Cây cần có lá hầu thực hiện việc quang hợp kỳ diệu của ánh sáng để làm ra nhựa. Sự tươi tốt của mỗi chiếc lá đều cần thiết cho sức sống khoẻ mạnh của toàn thân cây. Cũng thế, mỗi người chúng ta cũng phải tự phôi mình dưới ánh mặt trời là Đức Ki-tô – chẳng ai có thể làm việc này thay cho người khác! “Ngôi Lời là ánh sáng thật, ánh sáng đến thế gian và chiếu soi mọi người” (Ga 1, 9).

Bởi vì đức tin cũng là một kinh nghiệm, một sự gắn kết có tính cách cá nhân. Và sức khoẻ tinh thần thiêng liêng của “cây Giáo Hội” cũng tùy thuộc vào sức sống thiêng liêng của mỗi người tín hữu chúng ta, như mỗi chiếc lá.

Và đối với cây cối, một công việc diệu kỳ của sự sống, được thể hiện trong thình lạng: Rễ cây kín mức chất dinh dưỡng dưới tầng đất hoa màu, cho nhựa cây dâng trào, cho thân cây nẩy mầm kết nụ, rồi nở sinh hoa trái trong thình lạng hoàn toàn. Một công việc được kiện toàn trong thình lạng nhưng lại rất công phu. Cây phải phấn đấu không ngừng để đẩy rễ cắm sâu xuống những tầng đất dày, xuyên qua lớp đất sét khô cứng, bọc quanh những phiến đá. Nó còn phải tranh đấu để vươn cành lên cao, cũng không phải chuyện dễ! Vì nếu mọi cành cây đều mọc thẳng được thì dễ quá rồi, nhưng lại luôn có gió, bão. Cây phải luôn chiến đấu để sống và tăng trưởng về chiều cao cho ngọn, cũng như bề sâu cho rễ.

Và ta biết rằng, đối với chúng ta, tìm kiếm tận những tầng đất sâu, mạch nước ngầm, nước sự sống của Thần Khí, cũng không dễ hơn phôi mình dưới ánh Mặt Trời của Đức Ki-tô trong cầu nguyện.

Quả thật cây là một “toàn thể”, nơi đây sức sống của mỗi phần tử đem lại sự sống cho toàn thể. Đời sống ki-tô hữu của chúng ta cũng thế, vừa là một cá nhân mà cũng là một cộng đoàn. Luôn có sự hỗ tương nồng cốt. Ta thử tưởng tượng một chiếc lá cho rằng những lá khác che khuất hay gây phiền toái cho nó, nên quyết định tách rời khỏi thân cây, để được phôi mình dưới ánh mặt trời cách thoải mái hơn. Rồi nó sẽ ra sao ?

Nó sẽ sớm héo khô và chết lè loi! Tự do hão huyền là tự tìm cái chết! Ai thích sống đời ki-tô hữu của mình cách biệt lập, thì đời sống nội tâm cũng rất có nguy cơ bị khô héo. Biểu tượng của “cây” mời gọi chúng ta dung hòa cô tịch và hiệp thông, đón nhận Lời Chúa cách cá nhân và cộng đoàn. Đón tiếp Đức Ki-tô với tính cách cá nhân và cắm rễ trong Truyền Thống của Giáo Hội.

Bám rễ trong một dân tộc

Giáo Hội hoàn vũ không phải là một thực tại trừu tượng, mà là một hiệp thông của nhiều Giáo Hội địa phương, nhập thể và nhập thể trong thời gian và không gian. Nên chúng ta cũng phải bén rễ sâu, cách cá nhân và cộng đoàn, trong “đất mùn” của một dân tộc đặc thù, với lịch sử và văn hóa riêng của nó. Để truyền đạt Lời Chúa cho anh em mình, chúng ta còn phải bén rễ vào những mong chờ, những khắc khoải của họ. Để có thể đem Tin Mừng đến cho ai, tôi phải hiểu biết ngôn từ của người ấy.

Chúng ta còn được cắm rễ trong một gia đình thiêng liêng, đã nhận một “đặc sủng” truyền giáo từ Thần Khí Chúa, để phục vụ Giáo Hội và con người, và cũng được nghe một cách đặc biệt Lời Sống. Cần cắm rễ sâu trong những thực giác nền tảng, để tạo cho nó một gương mặt luôn tươi mới, thích ứng với thời đại và với dân tộc, nơi ta đang sinh sống.

Bám rễ và sứ vụ

Như thế, sự phong phú của sứ vụ liên hệ chặt chẽ với chất lượng của việc ta cắm rễ trong Lời được cầu nguyện, chiêm ngưỡng, nghiền ngẫm. Tin Mừng không bao giờ chia cách cây với quả của chúng. Nếu chúng ta phải củng cố và nuôi dưỡng cho rễ của mình, thì cốt yếu là “để mang lại được nhiều hoa quả tốt”. Vì chính nhờ ở quả mà người ta nhận biết một cây tốt.

“Các anh hãy sinh hoa quả xứng với lòng sám hối. Và đừng tưởng có thể nghĩ bụng rằng: “Chúng ta đã có tổ phụ Áp-ra-ham”. Vì, tôi nói cho các anh hay, Thiên Chúa có thể làm cho những hòn đá này trở nên con cháu ông Ápraham. Cái riu đã đặt sát gốc cây: bất cứ cây nào không sinh quả tốt đều bị chặt đi và quăng vào lửa” (Mt 3, 8-10).

“Anh em hãy coi chừng các ngôn sứ giả, họ đội lốt chiên mà đến với anh em; nhưng bên trong, họ là sói dữ tham mồi. Cứ xem họ sinh hoa quả nào, thì họ biết họ là ai. Ở bụi gai, làm gì có nho mà hái? Trên cây găng, làm gì có vả mà bẻ? Nên hễ cây tốt thì sinh quả tốt, cây xấu thì sinh quả xấu. Cây tốt không thể sinh quả xấu, cũng như cây xấu không thể sinh quả tốt. Cây nào không sinh quả tốt, thì bị chặt đi và quăng vào lửa. Vậy, cứ xem họ sinh hoa quả nào, thì biết họ là ai” (Mt 7, 15-17 cũng x. 12, 33-34).

Vậy chính là qua mọi hành động trong cuộc sống, của cá nhân ta và của cộng đoàn, mà người ta thẩm định được chất lượng của việc bén rễ, của việc lắng nghe Lời của chúng ta. Nên ta đừng để phải ứng nghiệm lời tông đồ Giu-đa viết: “Họ là cây cuối mùa thu, không trái, chết hai lần, bị nhổ tận rễ” (câu 12).

Sự bén rễ của chúng ta hôm nay là cần thiết hơn bao giờ để đối mặt với sự đổi thay lớn lao về văn hóa, xã hội mà chúng ta đang sống, trong đó Giáo Hội phải đổi mới cách nhìn và cách sinh hoạt của mình. Bén rễ, gắn kết sinh động để đối mặt với những thử thách của thời giờ thiếu hụt, chán nản trước những hạn giới riêng của mình, đối mặt với thảm trạng của các Hội Dòng, các tu hội càng ngày càng thiếu ơn gọi, các cộng đoàn càng ngày càng già nua.

Bén rễ cần thiết để tìm lại tự do nội tâm của các nhân chứng và các ngôn sứ. Người ta không thể xây dựng tương lai trên nỗi lo hay tiếc nuối quá khứ. Xuyên suốt cuộc sống truyền giáo phát sinh đủ thứ thử thách, những giai đoạn, ít nhiều đầy khô khan, nghi ngại và bão tố.

Trong cơn lốc, cây rên rỉ, bị lay động, chắc chắn có gãy cành (nhất là những cành đã khô chết!), tuy nhiên nếu rễ bám chặt, cây vẫn đứng vững.

Nếu Giáo Hội gắn kết, đâm rễ chặt vào Lời, sau cơn bão, như cây, sẽ mang lại hoa trái mới hợp như ngôn sứ Ê-dê-ki-en nói về dân trong cảnh lưu đày: “Từ ngọn cây, từ ngọn hương bá cao chót vót, Ta sẽ lấy, sẽ ngắt một chồi non; chính Ta sẽ trồng nó trên đỉnh núi cao vợi vợi. Ta sẽ trồng nó trên núi cao của Ít-ra-en. Nó sẽ trở cành và kết trái thành một cây hương bá huy hoàng. Muông chim đến nương mình bên nó, và ẩn thân dưới bóng lá cành” (Ed 17, 22-24). “Chim trời”, các dân ngoại, những người không có hy vọng, sẽ lại đến làm tổ trong dân của Chúa, dân của Giáo Hội. Hình ảnh chim đến làm tổ trên cành, Thầy Giê-su đã dùng lại trong dụ ngôn hạt cải mọc lên và trở thành cây lớn, mà thánh Mát-thêu nhắc đến: “Nước Trời cũng giống như chuyện hạt cải người nọ lấy gieo trong ruộng mình. Tuy nó là loại nhỏ nhất trong các hạt giống, nhưng khi lớn lên, thì lại là thứ rau lớn nhất; nó trở thành cây, đến nỗi chim trời tới làm tổ trên cành được” (Mt 13, 31-31).

[VỀ MỤC LỤC](#)

BÉP HỒNG

Bếp hồng: hình ảnh gợi nhớ về một khung trời thương yêu đầm ấm, nơi đó có những con người gắn bó cuộc đời với nhau, gắn bó sự sống với nhau, vì nhau và cho nhau.

Tôi nhớ bếp hồng ngày xưa khi tôi còn thơ bé, những ngày mưa dầm lạnh lẽo, ngồi bên bếp hồng chờ mẹ làm cho một món gì đó một cách thèm thuồng, mảnh cháy cơm vàng lụi có chút mỡ hành, có chút mằm mặm của thìa nước mắm mẹ rưới vào. Một vài quả bắp (ngô) hay vài củ khoai lang vui nướng chờ chín đủ. Ấm áp làm sao đồng than hồng mẹ hạ lửa bên dưới rồi đặt trên nắp vung nồi cơm sau khi cơm đã sôi, bát nước cơm mẹ chắt ra bên cạnh chờ nguội, mấy anh em tranh nhau chờ mẹ chia phần. ...

Tôi nhớ bếp hồng và ánh lửa trên gương mặt của mẹ, những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán, tiếng càu gắt “đừng hỏi nhiều để mẹ lo cơm cho kịp bố về ăn!”. Tiếng vỗ gạo vào nồi nước, tiếng sôi sùng sục của nồi canh, tiếng quát của mẹ “tránh ra kéo nước sôi này, cứ quần chân mẹ!”. Nhớ gương mặt mẹ thần thờ bên ánh lửa khi mẹ đắm chiêu suy nghĩ về một điều gì đó mà tuổi thơ không hiểu, không biết. Bỗng dưng hôm nay nhớ bếp hồng, nhớ không gian ấm êm tuổi thơ, nhớ mối dây thiêng liêng nối kết gia đình và ... nhớ mẹ. Nhớ mẹ trào nước mắt.

Sáng nay tôi đi thăm một gia đình vừa mất mẹ, bà qua đời như bao nhiêu người khác đã hoặc sẽ qua đời, những đứa con đã khôn lớn, đã dựng nghiệp, đã có con, có cháu bay xa, nhưng bên họ tại phòng tang lễ, tôi thấy họ tội nghiệp, nhỏ bé và u buồn, mong manh và yếu đuối, ai mất mẹ mà không tội nghiệp, nhỏ bé, u buồn, mong manh và yếu đuối. Trước khi đi viếng đám tang, tôi nhận được tin một bà mẹ nữa vừa qua đời, bà là mẹ của hai anh em linh mục trong dòng tôi, cả hai không có nhà trong giờ bà ra đi, bà đi lặng lẽ âm thầm như ngọn đèn đã hết dầu, 96 tuổi, bà cứ ngồi nhìn mọi sự đi qua mắt bà cho đến khi Chúa gọi, kết thúc những ngày tháng tảo tần chăm lo chồng con, kết thúc những ngày tháng ngược xuôi.



Mẹ mất, ánh lửa bếp hồng không còn nữa, nỗi lạnh giá len lỏi vào lòng, cô đơn và mệt mỏi. Cảm giác ấy cũng là cảm giác của các môn đệ sau cả một đêm không đánh bắt được một con cá nào, một đêm thất bại, một đêm lạnh và mệt mỏi. Bờ biển sáng hôm ấy có một bếp hồng, không chỉ bếp nhưng còn có cá và bánh nóng nữa (Ga 21, 1 – 19), còn gì thú vị hơn ánh lửa giữa bờ biển hoang lạnh buổi sáng, còn gì hấp dẫn bằng những con cá nướng vàng ngậy và những tấm bánh nóng ấm. Có thể so sánh được không miếng cơm cháy nóng rưới mỡ và nước mắm trong chiều mưa với tấm bánh bên bờ biển? Có thể so sánh được không củ khoai nướng lụi trong bếp với những con cá vàng tươi trên bếp hồng? Chúa đứng đó nụ cười tươi nồng mời anh em như mâm cơm vừa sẵn sàng cho đàn con ùa vào tận hưởng. Bếp hồng bờ biển hôm ấy làm sống lại không gian yêu thương mặn nồng, sống lại mối lương duyên đầm ấm tưởng như mất rồi sau ngày Chúa ra đi.

Tôi được nghe kể lại về một người linh mục trong dòng, ngài đã qua đời lâu rồi. Truyện kể ngài là một vị giáo sư tài ba uyên bác, nhưng ngài cũng là một người tinh tế với anh em khác, có lần anh em đi lao động về, ngài lặng lẽ pha ly nước chanh cho anh em mình thưởng thức sau những giờ mệt mỏi. Một hành động yêu thương, một cử chỉ tế nhị, một tình cảm gương mẫu.

Ước gì mỗi người trong chúng ta biết sống với nhau một cách tinh tế, yêu thương, hiền hòa nhân hậu. Mình theo Chúa mà chẳng lẽ mình không nên giống Chúa sao ?

Lm. Vinh Sang, dcct.

Chúa nhật III PS.

14/04/2013

VỀ MỤC LỤC

DÒNG CHẢY NGẦM CỦA SỨC MẠNH

Trước khi nó phát hiện ra dòng chảy này, nó chỉ làm được những việc nhỏ; chẳng hạn: kiếm đủ tiền mua chiếc xe hạng sang, loại trừ những người nó không ưa ra khỏi một vòng liên hệ, mách mung lừa tiền lừa tình người khác.... Hồi đó nó chỉ có khả năng biểu hiện những cảm xúc yếu kém như: quát tháo cho hả cơn giận, chửi vào mặt bà hàng xóm, chê bai người này người khác, hành hung đũa bọ bạn chung ngõ, háo thắng tỏ vẻ ta đây, đàm tiếu gây tổn thương danh dự tha nhân, ...

Thời gian trôi qua, nó lớn lên, già đi. Cũng may là nó có một đôi mắt biết quan sát, một cái miệng biết im lặng, một cái đầu biết bình tĩnh suy xét, một trái tim biết vươn tới với người. Có lẽ những điều này không phải sở hữu của riêng nó. Ai sinh ra mà không là hình ảnh của Tình Yêu Quyền Năng đâu.

Đời nó thay đổi nhiều khi nó phát hiện ra một dòng chảy sức mạnh bên trong tâm hồn mình. Dòng chảy ấy đã hiện hữu ở đó từ lâu lắm rồi. Nhưng chỉ vì nó chưa đủ sâu đủ tỉnh để nhận biết rằng mình có một dòng chảy như thế. Dòng chảy ấy bình thường như mọi điều bình thường tốt lành khác mà Thượng Đế đã ưu ái gửi vào cuộc nhân sinh của mỗi người.

Ai nhận biết và tháp nhập vào dòng chảy ấy thì sẽ làm được những việc vĩ đại, vĩ đại không ồn ào. Sự vĩ đại này mới có thể tạo ra niềm an vui vượt lên trên mọi diễn tả của ngôn ngữ, một niềm an vui chỉ có thể cảm nhận bằng trái tim, một trái tim ngập trong hạnh phúc.

Dòng chảy ấy cho nó sức mạnh ghê gớm để làm những việc lớn, lớn như cúi xuống lượm một cọng rác nhỏ do ai đó vô tình hay hữu ý đã xả ra, bốt lại một câu nói lúc nóng giận, quyết tâm sống trung thực không gian dối dù môi trường xung quanh đầy dối gian, tôn trọng sự khác biệt của tha nhân, cho đi mà không cần báo đáp, thứ tha mà không cần lời xin lỗi, lạc quan cho dù đời tăm tối, coi thất bại là một cơ hội, tự tại nhẹ nhàng chứ không hoảng loạn bối rối,...

Dòng chảy này giúp nó chinh phục được đối thủ đáng gờm nhất là...chính nó. Satan cũng bị đuổi ra xa.

Dòng chảy này cho nó sự can đảm tự tin dám sống cho niềm xác tín tích cực trong lòng. Nhờ vậy, nó ngày càng trở nên gắn kết với sự tha thiết của tình yêu Chúa, một tình yêu giải thoát nó khỏi sợ hãi, ích kỷ, nghi ngờ, bi quan, thất vọng,... Nói cách khác, dòng chảy này làm cho nó có khả năng yêu Chúa đủ để sống theo thánh ý khôn ngoan của Người.

Dòng chảy này mở mắt nó nhìn thấy được cái sâu thẳm trong cái bình thường, ánh sáng trong đêm đen, Chúa trong nghịch cảnh.

Dòng chảy này có một tên gọi, là: chiêm niệm. Vâng, dòng chảy chiêm niệm – dòng chảy của sức mạnh!

Sống chìm vào trong dòng chảy chiêm niệm nói một cách đơn giản sẽ là: nhìn bằng đôi mắt của Chúa và yêu bằng trái tim của Người.

Chúa nhìn và yêu như thế nào, ai cũng biết.

Kết quả ra sao, mọi người đều đã rõ.

Làm sẽ hiểu.

+++

Môn đệ Phi-líp-phê nói: “Xin Thầy chỉ cho chúng con thấy Chúa Cha và như thế là đủ.”

Thầy Giêsu trả lời: “Ai nhìn thấy Thầy là nhìn thấy Cha.” (Gioan 14:9)

Giuse Việt, O.Carm.

[11A+V0113]

BLOG: <http://only3minutes.wordpress.com/>

[VỀ MỤC LỤC](#)

ĐỐI THỌAI NĂM ĐỨC TIN - NHỮNG VẤN ĐỀ KHOA HỌC VÀ ĐỨC TIN (VẤN ĐỀ 05)

VỀ NGUỒN GỐC VŨ TRỤ VẠN VẬT

VẤN ĐỀ 05: Những điều tôn giáo dạy về nguồn gốc vũ trụ và con người trong Thánh Kinh đều sai lạc và phản khoa học. Khoa học ngày nay đã khám phá ra nguồn gốc vũ trụ ngược hẳn với những điều ghi chép trong sách Thánh Kinh.

I. TRẢ LỜI

1. Ngày nay khi đọc 2 chương đầu của sách Sáng Thế Ký thuộc bộ Thánh Kinh Cựu Ước, nói về viện Thiên Chúa sáng tạo vũ trụ (St 1,1-31; 2,1-4) và tạo dựng con người (St 2,4-25) nhiều người bất mãn, vì xem ra Thánh Kinh nói nhiều điều vô lý và phản khoa học. Chẳng hạn:

-Thiên Chúa thiêng liêng vô hình lấy đâu ra miệng lưỡi để nói ? Lấy tay đâu để nặn đất sét thành hình người rồi thổi hơi vào ? Không có xác thì sao lại phải nghỉ một ngày Thứ Bảy ?

-Trong ba ngày đầu tiên, khi chưa có mặt trời thì dựa vào đâu để xác định thời gian: “ Thế là hết một buổi chiều và một buổi sáng ?”

-Thiên Chúa lại làm những việc ngược đời, phản khoa học như: Dựng nên ánh sáng trước khi sáng tạo nên mặt trời, vậy thì ánh sáng ấy từ đâu phát ra ? Dựng nên cây cối trước khi dựng nên mặt trời, thì cây cối ấy làm sao sống được ? Thánh Kinh còn nói Thiên Chúa tạo dựng tất cả trong thời gian 6 ngày, đang khi khoa học khám phá ra vũ trụ được hình thành trong thời gian mấy tỷ năm !

Các vấn nạn sẽ chồng chất lên mãi nếu người ta cứ hiểu bản văn hoàn toàn theo nghĩa đen như trên... Vậy ý nghĩa đích thực mà tác giả Kinh Thánh muốn diễn tả trong mấy chương đầu sách Sáng Thế Ký như thế nào?

2. Thực ra, Thánh Kinh không vô lý và phản khoa học vì những lý do sau:

1) Trước hết, Thánh Kinh là sách dạy tôn giáo chứ không nhằm dạy khoa học cho loài người. Khi viết hai chương đầu trong sách Sáng Thế Ký, tác giả Sách Thánh chỉ muốn ghi sâu vào tâm trí loài người những chân lý Đức Tin như sau:

- Vũ trụ vạn vật không tự nhiên xuất hiện như có người làm tường, nhưng đã do Thiên Chúa tạo thành từ hư không (St 1,1). Công việc Ngài làm rất tốt đẹp, và loài người có bổn phận phải nhận biết, tỏ lòng biết ơn bằng sự tôn thờ yêu mến và cầu xin Ngài (St 1,4.12.25.31; 2,3).

- Trong số các tạo vật của Thiên Chúa, loài người có giá trị nhất vì được tạo dựng cuối cùng, được Thiên Chúa trực tiếp thổi hơi phú ban cho có linh hồn thiêng liêng bắt từ "giống hình ảnh Thiên Chúa" và còn được trao quyền cộng tác với Chúa để làm chủ vũ trụ nữa (St 1,26).

- Người nữ không phải là tôi tớ của người nam như quan niệm của dân ngoại thời bấy giờ, nhưng là bạn ngang hàng, có cùng một bản tính người ngang hàng với người nam. Tư tưởng này được diễn tả qua việc Thiên Chúa lấy xương sườn của A-đam làm thành E-và, rồi liên kết hai người thành vợ chồng cùng "một xương một thịt" (St 2,18-24).

- Để tỏ lòng biết ơn Thiên Chúa, loài người phải dành trọn ngày cuối trong một tuần lễ để nghỉ các việc làm ăn thường lệ và dành thì giờ làm việc phụng thờ Ngài. Đó là ngày Thứ Bảy "Sa-bát" (St 2,2-3).

2) Những chân lý ấy vì được nói trước tiên với người Do Thái đương thời, là những người có trình độ văn minh thấp kém, nên tác giả Thánh Kinh đã phải dùng lối văn kể chuyện cụ thể dễ hiểu, phải sử dụng những kiểu nói bình dân, phù hợp với những điều mắt thấy tai nghe. Giả sử tác giả trình bày việc hình thành vũ trụ theo cách nói của các nhà khoa học ngày nay, thì chắc chắn sẽ làm rối trí khán giả cách vô ích, và khó lòng thuyết phục họ chấp nhận tin thờ Thiên Chúa. Ngày nay, dù đang sống giữa thời đại văn minh khoa học, thế mà trong câu chuyện thường ngày, người ta vẫn thường dùng kiểu nói như: "Mặt trời mọc ở phương Đông vào mỗi buổi sáng và lặn ở phương Tây vào mỗi buổi chiều. Bầu trời hôm nay thật trong xanh... Mà không thấy ai lên tiếng phê bình phản đối. Thế thì tại sao một số người lại dựa vào một vài kiểu nói bình dân trong Thánh Kinh để cho rằng Thánh Kinh nói những điều vô lý và phản khoa học được?

TÓM LẠI: Những điều tôn giáo dạy về nguồn gốc vũ trụ và con người trong Thánh Kinh không đối lập hay phản khoa học, vì Sách Thánh không nhằm dạy khoa học về nguồn gốc vũ trụ thiên nhiên, nhưng chỉ muốn trình bày những chân lý Đức Tin tôn giáo cho loài người. Tuy nhiên, vì được nói trước tiên với người xưa, nên tác giả Kinh Thánh đã phải sử dụng lối văn kể chuyện sao cho dễ hiểu, phù hợp với kiến thức và trình độ hiểu biết khoa học của người đương thời, để họ dễ dàng mở lòng đón nhận đức tin. Hồng y LIÉNART đã nói: "thực là sai lầm nếu có ai muốn đối chiếu trực tiếp Kinh Thánh và khoa học, vì họ đã không nhận ra rằng: Kinh Thánh và khoa học không đứng trên cùng một bình diện và không đồng một thể loại. Kinh Thánh theo đuổi một mục đích khác với mục đích của khoa học. Không khoa nào có thể phủ nhận khoa nào".

II. TƯỜNG THUẬT CÔNG TRÌNH SÁNG TẠO THEO SÁCH SÁNG THẾ (St 1,1-2,3):

Vì nhằm mục đích dạy loài người chân lý: “Thiên Chúa chính là Đấng Tạo Hóa và là Chúa tể của vũ trụ vạn vật”, nên tác giả Thánh Kinh đã trình bày công việc sáng tạo theo một thứ tự riêng, phù hợp với mục đích dạy đức tin. Tác giả đã chia công trình tạo dựng vũ trụ vạn vật thành 7 giai đoạn:

Đầu tiên là những vật vô tri bất động và tiếp đến là những vật có sự sống rồi những động vật có giác quan mà quan trọng nhất là loài người có linh hồn thiêng liêng bất tử. Cuối cùng tác giả kết luận: “Tất cả vạn vật đều do Thiên Chúa tạo dựng” và loài người được nhận làm nghĩa tử vì được dựng nên cuối cùng, giống như bà mẹ trước khi sinh con đã chuẩn bị sẵn nhà cửa và các đồ dùng quần áo cho con, Thiên Chúa cũng sáng tạo nên vũ trụ vạn vật trước khi dùng bụi đất làm ra loài người. Loài người phải dành ngày Thứ Bảy để thờ phượng và phục vụ Chúa giống như Ngài đã nêu gương.

Công trình sáng tạo của Thiên Chúa được tác giả Sách Thánh trình bày theo thứ tự phân biệt và trang điểm như sau:

1) Ngày thứ Nhất Thiên Chúa dựng lên ánh sáng và phân biệt ánh sáng với bóng tối. Ánh sáng được gọi là ngày và bóng tối được gọi là đêm (St 1,3-5).

2) Ngày thứ Hai Thiên Chúa dựng nên cái vòm giữa khối nước. Ngài phân biệt nước phía dưới vòm với nước phía trên làm thành bầu trời (St 1,6-8).

3) Ngày thứ Ba Thiên Chúa truyền cho nước phía dưới trời tụ lại, làm cho chỗ cạn nhô lên. Ngài gọi chỗ cạn là “đất” phân biệt với khối nước tụ lại gọi là “biển”. Ngài cho đất phát sinh thảo mộc hoa trái (St 1,9-13).

4) Ngày thứ Tư Thiên Chúa trang điểm cho ngày thứ Nhất: Ngài dựng nên hai vầng sáng giúp phân biệt ngày và đêm. Ngài gọi vầng sáng lớn là mặt trời chiếu sáng ban ngày và vầng sáng nhỏ là mặt trăng soi chiếu ban đêm. Ngài cũng dựng nên các vì tinh tú (St 1,14-19).

5) Ngày thứ Năm Thiên Chúa trang điểm cho ngày thứ Hai: Ngài dựng nên chim bay trên bầu trời và dựng nên cá dưới lòng biển (St 1,20-23).

6) Ngày thứ Sáu Thiên Chúa trang điểm cho ngày thứ Ba: Ngài dựng nên các loài thú vật và cuối cùng dựng nên loài người để trao quyền làm chủ trái đất (St 1,24-31).

7) Ngày Thứ Bảy Thiên Chúa nghỉ để nêu gương cho loài người thánh hóa ngày này (St 2,1-3).

III. LỜI CẦU:

-Lời Chúa: “Trời xanh tường thuật vinh quang Thiên Chúa, thanh không kể ra sự nghiệp tay Người. Ngày này nhắc nhở cho ngày khác, đêm này truyền tụng cho đêm kia” (Tv 18).

-Lạy Thiên Chúa Cha từ bi nhân ái. Cha đã sáng tạo nên vũ trụ vạn vật “vì và cho” loài người chúng con. Xin cho chúng con nhận biết tình thương của Cha để không ngừng ngợi khen cảm tạ Cha. Xin cho chúng con biết cộng tác với Cha để làm chủ và kiện toàn thiên nhiên theo thánh ý Cha hầu mang lại cơm no áo ấm cho chúng con. Xin cho chúng con biết làm cho môi trường sống ngày thêm sạch đẹp, hầu làm sáng danh Cha và mang lại hạnh phúc muôn đời cho chúng con. AMEN.

LM ĐAN VINH www.hiephoithanhmau.com

[VỀ MỤC LỤC](#)

TÓM LƯỢC HIẾN CHẾ MỤC VỤ VỀ HỘI THÁNH GAUDIUM ET SPES (TÌM HIỂU CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II - BÀI 5)

Gaudium et spes là Hiến Chế mục vụ về Hội Thánh và dài nhất trong bốn Hiến Chế của Công Đồng Vaticanô II, gồm 93 câu. Hiến Chế này được chia thành hai phần. Phần thứ nhất trình bày những nguyên tắc giáo lý mà không đề nghị những áp dụng mục vụ. Phần thứ nhì là những áp dụng mục vụ dựa trên những nguyên tắc được trình bày trong phần thứ nhất. Trong khi tóm tắt Hiến chương này, chúng tôi dựa theo cách sắp đặt của giáo sư Gerald Darring trên website của Spring Hill College. Cách sắp đặt này đặt những nguyên tắc giáo lý và những áp dụng mục vụ cạnh nhau trong một đề mục cho dễ hiểu. Vì Lumen gentium là Hiến Chế Tín Lý về Hội Thánh, nên Gaudium et spes phải được hiểu dưới ánh sáng của Lumen gentium, và những dấu chỉ của thời đại mà Gaudium et spes nói đến phải được giải thích dưới ánh sáng của Dei Verbum, chứ không phải cách chủ quan. Bài tóm tắt này chỉ rất sơ sài để cung cấp cho độc giả những ý chính của Gaudium et spes, nhưng không có tham vọng tóm tắt tất cả mọi giáo huấn trong văn kiện này vào 8 trang giấy. Vậy xin bạn đọc học hỏi chính bản văn Công Đồng cùng những chú thích để hiểu thêm về giáo huấn của Hiến Chế này.

Mở Đầu

Vui mừng và hy vọng, ưu tư và lo âu của con người ngày nay, nhất là của người nghèo và những người đau khổ, cũng là vui mừng và hy vọng, ưu tư và lo âu của cộng đồng môn đệ Đức Kitô, là cộng đồng thực sự liên hệ mật thiết với loài người và lịch sử nhân loại (1). Vì vậy, Công Đồng Vaticanô II ước ao trình bày cho mọi người quan niệm của mình về sự hiện diện và hành động của Hội Thánh trong thế giới ngày nay. Bất chấp những tiến bộ vượt bậc của nhân loại, con người vẫn lo âu thắc mắc về tương lai thế giới, về chỗ đứng và phận vụ con người, về ý nghĩa của những cố gắng cá nhân cũng như tập thể, và về cùng đích của con người. Vì thế Thánh Công Đồng bày tỏ ước muốn nhập cuộc đối thoại với toàn thể gia đình nhân loại (3) để có thể giúp làm sáng tỏ những bí ẩn về con người và hợp tác trong việc giải quyết những vấn đề đương thời (10) trong ánh sáng Tin Mừng, dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần.

Thân Phận Con Người trong Thế Giới Ngày Nay

Hội Thánh có nhiệm vụ tìm hiểu tường tận những dấu chỉ thời đại và giải thích chúng dưới ánh sáng của Tin Mừng (4), đồng thời Công Đồng cũng trình bày quan điểm riêng của mình về xã hội đương thời. Có thể nói rằng chúng ta đang ở trong một thời đại mới của lịch sử nhân loại mà hoàn cảnh xã hội và văn hóa đã thay đổi rất nhiều (54). Con người đã đi từ một quan niệm tĩnh về vũ trụ sang một quan niệm động và tiến hóa hơn, do đó phát sinh ra những vấn đề hết sức phức tạp và mới mẻ đòi hỏi phải có những phân tích và tổng hợp mới (5). Chúng ta đang trải qua một cuộc biến đổi về văn hóa (4), kỹ nghệ hóa, đô thị hóa, truyền thông, và xã hội (6) cũng như thay đổi trong thái độ, giá trị và trong cả các tiêu chuẩn hành động (7).

Chúng ta đang chứng kiến một sự tiến bộ về hiệp nhất và một tiến trình xã hội hóa bổ ích (42). Gia tăng việc xã hội hóa có thể gây ra nhiều vấn đề, nhưng cũng cho con người những cơ hội phát triển tích cực (25). Tiến bộ kỹ thuật hiện đại đang đưa đến một tình trạng lệ thuộc lẫn nhau ngày càng gia tăng giữa con người (23), là điều đang lan tràn khắp thế giới (26).

Con người hiện đại đang trên đường phát triển trọn vẹn nhân cách của mình và xác định quyền lợi của mình cách rõ rệt hơn (41). Họ mỗi ngày một ý thức hơn về nhân phẩm, về quyền lợi và nhiệm vụ thuộc về tất cả mọi người mà không ai có quyền tước đoạt (26). Mọi người đang đòi những quyền mà họ bị tước đoạt vì bất công hoặc vì phân chia không đồng đều (9), họ khao khát một cuộc sống đầy đủ và tự do xứng đáng với nhân phẩm (9). Một cảm giác bèn nhạy hơn về nhân phẩm dẫn đến một môi trường chính trị bảo vệ các quyền làm người nhiều hơn (73).

Trên thế giới, con người càng ngày càng gia tăng ý thức tự trị cũng như trách nhiệm. Chúng ta đang chứng kiến sự ra đời của một nền nhân bản mới mà trong đó con người được định nghĩa theo trách nhiệm đối với xã hội và lịch sử (55).

Những dấu chỉ tích cực này cũng bị phản công bởi một số dấu chỉ tiêu cực. Đang có nhiều sự rạn nứt giữa cá nhân, gia đình, chủng tộc, và các quốc gia (8). Nhiều người thấy khó mà xác định được những giá trị cố hữu và áp dụng chúng để thay đổi hoàn cảnh (4), và một trong những sai lầm nghiêm trọng hơn cả của thời đại chúng ta là người ta tách rời đức tin ra khỏi đời sống hàng ngày của họ (43).

Những xáo trộn về xã hội xảy ra, một phần do những căng thẳng về kinh tế, chính trị và xã hội, nhưng ở một mức độ sâu hơn, là do tính kiêu căng và ích kỷ của con người (25). Sự gia tăng khả năng của con người lại đe dọa hủy diệt chính con người (37). Các cuộc chiến tranh tiếp tục tàn phá, và đe dọa sẽ dẫn đến một tình trạng dã man khôn tả (79). Ngay cả trong thời bình, thế giới vẫn không ngừng bị xáo trộn bởi những tranh chấp và bạo động (83). Trong nhiều trường hợp, sự xử dụng những phương pháp khủng bố được coi như một hình thức mới của chiến tranh (78).

Công Đồng kết luận rằng thế giới hiện đại vừa tỏ ra mạnh mẽ vừa tỏ ra yếu đuối, có khả năng làm những hành động cao quý nhất hoặc xấu xa nhất. Trước mặt nó là con đường dẫn đến tự do hay đến nô lệ, đến tiến bộ hoặc thoái hóa, đến cộng đồng hoặc thù hận (9).

Hội Thánh và Thiên Chức Con Người

Công Đồng muốn thiết lập một mối liên hệ làm việc với thế giới, vì Hội Thánh cùng nhân loại tiến bước và chịu cùng một số phận với nhân loại (40). Các môn đệ của Đức Kitô chia sẻ những niềm vui và hy vọng, sầu khổ và lo âu của con người thời đại, đặc biệt là những người nghèo (1).

Dân Thiên Chúa và nhân loại cùng phục vụ nhau (11). Hội Thánh phục vụ như men và như linh hồn cho xã hội loài người (40). Hội Thánh có thể góp phần làm cho nhân loại và lịch sử thêm nhân bản (40), mở ra cho con người ý nghĩa của cuộc đời (41); có thể truyền thông cho xã hội nhân loại ngày nay đức tin và đức ái, được thể hiện trong cuộc sống, chứ không dựa vào những phương thể hoàn toàn nhân loại (42). Tính phổ quát của Hội Thánh cho phép Hội Thánh phục vụ như một mối dây liên kết giữa các cộng đồng đa dạng (42). Hội Thánh tôn trọng tất cả những gì chân thật, tốt lành và chính đáng trong các tổ chức loài người (42). Công Đồng khuyến khích các Kitô hữu, là công dân của cả hai đô thị, nỗ lực chu toàn cách những bổn phận trần thế của họ dưới sự hướng dẫn của Tin Mừng, họ phải làm cho thế gian thấm nhuần tinh thần của Đức Kitô (43). Hội Thánh có thể và đang được phong phú hóa nhờ sự phát triển của đời sống xã hội (44). Bất cứ ai làm việc để cho thế giới nên tốt đẹp hơn thì cũng đóng góp cho Hội Thánh (44).

Sứ Vụ của Hội Thánh trong Thế Giới Hôm Nay

Trong khi xác định mối liên hệ của Hội Thánh với thế giới, Công Đồng cũng nhắc lại sứ vụ của mình. Hội Thánh có một mục đích cứu độ và một cánh chung chỉ có thể được hoàn thành trọn vẹn ở thế giới tương lai (40). Sứ vụ của Hội Thánh là sứ vụ tôn giáo chứ không phải chính trị, kinh tế hay xã hội, nhưng sứ vụ tôn giáo này có thể giúp giúp thiết lập và củng cố cộng đồng nhân loại theo Luật Lệ của Thiên Chúa (42).

Sứ vụ của Hội Thánh bao gồm các mục tiêu tôn giáo sau đây: biểu lộ mầu nhiệm của Thiên Chúa cho nhân loại (41); làm cho Thiên Chúa được hiện diện cách hữu hình giữa thế gian (21); truyền thông sự sống của Thiên Chúa cho mọi người và giải ánh sáng phản chiếu của sự sống ấy khắp thế gian (40); tiếp tục công việc của Đức Kitô dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần (3); rao giảng Tin Mừng cho mọi người và ban phát các kho tàng ân sủng (89); bảo vệ di sản Lời Chúa và rút ra từ đó những nguyên tắc luân lý và tôn giáo (33); làm cho Nước Chúa trị đến và toàn thể nhân loại được cứu độ (45); tìm hiểu những dấu chỉ của thời đại và giải thích chúng trong ánh sáng Tin Mừng (4); lắng nghe, phân biệt và giải thích các tiếng nói của thời đại, rồi phán đoán dưới ánh sáng Lời Chúa để Chân Lý mạc khải luôn được thấu triệt, được

hiểu rõ và trình bày cách thích hợp hơn. (44); cổ võ sự hiệp nhất (42); thúc đẩy và góp phần vào công cuộc phát triển văn hóa (58); làm cho công bằng và bác ái lan tràn trong và giữa các dân tộc; nói lên nhận định luân lý của mình về cả những vấn đề liên quan đến chính trị khi quyền lợi căn bản của con người hay phần rỗi các linh hồn đòi hỏi; cổ võ và nâng cao bất cứ điều gì là chân, thiện, mỹ trong cộng đồng nhân loại (76); chiếu soi trên toàn thế giới ánh quang của sứ điệp Tin Mừng, và quy tụ trong một Chúa Thánh Thần tất cả mọi người thuộc mọi quốc gia, chủng tộc hay văn hóa (92).

Phẩm Giá, Công Việc và Ý Nghĩa Cuộc Đời Con Người

Khi khẳng định rằng Hội Thánh có thể giúp mọi người hiểu được ý nghĩa của chính cuộc đời họ (41), Công Đồng nói về con người cùng hoạt động và kinh nghiệm của họ. Người ta có giá trị vì con người của họ chứ không phải vì những gì họ có (35). Nhân phẩm cũng được áp dụng cho thân xác họ, là điều tốt lành mà Thiên Chúa đã dựng nên và sẽ sống lại trong ngày sau hết (14), trí tuệ con người được chia sẻ ánh sáng của trí tuệ Thiên Chúa (15); và lương tâm con người là tâm điểm sâu kín nhất và là cung thánh của con người, nơi đây con người chỉ hiện diện một mình với Thiên Chúa. (16). Phẩm giá con người đòi buộc họ phải tự do để hướng về sự tốt lành (17).

Công việc của con người là tiếp nối công trình của Đấng Tạo Hóa, phục vụ anh em, đóng góp vào việc hoàn thành ý định của Thiên Chúa trong lịch sử, và thành công của con người là dấu chỉ ân sủng của Thiên Chúa (34). Sự tiến bộ của con người là điều tốt, nhưng cảm dỗ họ tìm kiếm lợi ích riêng mà không màng đến ích lợi của người khác (37). Chúng ta chỉ cảm thấy mình được đầy đủ khi chân thành hy sinh cho tha nhân (24).

Kinh nghiệm của con người bao gồm cả thiên chức cao cả lẫn nỗi thống khổ sau xa (3). Tất cả các hoạt động của con người bị đe dọa bởi tội kiêu ngạo và phải được thanh lọc bằng quyền năng của Thánh Giá và sự Phục Sinh của Đức Kitô (37). Mâu nhiệm về con người chỉ được sáng tỏ trong mâu nhiệm Ngôi Lời Nhập Thể, mà Thánh Thần của Người ban cho mọi người khả năng liên kết với biến cố cứu độ của Chúa Giêsu (22). Bí ẩn về đời sống con người lên đến cao độ khi đối diện với cái chết, nhưng mặc khải cho chúng ta biết rằng Thiên Chúa đã dựng nên chúng ta cho sự sống đời sau và Đức Kitô đã giải thoát chúng ta khỏi sự chết (18).

Quan Niệm về Tôn Giáo

Công Đồng nhìn nhận rằng con người muốn biết ý nghĩa cuộc đời cùng sự chết, nhưng họ lại không bao giờ hoàn toàn không quan tâm đến vấn đề của tôn giáo (41). Việc công nhận Thiên Chúa không chống lại phẩm giá con người (21), mà thực ra nguồn mạch cơ bản của nhân phẩm hệ tại lời mời gọi hiệp thông với Thiên Chúa (19). Không có sự đối chọi lẫn nhau giữa đức tin và khoa học (36), và cũng không có sự đối lập giữa các hoạt động nghề nghiệp và xã hội với đời sống tôn giáo (43).

Công Đồng chống lại quan niệm về tôn giáo chỉ bao gồm việc thờ phượng và đời sống luân lý khi khẳng định rằng tôn giáo cũng bao gồm việc tham gia vào công việc trần thế (43). Công Đồng cũng chống lại thái độ kỳ thị liên quan đến tôn giáo. Mọi thái độ kỳ thị dựa trên tôn giáo đều trái với ý định của Thiên Chúa và cần phải được khắc phục và loại trừ (29). Chúng ta cũng phải tôn trọng và yêu thương những người suy nghĩ hay hành động khác chúng ta trong vấn đề tôn giáo (28). Cần lưu ý rằng Hội Thánh đang có một sự tôn trọng càng ngày càng gia tăng đối với những tôn giáo khác (73),

Về Người Vô Thần

Công Đồng cố gắng tiến hành một cuộc đối thoại tôn trọng với những người vô thần. Chủ nghĩa vô thần là một trong những vấn đề nghiêm trọng nhất của thời đại chúng ta. Chủ nghĩa vô thần phát sinh từ nhiều nguyên nhân khác nhau, và các tín hữu thường cũng có một phần trách nhiệm trong sự vô thần của những người khác, vì họ đã che đậy thay vì bày tỏ dung nhan thật sự của Thiên Chúa (19). Chủ nghĩa vô thần thường phản ánh một ước muốn được hoàn toàn độc lập với Thiên Chúa, để nhân loại có thể thành cứu cánh của chính mình (20). Chủ nghĩa

này cũng có thể là hậu quả của việc mong đợi một cuộc giải phóng con người hoàn toàn bằng những nỗ lực kinh tế và xã hội, trong khi coi tôn giáo như một chướng ngại vật vì nó làm cho người ta hy vọng một cuộc sống tương lai hảo huyền (20). Chủ nghĩa vô thần đặt ra những câu hỏi quan trọng cần phải được xem xét một cách nghiêm túc. Biện pháp khắc phục chủ nghĩa vô thần là trình bày giáo lý một cách thích hợp và cách sống đức tin của chúng ta. Phải có đối thoại để những người tin và những người không tin có thể cùng nhau làm việc để xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn (21).

Một Số Vấn Đề Khẩn Thiết

Phù hợp với sứ mệnh bảo vệ di sản Lời Chúa và rút ra từ đó những nguyên tắc đạo đức và tôn giáo (33), *Gaudium et spes* bao gồm một số công bố chung về luân lý mà Công Đồng muốn chúng ta suy nghĩ trước khi tiếp tục đi vào những vấn đề cụ thể của thế giới hiện đại: Tất cả mọi hoạt động của con người phải phù hợp với lợi ích đích thực của nhân loại (35). Chúng ta không thể, vì lười biếng hoặc thiếu quan tâm, mà hài lòng với một nền luân lý chỉ đơn thuần cá nhân (30), vì Thiên Chúa không dựng nên chúng ta để sống cô lập, nhưng để tạo thành xã hội đoàn kết (32). Phục vụ, sinh sống và làm việc với những người khác củng cố sự tự do của chúng ta (31). Chỉ trong tự do, chúng ta mới có thể hướng mình về sự tốt lành (17). Một người phải tuân theo lương tâm của mình, vì họ sẽ bị phán xét theo lương tâm, nhưng lương tâm phải được đào luyện để tránh sai lạc (16). Một nấc thang giá trị không đúng đưa đến việc đặt mình làm trung tâm (37). Việc nhìn nhận các quyền cá nhân không miễn trừ con người khỏi giữ luật Thiên Chúa (41). Chúng ta thường kinh nghiệm một sự mất cân bằng giữa một quan tâm đến những điều thiết thực và hiệu quả, và những đòi hỏi của lương tâm (8). Chúng ta có thể yêu thương và tôn trọng những người khác dù họ suy nghĩ hoặc hành động khác với chúng ta mà không trở nên thờ ơ với chân lý hoặc sự tốt lành (28). Chúng ta phải phân biệt giữa sự sai lầm và người sai lầm: luôn luôn phải bác bỏ sai lầm trong khi người sai lầm không bao giờ mất phẩm giá của một con người (28).

Công Bằng Xã Hội

Ngoài những công bố chung về luân lý, Công Đồng cũng đề ra một số hướng dẫn về công bằng xã hội nhằm giúp con người thiết lập một trật tự chính trị, xã hội và kinh tế để phục vụ con người cùng xác định và phát triển phẩm giá của họ (9).

Công Đồng cổ vũ sự tôn trọng cả cá nhân lẫn cộng đồng. *Gaudium et spes* khẳng định rằng nhân vị chính là và phải là nguyên lý, chủ thể và cứu cánh của mọi định chế xã hội, bởi vì tự bản chất nhân vị phải hoàn toàn cần đến đời sống xã hội (25). Tôn trọng nhân phẩm có nghĩa là tất cả mọi người phải có những gì họ cần để sống một cuộc sống thực sự nhân bản: như thực phẩm, quần áo, chỗ ở, tự do lựa chọn một tình trạng sống và tìm thấy một gia đình, quyền được giáo dục, việc làm, danh thơm tiếng tốt, thông tin thích hợp, hành động theo lương tâm tốt, bảo vệ đời sống riêng tư, và tự do tôn giáo (26). Thiên Chúa xấp đặt cho chúng ta thành một gia đình, và chúng ta nên đối xử với nhau trong tinh thần của cộng đồng (24). Mọi nhóm xã hội phải tôn trọng những nhu cầu và nguyện vọng của các nhóm khác cũng như phúc lợi chung của toàn thể gia đình nhân loại (26). Chúng ta biến mình thành người lân cận của mọi người mà không trừ ai, và mỗi người phải coi mọi người lân cận như chính mình (27).

Phẩm giá của cá nhân và cộng đồng đòi hỏi phải tôn trọng sự sống: bất cứ điều gì chống lại sự sống, như giết người, phá thai, trợ tử,... đều đầu độc xã hội con người, làm hại những ai thực hành nó, cùng làm ô danh Đấng Tạo Hóa (27). Cũng phải tôn trọng và yêu thương những người không cùng một cảm nghĩ hoặc hành động với chúng ta trong những vấn đề xã hội, chính trị hay cả tôn giáo nữa (28). Chúng ta phải nhận ra sự bình đẳng cơ bản của tất cả mọi người: tất cả mọi sự kỳ thị là trái với ý định của Thiên Chúa và phải được khắc phục và loại trừ (29).

Cá nhân lẫn cộng đồng có nghĩa vụ hỗ tương: các cơ chế nhân loại phải làm việc để bảo vệ những quyền cơ bản của con người (29), đồng thời mỗi người phải góp phần vào công ích

cùng hỗ trợ các tổ chức tư nhân và công cộng hoạt động để xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn. Một trong những nhiệm vụ chính của chúng ta là tuân hành pháp luật và luật lệ của xã hội (30).

Công Đồng dạy rằng chúng ta có nhiệm vụ cai quản thế giới bằng công lý và sự thánh thiện (34), như thế chúng ta phải xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn dựa trên chân lý và công lý (55). Những người có đức tin cũng như những người không có đức tin phải hành động cho một thế giới tốt đẹp hơn (21), họ phải cùng nhau làm việc mà không dùng bạo lực và lừa đảo để xây dựng thế giới trong hoà bình đích thực (92). Nhiệm vụ này đòi hỏi chúng ta nhận ra rằng tiến bộ kỹ thuật không có giá trị bằng việc chúng ta hoạt động cho công lý, cộng đồng, và trật tự xã hội (35). Vì thế nỗ lực thiết lập một cộng đồng phổ quát không phải là một nỗ lực vô vọng (38).

Sứ Điệp cho Các Phần Tử Hội Thánh

Công Đồng có một số sứ điệp đặc biệt dành cho các phần tử của Hội Thánh. Công Đồng nói rằng niềm hy vọng của chúng ta liên quan đến thời sau hết không miễn cho chúng ta trách nhiệm giải quyết những vấn đề đương thời (21). Việc trông đợi một thế giới mới không làm suy giảm mà còn làm gia tăng quan tâm của chúng ta đến việc chăm sóc cho thế giới này (39). Các Kitô hữu phải tìm kiếm và suy nghĩ về những điều trên trời, nhưng nhiệm vụ này phải tăng cường bổn phận làm việc với những người khác để xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn (57), và thật sai lầm cho những Kitô hữu nào nghĩ rằng họ có thể trốn trách nhiệm trần thế vì họ đang tìm kiếm đời sau (43). Sứ điệp Kitô buộc chúng ta phải xây dựng thế giới này và quan tâm đến hạnh phúc của tha nhân (34), và giáo huấn của Đức Kitô đòi chúng ta tha thứ và yêu thương kẻ thù (28). Chúng ta phải nuôi dưỡng trong chính Hội Thánh sự quý mến và tôn trọng lẫn nhau, cùng hòa hợp với nhau, qua việc nhìn nhận một cách trọn vẹn sự đa dạng hợp pháp (92).

Những Vấn Đề Khẩn Cấp

Sau khi đưa ra chương trình lý thuyết, Công Đồng chú ý đến một số vấn đề mà có thể nói là đặc biệt khẩn cấp (46).

1) Hôn nhân và gia đình. Thiên Chúa đã thiết lập và ban những định luật riêng cho đời sống vợ chồng. Đời sống này được gầy dựng do giao ước hôn nhân, nghĩa là sự ưng thuận cá nhân không thể rút lại được. Vì lợi ích của lứa đôi, của con cái và của xã hội, nên sợi dây liên kết thánh thiện này không lệ thuộc sở thích của con người. Chính Thiên Chúa là Đấng tác tạo hôn nhân, phú bẩm những lợi ích và mục tiêu khác nhau (48). Hôn nhân và tình yêu vợ chồng, tự bản tính qui hướng về sự sinh sản và giáo dục con cái. Bổn phận truyền sinh và giáo dục phải được coi là sứ mệnh riêng biệt của vợ chồng (50). Công Đồng lưu ý rằng các điều kiện kinh tế hiện đại đang gây ra những khó khăn nghiêm trọng trong gia đình (47). Nhưng trong việc điều hòa sinh sản, con cái của Hội Thánh không được dùng những phương pháp mà Giáo Huấn Hội Thánh đã bác bỏ khi giải thích luật Thiên Chúa (51). Phải giáo dục con cái, nhất là bằng gương sáng, để khi đến tuổi trưởng thành chúng có thể chọn bậc sống theo ơn gọi, ngay cả ơn gọi tu trì, với ý thức trách nhiệm đầy đủ. Tất cả mọi người phải hoạt động cho hạnh phúc của hôn nhân và gia đình: cha mẹ, con cái, những người có ảnh hưởng trong xã hội, các Kitô hữu, các nhà nghiên cứu, các mục tử, và các tổ chức khác nhau (52).

2) Văn hóa. Con người chỉ chỉ đạt tới nhân tính đích thực và trọn vẹn nhờ văn hóa. Văn hóa là tất cả những gì con người dùng để trao dồi và phát triển các năng khiếu đa diện của tâm hồn và thể xác (53). Một hình thức phổ quát hơn của văn hóa đang phát triển, trong đó cổ võ và diễn tả sự hợp nhất của loài người (54). Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, mọi người đều xác tín rằng những lợi ích của văn hóa nên được mở rộng cho tất cả mọi người (9). Hội Thánh không bị ràng buộc bởi bất kỳ hình thức văn hóa đặc biệt nào (42), hay bất kỳ một lối sống đặc thù hay tập tục nào của con người (58). Vì có sự liên hệ giữa sứ điệp cứu độ và nền văn hóa nhân loại (58), cho nên Hội Thánh tham gia vào một cuộc trao đổi sống động với nền văn hóa đa dạng của nhân loại (44), mặc dù đôi khi rất khó để hòa hợp văn hóa với giáo huấn của Kitô giáo (62). Công Đồng đưa ra những hướng dẫn sau đây để lượng giá vai trò của văn hóa trong xã hội.

· Văn hóa cần tự do và tự chủ, và đòi hỏi sự tôn trọng (59). Chúng ta phải tôn trọng và yêu thương những người suy nghĩ hoặc hành động khác với mình trong các vấn đề xã hội, chính trị và cả tôn giáo (28).

· Văn hóa phải phụ thuộc vào sự hoàn hảo không thể thiếu của con người và công ích của xã hội (59).

· Cá nhân phải được giáo dục để đạt đến một mức độ cao hơn về văn hóa (31).

· Mọi kỳ thị về văn hóa đều trái với ý định của Thiên Chúa và phải được khắc phục và loại trừ (29). Cần cổ động cho mọi người ý thức về quyền thụ hưởng văn hóa cùng bốn phạm trau luyện bản thân và hỗ trợ người khác. (60). Cũng phải liệu cho phụ nữ đảm trách toàn vẹn những chức vụ phù hợp với khả năng riêng của họ (60), và họ phải được bình quyền với nam giới về văn hóa (29).

· Việc trao đổi càng ngày càng gia tăng giữa các nền văn hóa không được phép làm xáo trộn sống của cộng đoàn hoặc phá hoại sự khôn ngoan của tiền nhân cũng như làm tổn thương những đặc tính riêng của mỗi dân tộc (56).

· Phải làm gì để mọi người trên thế giới cùng được hưởng ích lợi của văn hóa trong khi kiến thức của các nhà thông thái luôn cao siêu và phức tạp hơn? (56).

· Việc công nhận sự tự trị của văn hóa không rơi vào một nền nhân bản vô tôn giáo hoặc chống tôn giáo (56).

· Các nghệ thuật và kỹ thuật phải được tự do sử dụng các nguyên tắc và phương pháp riêng của mình, và mọi người phải được tự do để tìm kiếm chân lý, bày tỏ ý quan điểm, và nghệ thuật thực hành (59).

· Không được dùng văn hóa như công cụ của quyền lực chính trị hoặc kinh tế (59).

3) Đòi sống kinh tế và xã hội. Công Đồng dạy rằng con người là nguồn mạch, trung tâm, và mục đích của tất cả đời sống kinh tế và xã hội (63). Mục đích của sản phẩm kinh tế là phục vụ con người trong những nhu cầu vật chất, trí tuệ, luân lý, tâm linh, và tôn giáo của họ (64). Hội Thánh không bị ràng buộc vào bất cứ hệ thống kinh tế đặc biệt nào (42). Những khác biệt quá mức về kinh tế và xã hội giữa con người hay những nhóm người là điều nguy kịch và chúng làm tổn thương đến công bằng xã hội, sự bình đẳng, phẩm giá con người, hòa bình xã hội và quốc tế (29). Sự chênh lệch nguy hiểm giữa các nước phát triển và các nước khác, cũng như giữa công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ cũng là những điều trầm trọng (63).

Quan tâm đặc biệt đối với Hội Thánh là nạn nghèo đói và người nghèo. Các môn đệ của Đức Kitô chia sẻ những niềm vui và hy vọng, đau buồn và lo âu của tất cả mọi người, nhưng đặc biệt là của những người nghèo (1). Công Đồng đau buồn ghi nhận rằng ngay cả với sự giàu có, tài nguyên và quyền lực kinh tế vô tiền khoáng hậu, chúng ta vẫn còn bị hành hạ bởi nạn nghèo đói (4), phần lớn nhân loại vẫn đang quằn quại vì quá nhiều đói nghèo, như chính Đức Kitô đã khóc trong những long bác ái của các môn đệ (88). Những điều kiện sống không phù hợp với phẩm giá con người đầu độc xã hội loài người và xúc phạm nặng nề đến Thiên Chúa (27). Hơn nữa, quyền tự do của con người thường bị tê liệt khi một người gặp phải tình trạng nghèo khó cùng cực (31). Sự phát triển kinh tế đôi khi tạo ra việc khinh thường người nghèo (63). Công Đồng mời gọi chúng ta giúp đỡ người nghèo với cả tấm lòng chứ không chỉ đơn thuần bằng những của cải dư thừa của mình (68). Đồng thời, những người quá nghèo đói có quyền có những gì họ cần từ sự giàu có của những người khác (68). Công Đồng lên án cuộc chạy đua vũ trang, là điều và xúc phạm đến người nghèo một cách không thể tha thứ được (81), và đề nghị thành lập một cơ quan chung của toàn thể của Hội Thánh có nhiệm vụ vun trồng cả công lý lẫn tình yêu của Đức Kitô đối với người nghèo (90).

Công Đồng đưa ra một viễn tượng về một trật tự kinh tế xã hội. Viễn tượng này dựa trên nguyên tắc là quyền được chia sẻ đầy đủ của cải trần thế thuộc về tất cả mọi người (68). Dựa trên nguyên tắc này, Công Đồng khẳng định rằng mọi người đều có quyền làm việc và có nhiệm vụ phải làm việc một cách trung thành (67), và tiền lương phải được trả sao để người làm việc và những người lệ thuộc vào họ có thể sống một cuộc sống xứng đáng (67). Người lao

động có quyền thành lập và tham gia công đoàn mà không sợ bị trả thù (68). Tranh chấp nên được giải quyết bằng thương lượng, nhưng nếu cần thiết thì bởi đình công (68).

Quyền sở hữu là một phần của tự do của con người, và phải khuyến khích việc có quyền sở hữu, trong khi quan tâm đến công ích (70). Mọi người tham gia trong một doanh nghiệp kinh tế nên chia sẻ trách nhiệm quản lý và lợi nhuận (68). Trong những dịch vụ quốc tế, mọi quốc gia đều phải tích cực đóng góp vào việc phát triển kinh tế, và có càng nhiều người thuộc mọi tầng lớp tham gia vào càng tốt. (65).

Không thể bỏ mặc việc phát triển kinh tế cho tiến trình tự động của hoạt động kinh tế hoặc cho một mình chính quyền. (65). Đặc biệt là phải chú ý đến nông dân, những người di cư, những người bệnh tật và những người lớn tuổi (66). Mọi sự kỳ thị dựa trên tình trạng xã hội đều trái với ý định của Thiên Chúa và phải được khắc phục và loại trừ (29). Trong lĩnh vực kinh tế cần phải có nhiều hợp tác quốc tế hơn (84). Nền kinh tế quốc tế đòi hỏi phải chấm dứt việc trục lợi, tham vọng quốc gia, tham muốn ưu thế chính trị, quân phiệt, và tuyên truyền ý thức hệ (85).

4) Đòi sống chính trị. Cộng đồng chính trị tồn tại vì công ích, tức là tổng số những điều kiện xã hội mà trong đó con người đạt được sự hoàn hảo của họ (74). Công Đồng hoan nghênh sự kiện càng ngày càng có nhiều người trở nên tích cực trong việc chính trị (73), và dạy rằng Hội Thánh không bị ràng buộc vào bất kỳ hệ thống chính trị cụ thể nào (42, 76), và có thể làm việc dưới bất kỳ loại chính phủ nào công nhận các quyền cơ bản của con người, những đòi hỏi của công ích, và quyền tự do của Hội Thánh để thực hiện sứ vụ riêng của mình (42).

Con người phải được tự do lựa chọn hệ thống chính trị và các nhà lãnh đạo của họ (74). Sức mạnh chính trị phải dựa trên tự do cùng ý thức về nghĩa vụ và trách nhiệm. Nó luôn luôn phải được thực hiện trong phạm vi các giới hạn của trật tự luân lý và hướng tới công ích (74). Nó không bao giờ có thể dựa trên các hệ thống độc tài hoặc các phương pháp chuyên chế vi phạm quyền làm người (75). Các hệ thống chính trị không được phép cản trở tự do dân sự hay tôn giáo, nạn nhân hóa dân chúng qua việc tham nhũng và những tội ác chính trị, hoặc phục vụ lợi ích phe nhóm (73). Mọi người đều có quyền bảo vệ nhân quyền để khỏi bị lạm dụng bởi cơ quan công quyền (74).

Công dân và chính phủ phải có trách nhiệm với nhau là điều phải được thực thi vì công ích. Mọi người có quyền và nghĩa vụ sử dụng lá phiếu của mình để đẩy mạnh công ích. Các đảng phái chính trị không bao giờ có thể đặt quyền lợi của họ lên trên công ích (75). Chúng ta phải tôn trọng và yêu thương những người suy nghĩ hoặc hành động khác với chúng ta trong những vấn đề chính trị (28).

5) Hòa bình. Hòa bình là một việc làm của công lý và hoa quả của đức ái: nó không chỉ đơn thuần là sự vắng mặt của chiến tranh, hoặc việc duy trì một sự cân bằng quyền lực, hoặc sự yên ổn thực thi bởi chế độ độc tài (78). Nó phải được phát sinh từ sự tin tưởng lẫn nhau giữa các quốc gia và không bị áp đặt vì sợ các loại vũ khí có sẵn (82). Sự khác biệt quá mức về kinh tế và xã hội giữa những người hoặc nhóm người làm tổn thương nền hòa bình xã hội và quốc tế (29), và việc xây dựng hòa bình liên quan đến việc nỗ lực tận gốc nguyên nhân gây ra bất hòa, đặc biệt là bất công (83).

Chính phủ có quyền phòng vệ chính đáng khi đã tận dụng hết các biện pháp giải quyết ôn hòa. Nhưng mưu toan đặt ách đô hộ trên các quốc gia khác lại là việc khác. Đối với những ai phục vụ tổ quốc trong quân ngũ, họ cũng phải coi mình như những người đem lại an ninh và tự do cho các dân tộc. Những người chống chiến tranh vì lương tâm cũng cần phải được bảo vệ. Không ai được tuân theo những mệnh lệnh vô luân, như lệnh tiêu diệt một chủng tộc bằng bất cứ lý do hay phương pháp nào (79).

Những hoàn cảnh mới về chiến tranh buộc chúng ta phải lượng giá chiến tranh bằng một thái độ hoàn toàn mới (80). Trong việc lượng giá của mình về chiến tranh, Công Đồng tuyên bố rằng bất kỳ hành động chiến tranh nào nhằm tiêu diệt bừa bãi cả một thành phố hay những vùng rộng lớn cùng với dân cư ở đó là một tội ác chống lại Thiên Chúa và chính con người, phải bị cực lực lên án (80). Công Đồng dạy rằng cuộc chạy đua vũ trang không phải là một cách an toàn để duy trì hòa bình, mà còn có thể làm cho những nguyên nhân của chiến tranh thêm trầm trọng. Nó là một tai họa hết sức trầm trọng cho nhân loại và xúc phạm đến người nghèo một cách không thể tha thứ được. (81). Nên tất cả cần phải cố gắng chặn đứng cuộc

chạy đua vũ trang. Muốn cho sự tài giảm binh bị thực sự bắt đầu, thì việc tài giảm này không phải là việc làm đơn phương, nhưng phải được cả đôi bên thỏa thuận với những bảo đảm thực sự và hữu hiệu (82). Bao lâu những tâm tình thù hận, khinh thị và nghi kỵ,... cũng như những ý thức hệ ngoan cố vẫn còn chia rẽ và đối nghịch con người với nhau, thì các nhà lãnh đạo quốc gia có cố công xây dựng hòa bình cũng vẫn vô ích (82). Tất cả chúng ta đều có bổn phận thay đổi tâm hồn, mở rộng nhãn quan trên toàn thế giới và trên những nhiệm vụ mà chúng ta có thể cùng nhau đảm nhận để làm cho nhân loại tiến triển tốt đẹp hơn (82).

Vai Trò Trọng Tâm của Đức Kitô

Hiến Chế Mục Vụ về Hội Thánh *Gaudium et spes* nhiều lần trở về với Đức Kitô, bởi vì, theo Công Đồng thì Thiên Chúa ban cho chúng ta một câu trả lời đầy đủ cho những thắc mắc của con người trong Đức Kitô, do đó, bất cứ ai đi theo Đức Kitô đều trở nên người hoàn hảo hơn (41). Đức Kitô là mẫu mực và người dẫn đường cho tất cả những ai tìm kiếm công bằng xã hội. Người là con người hoàn hảo và cho chúng ta một mẫu gương để noi theo (22).

Đức Kitô vào thế gian để cứu chuộc chứ không để lên án, để phục vụ chứ không để được phục vụ (3). Đức Kitô nhờ Thánh Linh có thể ban cho chúng ta ánh sáng và sức mạnh để đáp lại thiên chức cao cả của mình (10). Chúa Cha muốn mọi người nhận biết Đức Kitô như anh của mình cùng yêu mến Người bằng lời nói và hành động (93). Hôn nhân là một phản ảnh của giao ước yêu thương giữa Đức Kitô với Hội Thánh, tỏ lộ cho tất cả mọi người sự hiện diện sống động của Đức Kitô trong thế gian (48).

Công Đồng đặt nền tảng cho quan điểm hy vọng của mình trên hành vi cứu độ của Đức Kitô. Đức Kitô đã giành được chiến thắng cho nhân loại khi Người sống lại, vì qua cái chết, Người đã giải thoát chúng ta khỏi sự chết (18). Mọi người đều bình đẳng vì họ đã được cứu chuộc bởi Đức Kitô (29). Mọi hoạt động của con người bị đe dọa bởi tội kiêu ngạo và phải được thanh lọc bằng quyền năng của Thánh Giá và sự hoạt động trong tâm hồn con người qua quyền năng của Chúa Thánh Thần (38).

Chính Đức Kitô cũng là nguyên nhân của công lý và hòa bình mà chúng ta đang tìm kiếm. Người là tác giả của hòa bình, là Hoàng Tử Hòa Bình hòa giải tất cả mọi người với Thiên Chúa (78). Trong Đức Kitô người ta có thể tìm thấy chìa khóa của tất cả mọi vấn đề của nhân loại (10). Người là mục đích của lịch sử, là trọng tâm của những khát vọng của lịch sử và của nền văn minh, trung tâm của loài người, niềm vui của mọi tâm hồn, và câu trả lời cho tất cả những khao khát của họ (45). Chỉ trong Đức Kitô, mâu nhiệm của con người có thể được soi sáng (22). Người đã đi vào lịch sử thế giới, đảm nhận và thấu kết lịch sử ấy nơi Người. Người giải thoát tất cả, để sau khi từ bỏ lòng vị kỷ và tập trung mọi năng lực trần thế cho cuộc sống con người, tất cả hướng về ngày mai, ngày mà nhân loại trở nên của lễ đẹp lòng Thiên Chúa. (38).

Kết Luận

Những điều mà Thánh Công Đồng đề nghị được rút ra từ kho tàng giáo lý của Hội Thánh. Mục đích là giúp mọi người thời nay nhận thức rõ ràng hơn thiên chức toàn diện của mình (91). Với sứ mệnh đem sứ điệp Tin Mừng soi chiếu cả thế giới và quy tụ trong một Chúa Thánh Thần tất cả mọi người thuộc mọi quốc gia, chủng tộc hay văn hóa, Hội Thánh trở thành dấu chứng của tình huynh đệ, một mối tình tạo điều kiện và cổ võ một cuộc đối thoại chân thành. Trước hết, chúng ta cần cố võ ngay trong lòng Hội Thánh sự quý mến, tôn trọng và hòa thuận với nhau bằng việc chấp nhận mọi dị biệt chính đáng. Đồng thời hướng đến những Kitô hữu ngoài Công Giáo trong tinh đối thoại bác ái và hợp tác huynh đệ, rồi đến tất cả những ai nhìn nhận Thiên Chúa và bảo tồn các yếu tố tôn giáo và nhân bản quý giá trong truyền thống riêng của họ. Vì Thiên Chúa Cha là nguyên lý và cùng đích mọi sự, nên tất cả chúng ta đều được kêu gọi làm anh em với nhau (92). Người Kitô hữu không thể tha thiết mong ước gì hơn là luôn được phục vụ con người trong thế giới ngày nay cách quảng đại và hữu hiệu hơn. Như vậy, chúng ta làm nhân chứng cho Chân Lý và truyền thông cho kẻ khác mâu nhiệm tình yêu của Cha trên trời. Nhờ đó, mọi người sẽ thấy nảy sinh một niềm hy vọng mãnh liệt, là ân huệ của Chúa Thánh

Thần, để sau cùng được hưởng hòa bình và hạnh phúc tuyệt vời trong quê hương rạng ngời vinh quang Chúa (93).

Phaolô Phạm Xuân Khôi viết theo GS Gerald Darring và bản dịch của GHHV Piô X
<http://giaoly.org/vn/>

VỀ MỤC LỤC

Tường thường cho sự khổ chế

Lm. Minh Anh chuyển ngữ

Nguyên tác: Taking Flight - Bay Lên Đi

Tác giả: Anthony de Mello, S.J.

Chỉ dẫn:

Tốt nhất, các câu chuyện sẽ được đọc theo thứ tự như đã sắp xếp. Mỗi lần đọc không quá một hoặc hai mẫu chuyện nếu bạn ước ao có được một cái gì đó hơn là chỉ giải trí.

Lưu ý:

Các chuyện kể trong tập sách này đến từ nhiều đất nước, nhiều nền văn hoá và tôn giáo khác nhau; chúng thuộc về những di sản thiêng liêng, những câu chuyện hài hước được ưa chuộng của dòng đời nhân loại.

Những gì tác giả làm là xâu kết chúng lại với nhau theo một ý hướng đặc thù. Công việc của tác giả là công việc của người thợ dệt và thợ nhuộm, tác giả chẳng có công trạng gì về những tấm vải và những sợi chỉ.

LTS. Chỉ dẫn và lưu ý trên đây là của tác giả. Tuy nhiên, vì Đạc San GSVN chỉ phát hành 2 tuần một lần nên mỗi số báo BBT xin giới thiệu trung bình từ 5 đến 7 mẫu chuyện. Bạn đọc có thể lưu lại để nghiền ngẫm suy tư.

Chủ đề : Các “Thánh”

145. Tường thường cho sự khổ chế

Có một người theo phái khắc kỷ sống đời độc thân tạo cho mình sứ mạng chiến đấu chống lại tính dục trong bản thân và trong người khác.

Lúc ông chết, đồ đệ của ông, người không thể chịu được sự mất mát cũng chết không lâu sau đó. Khi đến bên kia thế giới, anh không tin những gì mình thấy. Anh thấy thầy kính yêu của anh ở đó với một phụ nữ cực kỳ xinh đẹp ngồi trên đùi.

Cảm giác sốc của anh giảm xuống khi nhận ra thầy mình được tường thường vì biết kìm hãm dục vọng lúc còn trên trần gian. Anh đi thẳng về phía thầy và nói, “Thưa thầy quý mến, bây giờ con biết rằng Thiên Chúa là Đấng công minh, vì thầy được tường thường trên trời cho sự khổ chế của thầy dưới đất”.

Thầy có vẻ bực bội. “Ngớ ngẩn!”, ông quát, “đây không phải là thiên đàng và ta đâu có được thưởng cái gì – con mục này cũng bị trừng phạt như ta thôi!”.

Khi đôi giày vừa vện, bàn chân bị lãng quên;

khi thất lưng sít sao, không ai nhớ đến bụng;
khi mọi sự hài hòa, cái tôi không còn được nhớ đến.
Vậy, sự khổ chế của anh có ích gì?

﷧

146. Linh mục và phụ nữ

Người ta thường thấy vị linh mục địa phương nói chuyện với một phụ nữ nhan sắc có tiếng xấu - và ở chỗ công cộng nữa - tạo nên gương xấu trong cộng đoàn.

Ngài bị giám mục gọi về để nhắc nhở. Sau khi được nhắc nhở, linh mục thưa, “Thưa Đức Cha, con luôn cho rằng, nói chuyện với một phụ nữ đẹp mà tâm trí mình hướng về Chúa thì tốt hơn cầu nguyện với Chúa mà tâm trí hướng về một phụ nữ đẹp”.

Khi thầy tu vào quán, quán trở nên nhà tu. Khi bợm nhậu vào nhà tu, nhà tu trở nên quán.

﷧

147. Nước luộc đậu

Động đất xảy ra trong thành và vị Thầy vui mừng thấy các đồ đệ đã ấn tượng biết bao trước lòng can đảm của ông.

Vài ngày sau, khi được đồ đệ hỏi sự khuất phục sợ hãi có ý nghĩa gì, Thầy gọi lại cho họ mẫu gương của mình, “Các con không quan sát trong khi mọi người chạy tán loạn thì thầy vẫn ngồi điềm tĩnh uống trà sao? Không ai trong các con thấy tay ta run khi ta cầm ly sao?”.

“Dạ không”, một môn đệ thưa. “Nhưng thưa ngài, ngài không uống trà mà uống nước luộc đậu”.

﷧

148. Chạy trốn hư ảo

Ngày kia Nisterus Cả, một trong những Thánh Giáo Phụ của Sa mạc Ai cập, đi vào sa mạc với một số đông môn đệ, những người tôn thờ ông như người của Thiên Chúa.

Đột nhiên, một con rồng xuất hiện trước mặt họ và tất cả bỏ chạy.

Nhiều năm sau, khi Nisterus hấp hối, một trong các môn đệ thưa với ông, “Thưa Cha, Cha cũng sợ vào cái ngày chúng ta thấy con rồng phải không?”.

“Không”, ông ngoi ngóp đáp.

“Thế tại sao Cha bỏ chạy với chúng con?”.

“Ta nghĩ tốt hơn nên chạy trốn con rồng, để sau này khỏi chạy trốn những gì hư ảo”.

﷧

149. Thầy thuốc Longinus

Khi sa mạc Ai Cập trở nên nhà ở của các Thánh Giáo Phụ sa mạc, thì một phụ nữ ung thư ngược đi tìm một trong các ngài, một Abba Longinus nào đó, một người có tiếng thánh thiện và là một thầy thuốc.

Khi người phụ nữ đi dọc theo bờ biển, bà tình cờ gặp chính Longinus đang lượm củi, và nói “Thưa Thánh Giáo Phụ, xin nói cho con hay nơi ở của người tôi tớ Thiên Chúa có tên là Abba Longinus?”.

Longinus đáp, “Tại sao bà tìm đến tên lừa đảo già nua đó? Đừng đi gặp ông ta, vì ông chỉ làm hại cho bà thôi. Bà có vấn đề gì?”.

Bà trình bày cho ông vấn đề của mình. Vì thế, ông chúc lành cho bà, và bảo bà về, ông nói, “Bây giờ bà hãy đi, chắc chắn Chúa sẽ làm cho bà khoẻ trở lại. Longinus sẽ không giúp được gì cho bà đâu”.

Vì thế người đàn bà bỏ đi, đoán chắc mình sẽ được chữa lành - điều mà bà hoàn toàn không nhận ra trước khi năm cùng tháng tận - bà chết nhiều năm sau đó, bà không biết chính Longinus đã chữa lành bà.

ک

150. Phép lạ và những giá trị tinh thần

Lần kia, có người đến với một môn đệ của phái thần nghiệm Hồi Giáo Bahaudin Naqshband và nói, “Xin nói cho tôi biết tại sao Thầy của anh che giấu những phép lạ của ông. Bản thân tôi đã thu thập các dữ kiện cho thấy chắc chắn rằng, Thầy hiện diện đồng thời hơn một nơi; Thầy đã chữa lành người ta bằng quyền năng cầu nguyện của Thầy nhưng lại bảo họ rằng đó là công việc của thiên nhiên; rằng mình giúp nhiều người túng bán và rồi quy điều đó cho vận may. Tại sao Thầy anh lại làm thế?”.

“Tôi biết chính xác điều ông đang nói”, người môn đệ đáp, “vì chính tôi đã quan sát những điều này. Và tôi nghĩ tôi có thể giải đáp thắc mắc của ông. Trước tiên, Thầy tránh trở thành trung tâm của sự chú ý. Thứ đến, Thầy tôi đoán chắc, một khi người ta quan tâm đến phép lạ thì họ không muốn học bất cứ điều gì có giá trị tinh thần đích thực nữa”.

ک

151. Đức hạnh trọng hơn mạng sống

Laila và Rama yêu nhau, nhưng vì quá nghèo, họ chưa thể kết hôn được. Họ sống ở hai ngôi làng khác nhau, phân cách bởi một con sông lớn đầy cá sấu.

Ngày kia, nghe tin Rama bị bệnh nguy tử, không người chăm sóc, Laila lao đến bờ sông van xin người lái đò đưa cô qua sông vì cô không có tiền để trả.

Nhưng tên lái đò lòng dạ đen tối đó từ chối trừ phi cô đồng qua đêm với hắn. Cô gái tội nghiệp nài nỉ van xin nhưng không kết quả, vì thế, trong nỗi tuyệt vọng tột cùng, cô chấp nhận điều kiện của y.

Cuối cùng cô đến với Rama, thấy anh gần chết và cô ở lại với anh một tháng để chăm sóc cho đến khi anh phục hồi. Ngày kia, Rama hỏi cô xoay sở làm sao để qua sông. Không thể che giấu người yêu, cô đành nói sự thật.

Nghe xong câu chuyện, Rama phẫn nộ, vì anh coi đức hạnh trọng hơn mạng sống. Anh đuổi cô ra khỏi nhà và từ chối gặp cô.

ک

VỀ MỤC LỤC

CÁC MỐI TƯƠNG QUAN MỤC VỤ (tiếp theo)

Lm. Micae-Phaolo Trần Minh Huy, pss.

BẢN THẢO

ỨNG SINH LINH MỤC HỌC & SỐNG LINH ĐẠO LINH MỤC GIÁO PHẬN

GIÁO TRÌNH TU ĐỨC LỚP THẦN II & III

ĐẠI CHủng VIỆN THÁNH GIUSE HÀ NỘI

2011-2012

CHƯƠNG HAI

ỨNG SINH LINH MỤC GIÁO PHẬN HỌC VƯỢT LÊN KHỦNG HOẢNG VÀ TÁI ĐỊNH HƯỚNG ĐỜI SỐNG VÀ SỬ VỤ Ơn GỌI LINH MỤC

LINH MỤC GIÁO PHẬN SỐNG SỬ VỤ TRONG CÁC MỐI TƯƠNG QUAN MỤC VỤ (tiếp theo)

19. Tương quan với tôn giáo bạn, nhất là các vị lãnh đạo

19.a Những gì nên cư xử, nói và làm

- Phải tìm hiểu và đẩy mạnh việc gặp gỡ, đối thoại liên tôn để các tôn giáo ngày càng hiểu nhau hơn, cộng tác với nhau hơn vì hạnh phúc của con người.

- Hãy tôn trọng các giá trị văn hoá và tâm linh của các tôn giáo bạn, không bác bỏ những gì là chân thực, thánh thiện nơi các tôn giáo, dù có khác biệt với Đức Tin Công Giáo.

- Sẵn sàng hợp tác với các vị lãnh đạo tôn giáo bạn, nhất là các vị hoạt động trong cùng địa hạt, trong các hoạt động từ thiện, văn hóa, xã hội để loại trừ bất công, áp bức, nghèo khổ và các tệ nạn xã hội đang làm thoái hóa, biến chất con người, đồng thời cổ vũ sự công bằng, công lý, yêu thương, và thăng tiến phẩm giá con người trong mọi tầng lớp xã hội.

- Qua đối thoại, ta có dịp học hỏi và hiểu biết giá trị của các tôn giáo khác, đồng thời cũng nhận ra và chia sẻ, làm cho họ nhận biết Tin Mừng và những giá trị thiêng liêng của Kitô giáo.

- Không gây chia rẽ, không phân biệt đối xử: khuyến học, cứu tế không phân biệt lương giáo hay không tôn giáo, để qua tay, qua môi miệng linh mục, họ cảm nhận được bàn tay ấm áp của Giáo hội Chúa Kitô.

- Luôn có tinh thần cởi mở, đối thoại trong tinh thần liên đới với thái độ kính trọng, yêu thương. Nên có những buổi gặp gỡ, trao đổi, bàn hỏi về các vấn đề mà hai bên cùng quan tâm. Cùng tìm hiểu và đối thoại trong tinh thần hiểu biết lẫn nhau.

- Cố gắng hàn gắn những hiểu lầm và chia rẽ giữa các tôn giáo với nhau. Cần hiểu, cảm thông và tôn trọng những thao thức và tập tục tôn giáo của họ.

19.b Những gì không nên cư xử, nói và làm

- Không đổ kỵ và phân biệt tôn giáo, có thể dẫn đến mất đoàn kết. Nếu nơi giáo dân có sự đổ kỵ thì phải ngăn chặn ngay và phân tích cho họ hiểu được rằng Thiên Chúa muốn mọi người được cứu độ, tuy không cùng tôn giáo nhưng họ cũng thuộc về Nước Thiên Chúa.

- Không quan niệm chỉ có những người trong giáo xứ mới là con chiên của mình, mà phải có trách nhiệm với mọi người chung quanh trong ranh giới mục vụ được trao phó để quan tâm, giúp đỡ họ trong khả năng của mình.

- Không đề cao Kitô giáo thái quá và hạ thấp hay khinh khi các tôn giáo khác, cho rằng chỉ có đạo Công Giáo mới là đạo thật, còn các đạo khác đều là tà đạo. Nhưng cũng tránh thái độ cao bằng, coi tôn giáo nào cũng như tôn giáo nào.

- Không nên có những lời xúc phạm, chê bai những người lãnh đạo trong các tôn giáo bạn, hoặc có thái độ coi thường, thiếu tôn trọng và có những lời kích bác những người anh em đó.

20. Tương quan với lương dân

20.a Những gì nên cư xử, nói và làm

- Kính trọng và thương yêu đồng bào lương dân, phát huy nơi giáo dân tinh thần đối thoại, khuyến khích họ tương thân tương ái và hợp tác với bà con trong mọi lãnh vực đời sống.

- Thỉnh thoảng đích thân lui tới thăm nom, trao đổi và sẵn sàng giúp đỡ họ, vật chất cũng như tinh thần khi cần thiết như dịp lễ tết hay lúc gia đình họ có chuyện vui buồn.

- Phải ý thức cánh đồng truyền giáo là cả thế giới và phải rao giảng Phúc âm bằng một thứ tiếng nói mọi người đều có thể thông hiểu được, đó là bằng chính cuộc sống chứng tá và hành động đùm nhuần Tin Mừng.

- Phải tích cực đưa người chưa có đức tin về đoàn chiên Chúa. Nên sống bác ái hơn với lương dân, nhất là những người đau yếu bệnh tật, già cả neo đơn; thăm hỏi họ trong những dịp lễ tết dân tộc, lễ lớn của Hội Thánh để chia sẻ niềm vui với họ, sống đoàn kết yêu thương như với anh em đồng đạo.

- Phải quan tâm hội nhập văn hoá trong cốt lõi tinh thần chứ không chỉ hình thức bên ngoài, để đồng bào dễ dàng đón nhận Tin Mừng và điều chỉnh các giá trị văn hoá cao quý và phong phú của họ theo Tin Mừng. Mời họ tham dự những buổi lễ lớn của mình.

- Cần có những cuộc gặp gỡ trao đổi với đồng bào; học hỏi và tôn trọng những giá trị truyền thống tốt đẹp của họ và mời họ cộng tác trong các việc bác ái xã hội...

- Khi có tang, cha xứ có thể lãnh đạo hội đoàn đến viếng thăm an ủi, để chia sẻ và cảm thông với họ. Cố gắng xây dựng tình liên đới giữa giáo dân của mình với những người không tôn giáo.

- Luôn đối thoại cởi mở trong sự kính trọng và tin tưởng. Hãy tôn trọng, yêu thương, quan tâm và coi họ như những giáo dân mà mình có bổn phận phải chăm sóc.

- Nên hiện diện và động viên khi họ gặp những thử thách lớn.

20.b Những gì không nên cư xử, nói và làm

- Không sống tách biệt như ốc đảo hay khép kín như pháo đài, mà mở ra với mọi người, không sợ mở cửa cho Chúa Kitô và tha nhân. Phải ý thức về bổn phận truyền giáo của mình để từ đó tìm đến với những tâm hồn đang sống ngoài Giáo hội.

- Không được dửng dưng hay từ chối những người thiện chí tìm biết về Chúa và Giáo hội, họ có quyền được nghe về Tin Mừng cứu độ của Chúa Kitô.

- Không được nhạo báng, xúc phạm nghi lễ và tâm tình tín ngưỡng tôn giáo, cũng như các tập tục dân gian và việc thờ cúng tổ tiên, ông bà của họ.

- Không ngăn cản đồng bào tham dự các ngày lễ lớn của giáo xứ, tham gia các sinh hoạt vui chơi giải trí của giáo xứ, và tham gia sinh hoạt các đoàn thể nếu họ có khả năng.

- Không nên phân biệt đối xử giữa những người công giáo và những người không công giáo. Không nên chỉ làm việc bác ái cho những người công giáo, coi như mình không có bổn phận gì hết, thờ ơ, lãnh đạm trước những đối khổ, bệnh tật... của anh chị em lương dân.

21. Tương quan với giới giàu có

21.a Những gì nên cư xử, nói và làm

- Luôn có thái độ quân bình trong mọi mối tương quan giữa giàu nghèo để tránh tiếng là cha chỉ chơi với người giàu có. Nên giữ mối quan hệ thân thiện nhưng không để bị tiền của lôi kéo: không sẵn tìm đại gia để đại gia coi thường lèo lái...

- Không nên chạy đua với những tiện nghi hiện đại của người giàu: xe hơi đời mới, nhà xứ sang trọng đủ loại máy móc hiện đại, giàn nhạc, thiết bị cao cấp...

- Cần cẩn thận với những giúp đỡ của người giàu (không ai cho không cái gì cả): họ có thể dùng của cải để sai khiến, hoặc mượn uy thế của cha để lũng đoạn, gây ảnh hưởng và lên mặt với người khác. Cần tìm hiểu cách thức làm ăn của họ có gì không ổn về đạo lý và luật pháp không, rồi hãy nhận sự tài trợ của họ.

- Nên gặp gỡ trao đổi, cổ vũ và khơi gợi lòng quảng đại của người giàu, kêu mời họ quảng đại tham gia cộng tác trong việc giúp đỡ những người nghèo khó, mồ côi, goá bụa... bằng việc giúp đỡ vật chất và tạo công ăn việc làm, đỡ đầu cho các đoàn hội công giáo tiến hành trong giáo xứ, tham gia hội khuyến học...

21.b Những gì không nên cư xử, nói và làm

- Không phân biệt và đối xử quá cách biệt giữa giàu nghèo: quá tôn trọng, lệ thuộc, và đề cao người giàu, trong khi quá quan liêu hạc sách đối với người nghèo. Không nên lui tới, quan tâm và quy lụy thái quá người giàu có, kéo bị người đời hiểu lầm và người nghèo buồn tủi, bị xúc phạm.

- Không nên chung vốn làm ăn kinh tế với người giàu, rồi vì tiền và vị nể mà nhẹ tay trong việc áp dụng luật Chúa và luật Hội Thánh đối với họ.

- Không nên đề cao người giàu quá đáng và công khai, dành cho họ quá nhiều ưu tiên, thiên vị trong các dịp lễ lạy, chỉ vì những đóng góp của họ, khiến họ tự phụ kiêu căng ý của và người nghèo phải tủi thân.

- Không quá năng viếng thăm người giàu có, trong khi đó lại không bao giờ thăm những người nghèo bên cạnh, kéo người nghèo nói rằng: “cha chỉ chơi với người giàu, cha tham tiền.v.v.”

- Không quy lụy đối với những người giàu có. Không nên gần gũi quá với người giàu mà xa cách người nghèo. Không nên để người giàu ảnh hưởng tới việc mục vụ của mình.

22. Tương quan với giới nghèo

22.a Những gì nên cư xử, nói và làm

- Để gần gũi với người nghèo, linh mục cần phải ăn mặc giản dị, sống giản dị để qua đó phản ánh một giá trị Tin Mừng: tự nguyện sống khó nghèo để theo sát Chúa Kitô trong mọi lãnh vực (nhà ở, phương tiện đi lại, nghỉ ngơi...), hầu để gần gũi với đoàn chiên.

- Noi gương Chúa Kitô vốn giàu có đã tự trở nên nghèo khó vì chúng ta, dành cho người nghèo những chăm sóc tế nhị của đức ái mục tử; khiêm tốn đứng về phía người nghèo, người bên lề xã hội, người bị áp bức; sẵn lòng lắng nghe họ để linh mục thực sự là dấu chỉ của tình yêu Thiên Chúa đối với họ.

- Thương yêu người nghèo khó, túng bần, thấp cổ bé miệng, sa cơ lỡ vận... nhưng đừng khinh rẻ vất của bố thí, mà hãy cung kính đặt vào tay họ: cách cho hơn của cho.

- Đừng rẻ rúng người nghèo, người lao động: vồn vã chào đón người giàu có mà chẳng thèm chào hỏi họ. Trái lại, phải thực sự hướng về người nghèo và người thiếu thốn, động viên

giáo xứ dẫn thân nâng đỡ người nghèo; nhận ra hình ảnh Chúa Kitô nơi người nghèo và lắng nghe tiếng kêu của ngài qua tiếng kêu của họ.

- Đặc biệt quan tâm thăm hỏi người nghèo trong những dịp lễ tết, giúp đỡ vật chất cũng như tinh thần để họ được an ủi nâng đỡ và hoà mình với cộng đồng.

- Thông cảm chia sẻ và nâng đỡ hoàn cảnh sống của những người nghèo, nhất là điều kiện kinh tế nuôi dạy con cái. Kêu gọi cộng đoàn giáo xứ và những người giàu có chia sẻ gánh nặng cuộc sống và việc học hành của con cái với họ, nhưng luôn tôn trọng quyền lợi và nghĩa vụ của người nghèo trong sinh hoạt giáo xứ.

- Hò hào mọi người dẫn thân nâng đỡ người nghèo, các trẻ mồ côi, những người goá bụa..., nhằm giúp cho họ biết tự giúp mình, để họ có thể làm việc nhằm thăng tiến tình trạng của họ: “Cho một người một con cá, người đó chỉ ăn được một bữa; cho một cần câu và dạy y biết câu cá, người đó ăn được cả đời.”

- Phải biết lắng nghe tiếng nói của người nghèo, bênh vực người nghèo, biết cảm thông và chia sẻ, thực sự cởi mở khi đối thoại, tỏ ra là dấu chỉ chữa lành của tình yêu Thiên Chúa đối với họ: sống vì người nghèo, cho người nghèo và với người nghèo “cả trong lời nói và việc làm.”

- Phải nhận ra hình ảnh Chúa Kitô, tiếng nói của Chúa Kitô qua những người nghèo, người bệnh tật, người tội lỗi và kể cả người không tin.

- Ân cần đón tiếp người nghèo khó, sẵn sàng lắng nghe nhu cầu của những người nghèo, những người bên lề xã hội. Nếu được, nên tổ chức các lớp dạy nghề trong giáo xứ.

- Yêu thương những người già cả bệnh tật, người nghèo khó, các trẻ mồ côi, những người goá bụa bằng những việc cụ thể.

- Nên thăm viếng những người nghèo trong xứ, vì đó là nguồn động viên lớn cho họ trong cuộc sống. Nên dẫn thân vào nhiều hình thức khác nhau trong công việc nâng đỡ người nghèo: thăm hỏi, động viên, giúp đỡ họ vật chất, tinh thần, và công ăn việc làm.

22.b Những gì không nên cư xử, nói và làm

- Không được quên bổn phận và trách nhiệm Chúa giao chăm sóc từng con chiên, nhất là những chiên nghèo, chiên lạc.

- Không phân biệt đối xử: người giàu được kính trọng và nâng lui tới, có việc họ mời rất dễ; còn người nghèo bị coi khinh, chẳng mấy khi lui tới, có việc mời rất khó, thì làm sao biết được hoàn cảnh thiếu thốn của họ!

- Khi đối thoại với người nghèo và người giàu, không thiên quá về người giàu, khinh rẻ những người đói rách. Họ sẽ cảm thấy bị rẻ rúng khi thấy linh mục thật vui vẻ với người giàu có, nhưng lại nhăn nhó với người nghèo.

- Đừng quên rằng người nghèo chỉ thiếu thốn vật chất (cơm không đủ ăn, áo mặc không đủ ấm, thiếu tiền cho con đi học, thiếu thuốc men khi bệnh tật...), mà còn nghèo tinh thần và thiêng liêng.

- Không dùng những đồ quá sang trọng, làm cho người nghèo hèn không dám lui tới. Không bao giờ làm cho người nghèo sợ không dám đến gặp gỡ cha xứ để trình bày, đối thoại khi họ có nhu cầu. Không nên có những lời nói cộc cằn thô lỗ, so sánh, kéo người nghèo cảm thấy tủi thân và mặc cảm.

- Không chê của dâng của người nghèo khó, cho dù không thích hay chẳng đáng là bao, nhưng nó tượng trưng tất cả tấm lòng và sự lao công cực nhọc của họ.

CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG ĐỊA TRUNG HẢI.

Ngày 25 tháng 2, 2013 vừa qua, tạp chí y học New England Journal of Medicine đã phổ biến kết quả một nghiên cứu xác nhận giá trị phòng bệnh tim mạch của chế độ dinh dưỡng Địa Trung Hải.

Thực ra từ nhiều thập niên vừa qua, chế độ này vẫn được coi là có nhiều ích lợi cho sức khỏe nhưng chưa được chứng minh bằng khoa học thực nghiệm.

Nghiên cứu kéo dài trong 5 năm với 7400 người có rủi ro bệnh tim mạch như mập, cao huyết áp, hút thuốc là, cao cholesterol tham dự cho hay một chế độ dinh dưỡng nhiều trái cây, rau, các loại hạt và dầu olive có thể giảm rủi ro stroke và các bệnh tim mạch khác tới 30%.

Trước kết quả này, bác sĩ chuyên bệnh tim mạch Rita Redberg, California đưa ra nhận xét: “Nghiên cứu này hỗ trợ các hiểu biết của chúng ta về khoa học và kết quả của nghiên cứu thật ngoạn mục. Một trong những lợi điểm của chế độ dinh dưỡng Địa TRung Hải là mọi người có thể áp dụng suốt đời chứ không phải chỉ trong vài tháng”.

Xin cùng tìm hiểu chế độ dinh dưỡng này.

Trong lãnh vực dinh dưỡng, “Mediterranean Diet” được dùng để chỉ tập quán ăn uống lâu đời của dân chúng tại một số quốc gia dọc ven biển Địa Trung Hải. Nói chung, thực đơn trong chế độ ăn uống này gồm phần lớn là rau cải, trái cây và đặc biệt là dầu olive.

Nhiều quan sát cho thấy là dân chúng ở ven biển Địa Trung Hải ít bị bệnh tim mạch hơn dân chúng ở các nơi khác. Sự kiện này khiến người ta tìm hiểu chế độ ăn uống truyền thống của họ.

Trọng tâm của thực đơn này là nhẹ về thịt, nặng về rau trái nhưng không nhẹ về chất béo. Tuy nhiên chất béo được sử dụng thường xuyên là dầu của quả olive. Đây là điểm khác biệt giữa chế độ Địa Trung Hải với chế độ ăn uống được khuyến khích ở phương Tây, trong đó các chất béo, kể cả dầu olive, đều được khuyên là nên hạn chế tối đa.

Ngoài tác dụng tốt đối với các bệnh tim mạch, chế độ Địa Trung Hải còn có khả năng ngăn chặn ung thư nữa. Theo tài liệu của Mayo Clinic, chế độ này còn giảm rủi ro bệnh Parkinson và Alzheimer.

Tạp chí Health, số tháng 9 năm 1998, công bố kết quả của một cuộc khảo cứu ở viện Đại Học Sainte - Etienne (Pháp) với đối tượng nghiên cứu gồm 605 người cả nam lẫn nữ, từng bị bệnh tim. Họ được chia làm hai nhóm với chế độ ăn uống theo hai thực đơn khác nhau. Nhóm thứ nhất ăn theo thực đơn phổ biến ở Tây phương với nhiều thịt và bơ được chấp nhận. Nhóm thứ hai ăn theo thực đơn của chế độ Địa Trung Hải, với nhiều trái cây, rau cải, ngũ cốc, đậu, cá, dầu oliu và bơ thực vật làm bằng dầu canola.

Sau 4 năm, nhóm thứ nhất, có 17 người bị ung thư, trong khi nhóm thứ hai chỉ có 2 trường hợp ung thư.

Theo Hội Tim Hoa Kỳ, dinh dưỡng Địa Trung Hải cũng tương tự như chế độ mà Hội này đề nghị. Nếu có khác chỉ là sự hơi quá nhiều calori trong chế độ Địa Trung Hải, với hậu quả là nạn mập phì bắt đầu xuất hiện và dân chúng bắt đầu e ngại. Tuần báo US News & World Report xếp giá trị chế độ này đứng hàng thứ hai, sau DASH (Dietary Approaches to Stop

Hypertension) của Hội Tim Hoa Kỳ, trong mục đích giảm cao huyết áp, mập phì. Năm 2010, Cơ quan Văn Hóa Thế giới UNESCO cũng ca ngợi chế độ dinh dưỡng này.

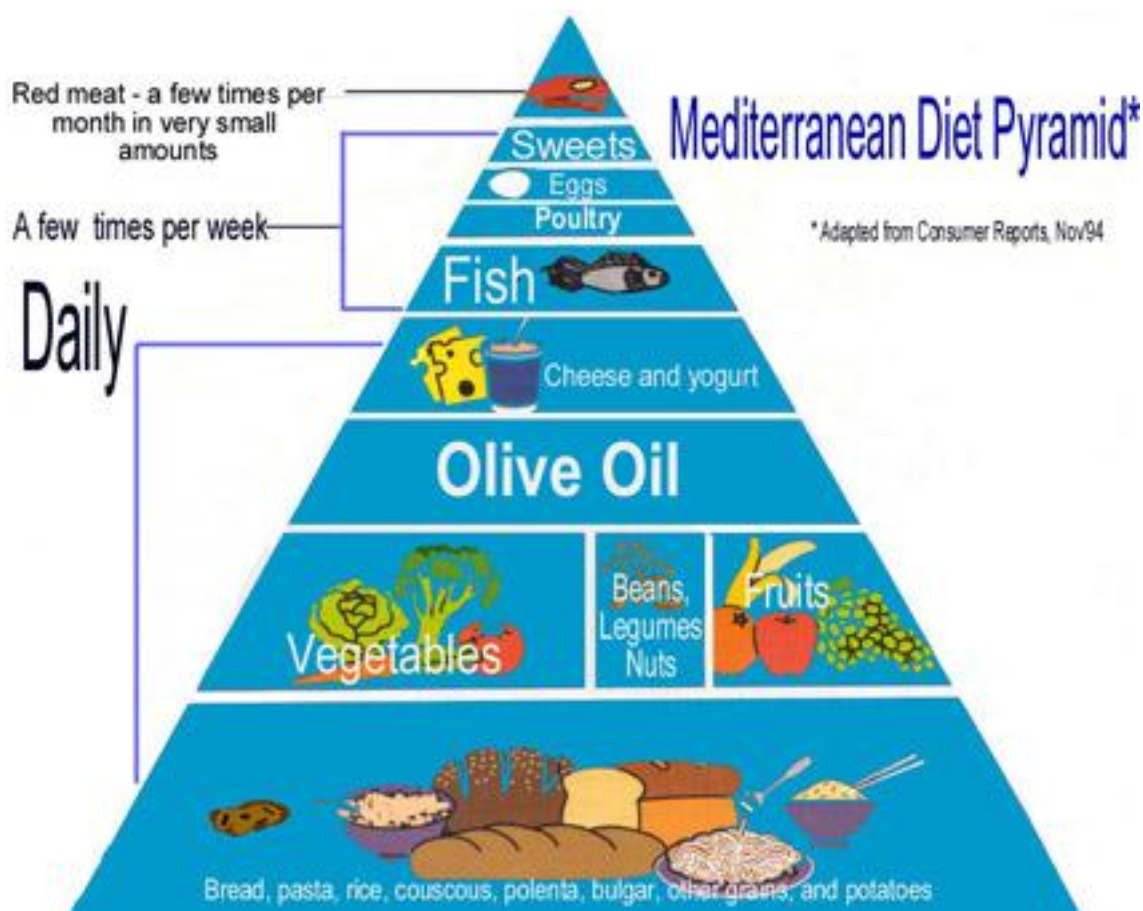
Năm 1994, do sự hợp tác giữa Phân Khoa Sức Khỏe Công Cộng của Đại Học Harvard, tổ chức Oldways Preservation & Exchange Trust (chuyên duy trì các lối ăn uống cổ truyền) và tổ chức Y Tế Thế Giới, một tháp dinh dưỡng về chế độ ăn uống lành mạnh, cổ truyền Địa Trung Hải được phác họa. Chế độ ăn uống này dựa trên tập quán lâu đời của dân chúng ở miền Nam nước Pháp, một phần nước Ý, đảo Crete và Hy Lạp.

Theo chế độ này, không phải tất cả chất béo đều bị coi là xấu. Thực vậy, trọng tâm việc chọn lựa không phải là loại bỏ một chất nào, mà phải chọn lựa một cách khôn ngoan loại chất béo nào nên dùng. Ở đây, hầu hết các chất béo trong thực đơn đều là đơn bất bão hòa có trong dầu olive, và acid béo omega-3.

Omega-3 có nhiều trong mỡ cá thu, cá hồi ... và trong một vài loại hạt. Chất béo này có tác dụng làm giảm hàm lượng triglycerides trong máu, chống viêm, điều hòa nhịp tim... Còn chất béo dạng đơn bất bão hòa trong dầu olive có thể làm giảm cholesterol và LDL trong máu, giảm cao huyết áp, chống máu đông cục, ngăn ngừa sự oxy hóa LDL, tăng nhạy cảm của cơ thể với insulin.

Ngoài chất đạm, carbohydrat và chất béo, các loại hạt có vỏ cứng còn có nhiều chất xơ, sinh tố E, folic acid, potassium, magnesium, nhưng không có cholesterol.

Trong dinh dưỡng Địa Trung Hải, các loại hạt được xếp chung với rau, trái cây, đậu. Các loại hạt này làm giảm nguy cơ gây ra bệnh tim bằng cách giảm lượng cholesterol và LDL trong máu.



Trong chế độ ăn uống này, phó mát, sữa chua đều ít được dùng tới, cá và gà còn ít hơn, và thịt chỉ “năm thì mười họa” mới được ăn.

Rượu vang được dùng điều độ. Đàn ông mỗi ngày uống khoảng 300ml, đàn bà dùng một nửa số lượng rượu đó. Với mức độ này, rượu vang được tin là có thể giảm nguy cơ bệnh tim.

Rượu vang đỏ có nhiều flavonoids, là chất ngăn sự oxy hóa LDL.

Rượu vừa phải làm tăng HDL, chống tiểu cầu dính với nhau, giống như tác dụng của aspirin, có thể giảm nguy cơ tiểu đường. Tuy nhiên, đang có bệnh tim hoặc thiên đầu thống migraine, không nên uống.

Điều cần lưu ý là sự thường xuyên vận động cơ thể phải đi đôi với chế độ ăn uống này.
Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

www.bsnguyenyduc.com

VỀ MỤC LỤC

BẢO VỆ HÔN NHÂN

Nguyễn Tiến Cảnh, MD

Gia đình là cột trụ của xã hội thì hôn nhân là cột trụ của gia đình và dĩ nhiên cũng là cột trụ của xã hội và quốc gia, vì không có hôn nhân, không thể có gia đình. Muốn bảo vệ xã hội và quốc gia thì phải bảo vệ hôn nhân. Chắc những vị lớn tuổi còn nhớ những bài học giáo khoa thư tiểu học hồi còn ở quê nhà nói về cảnh gia đình đầm ấm. Thật là êm đềm và thân thương biết bao cứ mỗi buổi tối, khi cả nhà đã ăn cơm tối xong, mọi người đều quây quần bên nhau. Cha đọc báo, các con ê a học bài, mẹ ngồi khâu vá, đám nhỏ không có gì làm thì xúm nhau quanh bà nội nghe kể chuyện cổ tích....

Bây giờ đời sống con người văn minh hơn, cuộc sống cũng đổi thay, quang cảnh sinh hoạt gia đình cũng khác đi. Nhưng căn bản vẫn là vợ chồng con cái sống chung dưới một mái nhà, thương yêu nhau, giúp đỡ nhau. Đó là truyền thống của sinh hoạt xã hội con người. Từ Đông qua Tây, từ Nam chí Bắc, đâu đâu con người cũng vẫn quý trọng gia đình. Muốn có gia đình phải qua ngã hôn nhân.

Người Hoa Kỳ tôn trọng hôn nhân. Việt Nam chúng ta không những tôn trọng mà còn quý mến và thương yêu hôn nhân nữa.

Đó là mặt tình cảm, nhưng về lý trí, chúng ta có thể nói, tôn trọng hôn nhân, không phải vì những qui định sẵn có của một xã hội dân sự, mà vì nó là nền tảng vững chắc của mọi nền văn minh nhân loại. Vì vậy trên thế giới và ở Hoa Kỳ hầu hết các tiểu bang và cả Liên Bang đều chấp nhận hôn nhân là sự phối kết giữa một người Nam và một người Nữ.

Nhưng luật ấy hiện vẫn chưa đi đến chung cuộc, còn phải chờ Tối Cao Pháp Viện nghe hai bên tranh luận về luật bảo vệ hôn nhân của liên bang và đề nghị số 8 của California[1]. Nếu Tối Cao Pháp Viện đồng ý thì Tòa sẽ chấp nhận những luật này và tôn trọng quyền lập pháp của công dân, sẽ trao cho những vị dân cử để làm ra những nguyên tắc và điều lệ của luật hôn nhân. Đến đây, thiết nghĩ câu chuyện có cần phải mang ra tòa xét xử hay không?

MỌI NGƯỜI ĐỀU BÌNH ĐẲNG VÀ TỰ DO

Tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và các quyền dân sự như quyền tự do phát biểu, tự do tôn giáo, tự do lập hội và tất cả các tự do dân sự truyền thống khác cũng được bảo vệ một cách đồng đều. Câu hỏi ở đây là có nên đặt ra “một quyền dân sự mới” như quyền để cho chính phủ và người dân chấp nhận sự kết hợp của những người đồng tính luyến ái để tái định nghĩa hôn nhân hay không.

Nhưng xác nhận việc yêu đương của chúng ta lại không phải là công việc của chính phủ hay nhà nước. Trái lại, nhà nước để cho mình được tự do sống và tự do yêu, và coi đó là một chọn lựa của riêng mình.

Ngược lại, một số người nói là không có chuyện phản đối hôn nhân đồng tính, vì nó chẳng có gì là lỗi luật cả. Nhiều nơi tại 50 tiểu bang, hai người cùng phái có thể đồng ý sống chung với nhau, chọn một cộng đồng tôn giáo chúc lành cho tình liên kết của họ và chọn nơi làm việc cho phép hai người khai lợi tức chung.

Vấn đề là, chính phủ có công nhận sự kết hợp đó như là hôn nhân không, và buộc mọi công dân, các cơ sở tôn giáo và thương mại cũng phải làm như vậy. Thế rồi, những nguyên tắc và điều lệ của nó cũng sẽ áp đặt lên những người khác và buộc họ phải công nhận, đồng ý sự phối hợp đồng phái như là một hôn nhân hay sao!

Bình đẳng không có nghĩa là có quyền đòi hỏi phải “tái định nghĩa” hôn nhân. Mỗi hôn nhân đều có những nguyên tắc của nó, nói lên một số qui định cho cái tình liên đới ấy. Thực ra danh hiệu “bình đẳng hôn nhân” chỉ là một khẩu hiệu của những nhà hoạt động đồng tính luyến ái và chính trị gia, nhưng bình đẳng thực sự lại không cho phép bất cứ ai đưa ra những tiêu chuẩn bắt người khác phải theo, buộc nhà nước phải viết ra cái quyền hôn nhân. Để vấn đề được sáng tỏ, chúng ta cần phải hiểu rõ Hôn Nhân là gì? Tại sao những nguyên tắc và điều lệ của Hôn Nhân lại là vấn đề?

Suy nghĩ kỹ về những câu hỏi đó, ta sẽ thấy chẳng có gì là “bình đẳng” khi tái định nghĩa hôn nhân có mục đích là loại bỏ những đặc tính bổ sung cuối cùng của hôn nhân là sinh con để cái và giáo dục chúng, một nền tảng cơ bản của hôn nhân từ ngàn xưa xuyên suốt chiều dài của lịch sử loài người.

HÔN NHÂN LÀ GÌ?

Hôn nhân hiện diện khi có sự kết hợp với nhau giữa một người nam và một người nữ như là chồng và vợ, để sinh con và trở thành cha và mẹ. Hôn nhân đặt căn bản trên một sự kiện hiển nhiên về sinh học, nghĩa là khả năng truyền giống, sinh con cái cần phải có người nam và người nữ. Trên thực tế xã hội, con cái cần phải có cha có mẹ. Và nền khoa học phong phú hay kinh nghiệm cho thấy con trẻ sẽ hoàn hảo và trở thành những công dân tốt khi mà chúng có cha có mẹ và được cha mẹ dưỡng dục dạy dỗ đàng hoàng.

Hôn nhân có mục đích là truyền đạt mục đích riêng của mình cho đời, cho xã hội và quốc gia. Chính phủ/nhà nước chấp nhận hôn nhân bởi vì nhà nước làm việc vì công ích. Hôn nhân là phương tiện ít giới hạn nhất để bảo đảm hạnh phúc và thịnh vượng của những công dân tương lai. Nhà nước chấp nhận hôn nhân tức là muốn bảo vệ con trẻ bằng cách khuyến khích người lớn cam kết với nhau và với con cái một cách thường xuyên và quyết liệt.

Như là vấn đề nguyên tắc và điều lệ chung, tiếng nói của tôn giáo về hôn nhân cần phải được chính quyền lắng nghe và hoan nghênh trước công chúng. Thật khôi hài khi đòi hỏi tôn giáo phải có tiếng nói ở tòa án để chứng minh, biện luận cho mọi người hiểu rằng hôn nhân - một định chế tự nhiên đã có từ ngàn đời- là sự phối hợp giữa người nam và người nữ.

Điều này đã quá rõ ràng, đã được chia sẻ và đồng thuận bởi các tôn giáo truyền thống như Do Thái giáo, Kito giáo, Hồi giáo và cả Phật giáo; bởi những nhà tư tưởng cội rễ La Mã và Hy Lạp cổ thời không có liên hệ gì tới những tôn giáo này; bởi nhiều triết gia của thời đại văn minh ngày nay. Nó đã được công nhận bởi cả luật công và luật dân sự, cổ luật Hy Lạp và La Mã.

Bây giờ đặt ra vấn đề vì có sự chống đối kết hợp đồng phái là chuyện xa vời vớ vẩn. Hôn nhân thì ai cũng biết là đã từng xảy ra ở mọi không gian và thời gian, khắp mọi nơi từ nhiều thế kỷ nay trong khi hôn nhân đồng tính thì chẳng ai thèm để ý hoặc nhắc tới. Thực vậy, hôn nhân đã có ở những nền văn hoá mà người ta chẳng có một ý niệm gì về khuynh hướng sắc dục, và có nơi, người ta lại hoàn toàn chấp nhận đồng tính luyến ái và coi nó như là chuyện tự nhiên, không cần thắc mắc.

Trong những năm gần đây, hôn nhân bị coi thường và trở thành thứ yếu do quan niệm của những người chủ trương xét lại. Họ đặt nặng vấn đề ước muốn của người lớn hơn là những nhu cầu của con trẻ. Ở các nước Tây Phương và Hoa Kỳ, người ta có khuynh hướng cho rằng hôn nhân đơn giản chỉ là một loại tổ hợp do sự đồng ý của những người lớn -có thể là hai người, ba người hay 10 người hoặc tùy thích- xum họp lại để thỏa mãn nhu cầu sắc dục hay vui chơi, hoàn toàn sắc dục hay tự do, nhất thời hay thường xuyên.

Một khi hôn nhân đã mất hết ý nghĩa thực của nó như vậy, để được nhà nước và dân chúng công nhận, người ta phải cố gắng tái định nghĩa hôn nhân. Nhưng việc đó có cần thiết không?

TÁI ĐỊNH NGHĨA HÔN NHÂN CÓ CẦN KHÔNG?

Tái định nghĩa hôn nhân để loại bỏ lý tưởng căn bản của sự kết hợp giữa một người nam và một người nữ tức là làm cho “ước muốn khoái cảm nhục dục” trở thành yếu tố duy nhất của hôn nhân, loại bỏ ra ngoài những liên hệ khác của hôn nhân. Tái định nghĩa hôn nhân tức sẽ đưa một nguyên tắc mới vào luật, luật của loại hôn nhân là bất cứ một ràng buộc tình cảm nào được chính phủ đồng ý và chấp nhận và nói nó như vậy thì nó phải vậy!

Chẳng có lý lẽ hoặc nguyên tắc nào có thể chứng minh tại sao một kết hợp tình cảm lại phải là thường xuyên, giới hạn chỉ giữa hai người, hay có thể mở rộng cho nhiều người. Hai người có thể sống chung với nhau trong những điều kiện bình thường do tính tình hoặc sự thích hợp nhau, nhưng chẳng có nguyên tắc, lý do nào lại có quyền buộc họ phải làm như thế cả.

Hôn nhân không thể đơn thuần làm công việc mà xã hội muốn nó làm cho những thế hệ tương lai nếu chúng ta làm cho những điều kiện bình thường ấy trở thành thứ yếu. Tất cả mọi người chúng ta nếu muốn cho một xã hội dân sự tốt đẹp hơn với những cơ chế khả dĩ có thể giới hạn quyền lực hoặc ngăn chặn được sự lộng hành của nhà nước thì phải để ý đến chuyện đó.

Yếm trợ hôn nhân giữa một người nam và một người nữ là bắt buộc đối với những ai có tâm hồn chống lại sự hấp dẫn đồng tính, hay những người không biết đến những nhu cầu của những người chưa bao giờ lập gia đình, hay vì bất cứ một lý do nào khác. Họ không phải là những người kém giá trị hơn những người biết quan tâm và tôn trọng hôn nhân.

Chúng ta có thể làm ra những nguyên tắc và điều lệ sinh phúc lợi cho tất cả mọi công dân mà không cần phải tái định nghĩa Hôn Nhân. Việc đó quá dễ dàng như uống nước đường vậy.

Quan tâm đến công ích đòi hỏi phải bảo vệ và làm cho văn hóa hôn nhân thêm vững mạnh bằng cách quảng bá sự thật về hôn nhân. Nó đòi hỏi một hôn nhân đúng cách và chính nghĩa.

Trong khi tôn trọng tự do của mọi người, chính quyền cần phải nhận thức hôn nhân một cách chính đáng, nâng đỡ, khuyến khích và bảo vệ hôn nhân giữa một người nam và một người nữ như là một định chế lý tưởng vì tình yêu có khả năng sinh sản, sinh con để cái nối dõi tông đường, làm phong phú và hưng phấn cộng đồng, xã hội, quốc gia.

Chấp nhận con người sinh ra đã bình đẳng thì không cần phải đòi hỏi con người hiểu biết về một thực trạng lịch sử đã có từ ngàn đời ấy.

Bạn có thể sống chung với một người đồng phái như là vợ chồng, không ai có quyền ngăn cấm bạn, vì đó là tự do của bạn. Nhưng bạn bắt buộc người khác, một tổ chức hay tôn giáo phải công nhận cuộc sống ấy của bạn là không được, vì bạn đã xâm phạm đến tự do của người khác rồi.

Do đó, không cần phải tái định nghĩa hôn nhân.

Fleming Island, Florida

March 29, 2013

NTC

[1] The Constitutionality of the federal Defense of Marriage Act (DOMA) và California's Proposition 8.

[VỀ MỤC LỤC](#)

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân